

DANH MỤC TÀI LIỆU

I. DỰ THẢO BÁO CÁO		
STT	Nội dung	Trang
1.	Báo cáo tóm tắt “công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2024, phương hướng, nhiệm vụ cải cách hành chính 6 tháng cuối năm 2024”	3
2.	Dự thảo Báo cáo công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2024 và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2024 của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ.	13

II. THAM LUẬN CỦA BỘ VÀ ĐỊA PHƯƠNG			
STT	Nội dung	Thực hiện	Trang
1.	Kết quả cải cách thủ tục hành chính 6 tháng đầu năm 2024, tồn tại, hạn chế, giải pháp 6 tháng cuối năm 2024.	Văn phòng Chính phủ	56
2.	Những kết quả nổi bật trong xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số, đặc biệt là trong việc xây dựng cơ sở dữ liệu; tái cấu trúc quy trình cho thực hiện dịch vụ công trực tuyến; nhiệm vụ, giải pháp trong thời gian tới.	Bộ Thông tin và Truyền thông	62
3.	Cải cách thể chế ngành Ngân hàng, những kết quả đạt được; những tồn tại, hạn chế và phương hướng nhiệm vụ thời gian tới.	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	67
4.	Đánh giá kết quả nổi bật trong công tác cải cách thủ tục hành chính 6 tháng đầu năm 2024, những tồn tại, hạn chế, phương hướng trong thời gian tới.	Bộ Giao thông vận tải	72
5.	Giải pháp thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công 06 tháng cuối năm 2024.	Bộ Tài chính	75
6.	Giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến tại địa phương.	UBND tỉnh Thái Nguyên	80

II. THAM LUẬN CỦA BỘ VÀ ĐỊA PHƯƠNG			
STT	Nội dung	Thực hiện	Trang
7.	Những kết quả nổi bật trong công tác cải cách hành chính những tháng đầu năm 2024, nhiệm vụ, giải pháp thời gian tới.	UBND tỉnh Khánh Hòa	85
8.	Kết quả cải cách chế độ công vụ, nhiệm vụ, giải pháp trong thời gian tới.	UBND tỉnh Quảng Trị	89
9.	Những kết quả nổi bật trong cải cách thủ tục hành chính, một số mô hình hay trong cải cách thủ tục hành chính.	UBND tỉnh Hậu Giang	93
10.	Những kết quả trong Chuyển đổi số, mô hình hay trong cung cấp dịch vụ công trực tuyến, tồn tại, hạn chế, giải pháp trong thời gian tới.	UBND tỉnh Bình Phước	97
11.	Đánh giá những tác động đến phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh và những bài học kinh nghiệm.	UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	101
12.	Những kết quả trong Chuyển đổi số, thực hiện Đề án 06, dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn thành phố, tồn tại, hạn chế, giải pháp trong thời gian tới.	UBND thành phố Đà Nẵng	105
13.	Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ, những kết quả, tồn tại, hạn chế và giải pháp trong thời gian tới.	UBND thành phố Hà Nội	111

BÁO CÁO TÓM TẮT

**Công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2024,
phương hướng, nhiệm vụ cải cách hành chính 6 tháng cuối năm 2024**

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

- Trong 6 tháng đầu năm 2024, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã tiếp tục có những chỉ đạo sát sao, quyết liệt để tháo gỡ những điểm nghẽn trong tổ chức thực hiện công tác cải cách hành chính, đảm bảo thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ, giải pháp và phương châm của năm 2024 là “*Kỷ cương trách nhiệm; chủ động kịp thời; tăng tốc sáng tạo; hiệu quả bền vững*”. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị, công điện để chỉ đạo, đề ra những nhiệm vụ, giải pháp cấp bách, trọng tâm; nhằm thích ứng linh hoạt với tình hình thực tiễn, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước.

- Chính phủ đã kiện toàn Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ¹ (gọi tắt là Ban Chỉ đạo), với thành viên² là các đồng chí Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả cải cách hành chính, giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo quyết liệt, sát sao hơn các nội dung, nhiệm vụ cải cách hành chính; đã ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo³. Ban Chỉ đạo đã tổ chức Phiên họp thứ bảy, vào ngày 02/02/2024. Trưởng ban chỉ đạo cũng đã phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban Chỉ đạo triển khai thực hiện **64** nhóm nhiệm vụ cải cách hành chính trọng tâm trong Kế hoạch hoạt động năm 2024, tính đến nay, các bộ, ngành đã hoàn thành 10/12 (83,3%) nhiệm vụ; chưa hoàn thành, đang thực hiện 2/12 nhiệm vụ (16,7%), còn lại 52 nhiệm vụ là nhiệm vụ thường xuyên và nhiệm vụ có thời hạn hoàn thành trong 6 tháng cuối năm 2024.

- Bộ Nội vụ, cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức Hội nghị công bố Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính năm 2023 (SIPAS 2023) và Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) năm 2023 của các bộ, các tỉnh.

- Các bộ, ngành, địa phương đã bám sát thực tiễn, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, chủ động, quyết tâm tổ chức thực hiện **3.009** nhiệm vụ được giao; đã ban hành **2.870** văn bản để chỉ đạo, đôn đốc, quán triệt tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính đã đề ra. Tính đến tháng 6/2024, các bộ, ngành Trung ương đã hoàn thành 400/991 nhiệm vụ,

¹ Quyết định số 110/QĐ-TTg ngày 28/01/2024 về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ.

² Quyết định số 220/QĐ-TTg ngày 04/3/2024 về việc phê duyệt danh sách thành viên Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ, trong đó chỉ có thành viên của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng là Thứ trưởng.

³ Quyết định số 48/QĐ-BCĐCCHC ngày 02/4/2024.

đạt tỷ lệ 40,36% so với kế hoạch; UBND các tỉnh, thành phố đã hoàn thành 1.327/3.009 nhiệm vụ, đạt tỷ lệ 44.10% so với kế hoạch đề ra.

- Công tác thông tin, tuyên truyền và kiểm tra cải cách hành chính được triển khai thực hiện thường xuyên, liên tục, với nhiều hình thức đa dạng và nội dung phong phú tới từng nhóm đối tượng cụ thể, gắn với việc tận dụng thành tựu của cách mạng công nghiệp 4.0, góp phần lan tỏa tinh thần cải cách hành chính đến người dân, xã hội và tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong thực thi công vụ, nhiệm vụ của đội ngũ công chức, viên chức. Hầu hết các địa phương đã xây dựng, tổ chức triển khai kế hoạch kiểm tra cải cách hành chính tại các cơ quan, đơn vị trực thuộc. Bộ Nội vụ đã tổ chức một số đoàn kiểm tra, làm việc về cải cách hành chính tại các địa phương, gồm: Hải Dương, Đồng Nai, Phú Yên. Thanh tra Chính phủ đã chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ, các bộ, ngành có liên quan tổ chức các đoàn thanh tra trách nhiệm về thực hiện công vụ của cán bộ, công chức, viên chức trong giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công cho người dân và doanh nghiệp tại 06 Bộ và 03 địa phương⁴.

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Cải cách thể chế

- Chính phủ đã tổ chức **05** phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật; ban hành **14** nghị quyết⁵, Thủ tướng Chính phủ ban hành **02** quyết định⁶, **01** công điện để chỉ đạo, yêu cầu các bộ, cơ quan ngang bộ đẩy nhanh tiến độ, bảo đảm chất lượng lập đề nghị, soạn thảo luật, pháp lệnh và khắc phục tình trạng nợ ban hành văn bản quy định chi tiết, nâng cao chất lượng công tác xây dựng và thi hành pháp luật nhằm ngăn ngừa tình trạng tham nhũng, lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ.

- Chính phủ ban hành 83 nghị định; các bộ, ngành đã ban hành theo thẩm quyền hơn 150 thông tư; HĐND và UBND cấp tỉnh đã ban hành khoảng hơn 1500 văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) để điều chỉnh các mối quan hệ kinh tế - xã hội mới phát sinh, trong số đó, có nhiều văn bản liên quan đến cải cách hành chính.

⁴ Các bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Giao thông vận tải; các địa phương: Bắc Ninh, Đồng Nai và thành phố Đà Nẵng.

⁵ Các Nghị quyết về Phiên họp thường kỳ, phiên họp chuyên đề, gồm: Nghị quyết số 03/NQ-CP; Nghị quyết số 05/NQ-CP; Nghị quyết số 10/NQ-CP; Nghị quyết số 16/NQ-CP; Nghị quyết số 31/NQ-CP; Nghị quyết số 52/NQ-CP; Nghị quyết số 74/NQ-CP; Nghị quyết số 88/NQ-CP; Nghị quyết số 95/NQ-CP; Nghị quyết số 126/NQ-CP; Nghị quyết số 135/NQ-CP; Nghị quyết số 164/NQ-CP; Nghị quyết số 165/NQ-CP, Nghị quyết số 203/NQ-CP.

⁶ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 23/01/2024 phân công cơ quan chủ trì soạn thảo, thời hạn trình các dự án luật được điều chỉnh trong chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024; Quyết định số 299/QĐ-TTg ngày 10/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ: Ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành Luật Các tổ chức tín dụng và Luật Đất đai được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp bất thường lần thứ năm.

- Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Kế hoạch⁷ theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2024, theo đó, xác định 03 lĩnh vực trọng tâm cần theo dõi là: (i) An toàn thực phẩm; (ii) quản lý thuế; (iii) xuất bản, in và phát hành xuất bản phẩm.

2. Cải cách thủ tục hành chính

- Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo liên quan đến công tác cải cách thủ tục hành chính (TTHC), như: Nghị định quy định việc thực hiện liên thông điện tử 02 nhóm thủ tục hành chính: Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi; đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng phí, tử tuất⁸; Chỉ thị về tiếp tục đẩy mạnh cắt giảm, đơn giản hóa TTHC tại các bộ, ngành, địa phương phục vụ người dân, doanh nghiệp⁹...

- *Về rà soát cắt giảm, đơn giản hóa quy định kinh doanh*: Trong 6 tháng đầu năm 2024, các bộ, ngành đã thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa **168 quy định kinh doanh** tại 16 văn bản quy phạm pháp luật, nâng tổng số quy định kinh doanh được cắt giảm, đơn giản hóa từ năm 2021 đến nay là **2.943** quy định kinh doanh tại 250 VBQPPL, đạt **18,6%**.

- *Về phân cấp trong giải quyết TTHC*: Tổng số TTHC được phân cấp là **108** TTHC tại 08 nghị định và 13 thông tư, nâng tổng số TTHC được phân cấp từ năm 2022 đến nay là **261/699** TTHC tại **53** VBQPPL.

- *Về rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022 - 2025*: các bộ, cơ quan đã trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án đơn giản hóa 40 TTHC nội bộ và phê duyệt theo thẩm quyền phương án đơn giản hóa 151 TTHC nội bộ (*bãi bỏ 25 TTHC, sửa đổi bổ sung 166 TTHC*); các địa phương đã phê duyệt phương án đơn giản hóa tổng số **861** TTHC (*bãi bỏ 97 TTHC, sửa đổi bổ sung 764 TTHC*).

- *Về việc thực thi 19 Nghị quyết của Chính phủ về đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư*: tổng số TTHC được thực thi là **247** TTHC tại **25** VBQPPL¹⁰. Tính đến nay, các bộ, ngành đã đơn giản hóa **828** TTHC được giao tại các Nghị quyết chuyên đề của Chính phủ về đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư, đạt **76%**.

- *Việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC*: Văn phòng Chính phủ đã hoàn thiện tài liệu hướng dẫn mô hình mẫu về Bộ phận Một cửa theo hướng kết hợp cung cấp dịch vụ hành chính công

⁷ Quyết định số 192/QĐ-TTg ngày 22/02/2024.

⁸ Nghị định số 63/2024/NĐ-CP ngày 10/6/2024 quy định việc thực hiện liên thông điện tử 02 nhóm thủ tục hành chính: Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi; đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng phí, tử tuất.

⁹ Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 20/5/2024 về tiếp tục đẩy mạnh cắt giảm, đơn giản hóa TTHC tại các bộ, ngành, địa phương phục vụ người dân, doanh nghiệp.

¹⁰ Gồm 09 Nghị định và 16 Thông tư.

của các đơn vị hành chính trên cùng địa bàn và đang xin ý kiến của các bộ, ngành địa phương và các cơ quan có liên quan để hoàn thiện, ban hành và tổ chức thí điểm tại 4 địa phương (Hà Nội, Tp.Hồ Chí Minh, Bình Dương, Quảng Ninh) trong thời gian tới¹¹.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

- Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành một số văn bản liên quan đến công tác tổ chức bộ máy, như: Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế¹²; Nghị quyết thực hiện Kết luận số 62-KL/TW của Bộ Chính trị về việc thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW¹³; Quyết định số 139/QĐ-TTg ngày 02/02/2024 về Kế hoạch xây dựng Quy hoạch tổng thể đơn vị hành chính các cấp giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045; Quyết định số 269/QĐ-TTg ngày 02/4/2024 thành lập Ban Chỉ đạo tổng kết 20 năm thực hiện mô hình tổ chức bộ máy của Chính phủ...

- Bộ Nội vụ đã có báo cáo Thủ tướng Chính phủ về kết quả sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ, ngành theo Thông báo Kết luận số 114/TB-BCĐĐMSXTCBM; đã tổng hợp danh mục vị trí việc làm trong cơ quan, tổ chức hành chính, cơ quan thuộc Chính phủ và đơn vị sự nghiệp công lập trên cơ sở Thông tư hướng dẫn của bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

- *Về quản lý và tinh giản biên chế*: trong 6 tháng đầu năm 2024, kết quả tinh giản biên chế của bộ, ngành, địa phương theo quy định tại các Nghị định của Chính phủ tổng số là **3.853** người; trong đó, bộ, ngành là **107** người (47 công chức, 60 viên chức), địa phương là **3.746** người (530 công chức, 3.216 viên chức).

- *Về cải cách tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương*: Đến nay, 53 tỉnh, thành phố có thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 đã hoàn thiện Phương án tổng thể, trong đó cấp huyện thực hiện sắp xếp là 49 đơn vị. Tính đến ngày 30/6/2024, Bộ Nội vụ đã nhận được **28/53** hồ sơ đề nghị sắp xếp đơn vị hành chính của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Trong đó, Bộ Nội vụ đã chủ trì tổ chức thẩm định, hoàn thiện trình Chính phủ đề trình UBTVQH xem xét, thông qua Đề án của **05** địa phương¹⁴, **09** địa phương đang hoàn thiện Đề án sau thẩm định¹⁵; **14** địa phương đang hoàn thiện hồ sơ đề tổ chức thẩm định (**03** địa phương đã tổ

¹¹ Quyết định số 145/QĐ-VPCP ngày 18/3/2024 của Văn phòng Chính phủ Thành lập Tổ biên tập xây dựng tài liệu về Mô hình mẫu Bộ phận một cửa cung cấp dịch vụ công theo hướng kết hợp Bộ phận một cửa của các đơn vị hành chính các cấp trên địa bàn.

¹² Nghị định số 56/2024/NĐ-CP ngày 18/5/2024

¹³ Nghị quyết số 38/NQ-CP ngày 02/4/2024

¹⁴ Gồm: Nam Định, Tuyên Quang, Sóc Trăng, Cần Thơ, Ninh Thuận

¹⁵ Gồm: Thái Nguyên, Vĩnh Phúc, Phú Yên, Hải Dương, Quảng Trị, Cà Mau, Yên Bái, Bình Định, Tiền Giang

chức khảo sát¹⁶; **11** địa phương đang hoàn thiện hồ sơ¹⁷) và **25** tỉnh, thành phố đang khẩn trương xây dựng, hoàn thiện Đề án.

4. Cải cách chế độ công vụ

- Về hoàn thiện thể chế quản lý, sử dụng cán bộ, công chức viên chức: Trong 6 tháng đầu năm 2024, Chính phủ ban hành **02** nghị định liên quan đến tiêu chuẩn chức danh công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan hành chính nhà nước và về việc bầu, tuyển dụng, sử dụng, quản lý CBCC làm việc tại xã, thị trấn và cán bộ phường của thành phố Hồ Chí Minh¹⁸. Bộ Nội vụ đã ban hành Kế hoạch số 551/KH-BNV ngày 30/01/2024 về kế hoạch tổng kết thi hành Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2019), Luật Viên chức năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) và lập hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Cán bộ, công chức (sửa đổi), Luật Viên chức (sửa đổi).

- Các bộ, ngành, địa phương trong 6 tháng đầu năm 2024 đã thực hiện tuyển dụng công chức, viên chức được **13.965** người (*bộ, ngành tuyển dụng 169 công chức, 391 viên chức; địa phương tuyển dụng 1.519 công chức, 11.886 viên chức*). Tuyển dụng theo Nghị định số 140/2017/NĐ-CP được **30** sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ (*bộ, ngành tuyển dụng 04 người, địa phương 26 người*) để bổ sung vào đội ngũ CBCCVC của cả nước.

- Về chính sách tiền lương: Bộ Nội vụ tập trung tham mưu Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo Trung ương về cải cách chính sách tiền lương tổ chức 21 cuộc họp để xem xét, thảo luận kỹ lưỡng, thận trọng, tính toán các phương án tối ưu, khả thi nhất để báo cáo Bộ Chính trị, Quốc hội xem xét, quyết định các nội dung cải cách tiền lương, điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công, trợ cấp xã hội. Theo đó, thực hiện cải cách chính sách tiền lương theo lộ trình phù hợp, từng bước, chắc chắn, khả thi, hiệu quả; thực hiện đầy đủ cải cách chính sách tiền lương khu vực doanh nghiệp; thực hiện 4/6 nội dung cải cách chính sách tiền lương khu vực công; 2/6 nội dung thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở tăng 30%, giữ nguyên phụ cấp hiện hành. Đồng thời, trình Chính phủ ban hành Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang, trong đó điều chỉnh mức lương cơ sở tăng **30%** (từ **1.800.000** đồng lên **2.340.000** đồng/tháng) và hướng dẫn thực hiện cơ chế thưởng 10% tổng mức lương cơ bản của cơ quan, đơn vị để thực hiện từ ngày 01/7/2024.

5. Cải cách tài chính công

- Chính phủ đã ban hành **05** nghị định, Bộ Tài chính đã ban hành một

¹⁶ Gồm: Lào Cai, Thừa Thiên - Huế, Quảng Ninh

¹⁷ Gồm: Thái Bình, Hà Nội, Điện Biên, Bắc Giang, Nghệ An, Quảng Bình, Hưng Yên, Bến Tre, Quảng Ngãi, Đồng Nai, Khánh Hòa

¹⁸ Nghị định số 29/2024/NĐ-CP ngày 06/3/2024 và Nghị định số 07/2024/NĐ-CP ngày 01/02/2024

số văn bản trong lĩnh vực quản lý tài chính - ngân sách nhà nước, trong đó, nhiều văn bản có tinh thần cải cách mạnh mẽ, góp phần tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội.

- *Công tác giải ngân vốn đầu tư công tiếp tục được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương quan tâm chỉ đạo thực hiện quyết liệt:* Theo báo cáo của Bộ Tài chính, tiến độ giải ngân vốn đầu tư công ước thanh toán từ đầu năm đến ngày 30/6/2024 là 196.669,4 tỷ đồng, đạt 27,51% kế hoạch, đạt 29,39% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao.

6. Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số

- Thể chế, chính sách đã được ban hành để hoàn thiện môi trường pháp lý, thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia, bao gồm: 10 nghị định, 06 quyết định của Thủ tướng Chính phủ, 02 chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ.

- *Về Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Chính phủ (eCabinet):* Tính đến nay, Hệ thống đã phục vụ **99** hội nghị, phiên họp của Chính phủ và thực hiện xử lý **2.288** phiếu lấy ý kiến thành viên Chính phủ, thay thế hơn **789** nghìn hồ sơ, tài liệu giấy.

- *Về cung cấp dịch vụ công trực tuyến:* Theo báo cáo của Bộ Thông tin và Truyền thông, đến 30/6/2024, tỷ lệ TTHC được cung cấp dưới dạng DVCTT đạt 81%; tỷ lệ TTHC được cung cấp dưới dạng DVCTT toàn trình đạt 48%. Tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến đối với các DVCTT toàn trình của các bộ, ngành đạt **61%**; cấp tỉnh, thành phố đạt **17%**. Trung bình toàn quốc đạt **42%**. Tính đến tháng 6/2024, toàn quốc có 63/63 địa phương ban hành chính sách miễn, giảm phí, lệ phí sử dụng DVCTT; thành phố Hà Nội ban hành chính sách quy định việc hỗ trợ phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp qua ứng dụng VNeID trên địa bàn thành phố.

- *Về số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC:* theo báo cáo của Văn phòng Chính phủ, kết quả số hóa tại các bộ, ngành đạt **31,11%**, tại các địa phương đạt **53,20%**.

- *Về một số cơ sở dữ liệu (CSDL) quốc gia:* 63/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã triển khai đăng ký khai sinh, kết hôn, khai tử trực tuyến. Tính đến 30/6/2024, 100% các bộ, ngành, địa phương đã hoàn thành kết nối, đồng bộ dữ liệu với CSDL quốc gia về CBCCVC; tổng số dữ liệu được đồng bộ đạt **2.292.771** hồ sơ.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Điểm nổi bật đạt được

- Với sự quan tâm, chỉ đạo sát sao, quyết liệt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ cùng sự vào cuộc mạnh mẽ của các bộ, ngành, địa phương và

người dân, doanh nghiệp, việc rà soát, xử lý vướng mắc, bật cập về cải cách hành chính đã được tích cực triển khai thực hiện, góp phần thúc đẩy cải cách hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh, nhiều chỉ số của Việt Nam được thăng hạng (Xếp hạng môi trường kinh doanh tăng 12 bậc, xếp thứ 106 trong bộ chỉ số tự do kinh tế thế giới, tăng 04 bậc so với năm 2022; xếp thứ 46/132 quốc gia và nền kinh tế về chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu, tăng 02 bậc so với năm 2022).

- Cải cách thể chế, cải cách TTHC tiếp tục được quan tâm, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã dành thời gian lắng nghe, tiếp xúc với người dân, cộng đồng doanh nghiệp để chỉ đạo nghiên cứu, xử lý những phản ánh, kiến nghị về cơ chế, chính sách, TTHC. Nhiều mô hình hay, điển hình, như: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các tỉnh: Khánh Hòa, Hậu Giang, Bà Rịa - Vũng Tàu...

- Việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy và hoàn thiện quy định về vị trí việc làm tại cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị, cải cách chính sách tiền lương tiếp tục có chuyển biến rõ nét, đạt được những kết quả tích cực. Kỷ luật, kỷ cương hành chính được tăng cường.

- Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số tiếp tục được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện đồng bộ, quyết liệt, từng bước có những kết quả cụ thể, mô hình tốt, điển hình, như: Đà Nẵng, Bình Phước, Hà Nội, Quảng Ninh, thành phố Hồ Chí Minh...

2. Tồn tại, hạn chế

- Một số cơ chế, chính sách, pháp luật trên một số lĩnh vực còn thiếu đồng bộ, chồng chéo, mâu thuẫn, chưa phù hợp thực tiễn, chậm sửa đổi, bổ sung, tháo gỡ¹⁹, dẫn đến khó khăn cho tổ chức thực hiện tại địa phương và là một trong những nguyên nhân dẫn đến chậm trễ trong giải quyết TTHC cho người dân, doanh nghiệp.

- Một số bộ, ngành còn chậm trễ trong việc ban hành quyết định công bố TTHC dẫn đến khó khăn cho địa phương trong việc công bố, niêm yết, công khai TTHC; một số địa phương chưa kiểm soát chặt chẽ về thời hạn trong giải quyết TTHC cho người dân và doanh nghiệp dẫn đến tỷ lệ hồ sơ giải quyết quá hạn hoặc từ chối giải quyết còn nhiều. Vẫn còn 02 bộ²⁰ chưa thực hiện phân cấp TTHC theo Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ; một số bộ còn chưa chủ động thực

¹⁹ Báo cáo số 135/BC-CP ngày 10/4/2024 của Chính phủ Kết quả thực hiện Nghị quyết số 110/2023/QH15, Kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XV về xem xét, xử lý kết quả rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.

²⁰ 02 bộ gồm: Khoa học và Công nghệ, Ngoại giao.

thực thi các phương án phân cấp thuộc thẩm quyền²¹.

- Việc kết nối, chia sẻ, khai thác CSDL quốc gia về dân cư, các CSDL chuyên ngành với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của các địa phương chưa thực sự thông suốt, còn bộc lộ nhiều vướng mắc, bất cập, có nơi, có lúc gây phiền hà cho người dân ; việc số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC còn hạn chế; việc thực hiện cung cấp DVCTT còn hình thức, chưa thực chất, chưa hiệu quả.

2. Nguyên nhân

- Một số quy định pháp luật chuyên ngành liên quan đến giải quyết TTHC cho người dân và doanh nghiệp chưa cụ thể, rõ ràng, còn có chồng chéo hoặc không phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương nhưng chưa được sửa đổi, bổ sung kịp thời.

- Công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị còn thiếu chủ động, chưa chặt chẽ, kịp thời, hiệu quả; còn tình trạng níu kéo, lợi ích cục bộ của ngành, lĩnh vực. Trách nhiệm thực thi công vụ của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức chưa cao, còn có biểu hiện né tránh, đùn đẩy, sợ trách nhiệm, không thực hiện công việc thuộc thẩm quyền theo chức năng, nhiệm vụ được giao, dẫn đến chậm tiến độ, gây phiền hà, sách nhiễu trong giải quyết công việc cho người dân, doanh nghiệp.

- Cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin giải quyết DVCTT của một số ngành, lĩnh vực nhiều lúc còn gặp sự cố; các hệ thống thông tin phục vụ giải quyết TTHC chưa có sự chuẩn hóa, thống nhất về dữ liệu; cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương chưa đáp ứng yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật; hạ tầng CNTT, trang thiết bị còn hạn chế, chưa được quan tâm đầu tư kịp thời...

- Công tác tuyên truyền cải cách hành chính chưa được quan tâm, đầu tư đúng mức về nguồn lực tài chính và nguồn nhân lực dẫn đến các nội dung, nhiệm vụ cải cách hành chính chưa được lan tỏa sâu rộng tới tất cả đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và tới người dân, cộng đồng xã hội, tạo sự đồng hành, chia sẻ trách nhiệm trong triển khai cải cách hành chính.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH 6 THÁNG CUỐI NĂM 2024

1. Các bộ, ngành, địa phương tiếp tục quán triệt, tổ chức thực hiện nghiêm, toàn diện, đồng bộ, có hiệu quả Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ và Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 02/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030; có giải pháp cụ thể, thiết thực và tạo đột phá mạnh mẽ để nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành

²¹ Như: Bộ Công Thương, Bộ Y tế....

chính được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao, thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch cải cách hành chính năm 2024 của các bộ, cơ quan, địa phương, bảo đảm đúng tiến độ.

Tiếp tục phát huy vai trò và nâng cao trách nhiệm người đứng đầu các bộ, ngành, địa phương trong lãnh đạo, chỉ đạo triển khai nhiệm vụ cải cách hành chính; tăng cường công tác đôn đốc, theo dõi, đánh giá, thanh tra, kiểm tra, tuyên truyền về cải cách hành chính. Tập trung ưu tiên nguồn lực đẩy nhanh tiến độ thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho người dân, doanh nghiệp, tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

2. Các thành viên Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ tổ chức triển khai có hiệu quả Kế hoạch hoạt động năm 2024. Bộ Nội vụ - cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo triển khai có hiệu quả Kế hoạch kiểm tra cải cách hành chính năm 2024; các bộ, ngành, địa phương sử dụng hiệu quả kết quả Chỉ số cải cách hành chính năm 2023 và Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính năm 2023, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác cải cách hành chính.

3. Các bộ, cơ quan đẩy nhanh tiến độ rà soát, sắp xếp, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các cơ quan, đơn vị trực thuộc, đáp ứng tiêu chí theo quy định của Chính phủ; thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy bên trong gắn với tinh giản biên chế và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của từng cơ quan, đơn vị, trong đó tập trung xây dựng vị trí việc làm để cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Tiếp tục triển khai thực hiện việc sắp xếp, tổ chức lại, nâng cao hiệu quả hoạt động của ĐVSNCL. Triển khai, hoàn thành việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã theo Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 30/7/2023 ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025.

4. Đẩy mạnh cải cách thể chế, tập trung tháo gỡ vướng mắc pháp lý cho sản xuất, kinh doanh. Gắn kết chặt chẽ giữa cải cách, đơn giản hóa TTHC với chuyển đổi số. Rà soát, kiến nghị bãi bỏ các TTHC, điều kiện kinh doanh không cần thiết, không khả thi, không rõ ràng, khó xác định, không phù hợp thực tiễn; tăng cường phân cấp trong giải quyết TTHC, giảm chi phí tuân thủ TTHC cho người dân, doanh nghiệp. Nghiên cứu, tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông gắn với chuyển đổi số, tổ chức tinh gọn, phù hợp với thực tiễn.

5. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, nâng cao kỷ luật, kỷ cương hành chính trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Tổ chức triển khai thực hiện nghiêm, hiệu quả các

cơ chế, chính sách mới trong quản lý cán bộ, công chức, viên chức²². Triển khai thực hiện hiệu quả chính sách cải cách tiền lương từ ngày 01/7/2024 theo kết luận của Bộ Chính trị.

6. Tăng cường rà soát, tháo gỡ những rào cản về thể chế, cơ chế để nâng cao hiệu quả giải ngân vốn đầu tư công tại các bộ, ngành, địa phương. Tổ chức triển khai có hiệu quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại cơ quan hành chính và các đơn vị sự nghiệp công lập. Bộ Tài chính đẩy nhanh tiến độ nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; phối hợp các bộ, ngành hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật để đẩy mạnh tự chủ đơn vị sự nghiệp công lập và xã hội hóa dịch vụ công ở các lĩnh vực có đủ điều kiện.

7. Tiếp tục triển khai xây dựng Chính phủ điện tử, Chính phủ số; chuyển đổi số quốc gia theo kế hoạch, lộ trình đã phê duyệt. Các bộ, ngành, địa phương tập trung phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng số, bảo đảm cho việc kết nối, chia sẻ dữ liệu đồng bộ, thống nhất; hoàn thiện các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành; tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan, địa phương phục vụ phân tích, xử lý dữ liệu, hỗ trợ công tác chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng cung cấp dịch vụ công cho người dân, doanh nghiệp; tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án 06²³./.

²² Tại các văn bản, như: Nghị định số 73/2023/NĐ-CP ngày 29/9/2023 của Chính phủ quy định về khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 31/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về thu hút, trọng dụng nhân tài đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050,...

²³ Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

Số: /BC-BCĐCCHC

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO**BÁO CÁO****Công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2024,
phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2024**

Thực hiện Quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ (sau đây gọi tắt là Ban Chỉ đạo) được ban hành tại Quyết định số 48/QĐ-BCĐCCHC ngày 02/4/2024, Ban Chỉ đạo tổng hợp, báo cáo công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2024, phương hướng, nhiệm vụ cải cách hành chính 6 tháng cuối năm 2024 như sau:

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN**1. Công tác chỉ đạo, quán triệt**

Trong 6 tháng đầu năm 2024, các bộ, thành viên Ban Chỉ đạo đã có nhiều nỗ lực, quyết tâm trong việc tham mưu cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ triển khai nhiều nhiệm vụ, giải pháp quan trọng nhằm phấn đấu thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2024; kịp thời tháo gỡ khó khăn, phục hồi sản xuất kinh doanh²⁴... Nghị quyết số 01/NQ-CP²⁵ và Nghị quyết số 02/NQ-CP²⁶ được ban hành với nhiều nội dung, nhiệm vụ, giải pháp gắn liền với cải cách hành chính, tiếp tục khẳng định, cải cách hành chính được xác định là một trong những trọng tâm chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, nhằm thích ứng linh hoạt với tình hình thực tiễn, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, thúc đẩy thực hiện thắng lợi phương châm, chủ đề điều hành của năm 2024 là “Kỷ cương trách nhiệm; chủ động kịp thời; tăng tốc sáng tạo; hiệu quả bền vững”.

- Chính phủ đã kiện toàn Ban Chỉ đạo²⁷, với thành viên²⁸ là các đồng chí Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả cải cách hành chính, giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo quyết liệt, sát sao hơn các nội dung, nhiệm vụ cải cách hành chính. Thủ tướng Chính phủ - Trưởng Ban Chỉ đạo cũng đã ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo²⁹.

²⁴ Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 21/4/2024 về các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 02/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ: Về triển khai nhiệm vụ điều hành chính sách tiền tệ năm 2024, tập trung tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng và ổn định kinh tế vĩ mô; Công điện số 24/CĐ-TTg ngày 22/3/2024 về việc đẩy nhanh tiến độ phân bổ và giải ngân vốn đầu tư công năm 2024.

²⁵ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước năm 2024

²⁶ Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 05/01/2024 về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2024

²⁷ Quyết định số 110/QĐ-TTg ngày 28/01/2024 về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ.

²⁸ Quyết định số 220/QĐ-TTg ngày 04/3/2024 về việc phê duyệt danh sách thành viên Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ, trong đó chỉ có thành viên của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng là Thứ trưởng.

²⁹ Quyết định số 48/QĐ-BCĐCCHC ngày 02/4/2024

- Ban Chỉ đạo đã tổ chức Phiên họp thứ bảy, với sự chủ trì của Thủ tướng Chính phủ - Trưởng Ban Chỉ đạo (ngày 02/02/2024). Tại cuộc họp, các đại biểu đã thảo luận, đánh giá kết quả cải cách hành chính năm 2023, kết quả thực hiện nhiệm vụ của các thành viên Ban Chỉ đạo; đồng thời, đề xuất nhiệm vụ cải cách hành chính trọng tâm năm 2024. Trên cơ sở đó, Thủ tướng Chính phủ, Trưởng Ban Chỉ đạo đã ban hành Kế hoạch hoạt động năm 2024 (Quyết định số 42/QĐ-BCĐCCHC ngày 18/3/2024); với 64 nhiệm vụ cụ thể, gắn với trách nhiệm triển khai của từng thành viên Ban Chỉ đạo và các bộ, ngành, địa phương. Tính đến nay, Kế hoạch hoạt động năm 2024 của Ban Chỉ đạo với 12 nhiệm vụ có thời hạn hoàn thành trong 6 tháng đầu năm 2024, các bộ, ngành đã hoàn thành 10/12 (83,3%) nhiệm vụ (*tuy nhiên, trong 10 nhiệm vụ này có 4 nhiệm vụ là trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành văn bản và văn bản đã được các bộ trình nhưng chưa được ban hành*); chưa hoàn thành, đang thực hiện 2/12 nhiệm vụ (16,7%) (Chi tiết tại Phụ lục kèm theo). Còn lại 52 nhiệm vụ là nhiệm vụ thường xuyên và nhiệm vụ có thời hạn hoàn thành trong 6 tháng cuối năm 2024.

- Bộ Nội vụ - cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo đã thường xuyên theo dõi, đôn đốc và hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ cải cách hành chính tại Nghị quyết 76/NQ-CP; kịp thời tổng hợp các kiến nghị, đề xuất và trực tiếp giải quyết hoặc chuyển cơ quan có thẩm quyền giải quyết các nội dung liên quan đến cải cách hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho các địa phương trong quá trình triển khai thực hiện. Trong 6 tháng đầu năm 2024, Bộ Nội vụ đã phối hợp chặt chẽ với các bộ, cơ quan có liên quan để triển khai kế hoạch xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2023 (PAR INDEX 2022), với các hoạt động tự đánh giá, chấm điểm kết quả cải cách hành chính năm 2023; thẩm định kết quả tự đánh giá của các bộ, các tỉnh; triển khai khảo sát khoảng 50.000 phiếu dành cho đối tượng lãnh đạo, quản lý các cấp theo hình thức trực tuyến trên Hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin đánh giá cải cách hành chính và đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước để lấy ý kiến đánh giá kết quả cải cách hành chính của các bộ, cơ quan, địa phương. Triển khai kế hoạch đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2023, Bộ Nội vụ đã phối hợp với Tổng công ty Bưu điện Việt Nam và các cơ quan liên quan thực hiện khảo sát trên 40.000 người dân để phục vụ xác định Chỉ số hài lòng đối với sự phục vụ hành chính năm 2023 (SIPAS 2022). Ngày 17/4/2024, được sự đồng ý của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nội vụ thay mặt Ban Chỉ đạo đã phối hợp với Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam tổ chức Hội nghị công bố Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính năm 2023 (SIPAS 2023) và Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) năm 2023 của các bộ, các tỉnh.

- Trong 06 tháng đầu năm 2024, 100% các bộ, cơ quan ngang bộ và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã ban hành kế hoạch cải cách hành chính năm 2024, trong đó, xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, sản phẩm đầu ra và giao trách nhiệm cụ thể cho từng cơ quan, đơn vị để tổ chức thực hiện. Kế hoạch cải cách hành chính năm 2024 của các bộ, cơ quan ngang bộ đã đề ra 991 nhiệm vụ, UBND các tỉnh, thành phố đã đề ra 3.009 nhiệm vụ và phân công rõ thời gian,

trách nhiệm triển khai cho từng cơ quan, đơn vị để tổ chức thực hiện; có nơi cá thể hóa trách nhiệm đến từng cá nhân trong triển khai từng nhiệm vụ cải cách hành chính được giao. Trong 6 tháng đầu năm 2024, các bộ, cơ quan ngang bộ đã ban hành 305 văn bản, các địa phương đã ban hành 2.565 văn bản để chỉ đạo, đôn đốc, quán triệt thực hiện tốt các nhiệm vụ cải cách hành chính trên từng lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý. Tính đến ngày 21/6/2024, các bộ, ngành Trung ương đã hoàn thành 400/991 nhiệm vụ, đạt tỷ lệ 40,36% so với kế hoạch; UBND các tỉnh, thành phố đã hoàn thành 1.327/3.009 nhiệm vụ, đạt tỷ lệ 44,10% so với kế hoạch đề ra. Một số bộ, ngành, địa phương đã tích cực, thực hiện tốt công tác chỉ đạo điều hành cải cách hành chính trong 6 tháng đầu năm, như: Bộ Công an, Bộ Tư pháp, tỉnh Quảng Ninh, tỉnh Thái Nguyên, TP Đà Nẵng, tỉnh Thừa Thiên Huế,....

2. Công tác tuyên truyền, kiểm tra cải cách hành chính

Trong 6 tháng đầu năm 2024, các bộ, ngành, địa phương đã tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính với nhiều hình thức đa dạng và nội dung phong phú tới từng nhóm đối tượng cụ thể, gắn với việc tận dụng thành tựu của cách mạng công nghiệp 4.0. Thông qua đó, phát huy ý thức trách nhiệm, tinh thần chủ động của cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi nhiệm vụ, công vụ, đồng thời, tạo sự đồng thuận, ủng hộ, hưởng ứng của người dân, doanh nghiệp đối với việc triển khai các nội dung cải cách hành chính. Văn phòng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ định kỳ hàng tuần phát hành bản tin điện tử cải cách hành chính, gửi đến hộp thư điện tử và triển khai gửi bản tin qua tài khoản Zalo của hơn 5000 lãnh đạo, quản lý các cấp từ Trung ương đến địa phương để cung cấp thông tin, tuyên truyền về những kết quả, giải pháp, kinh nghiệm, sáng kiến cải cách hành chính hay đang được áp dụng, triển khai có hiệu quả tại các bộ, ngành, địa phương.

Văn phòng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ định kỳ hàng tuần phát hành bản tin điện tử cải cách hành chính, gửi đến hộp thư điện tử và triển khai thử nghiệm gửi bản tin qua tài khoản Zalo của hơn 5.000 lãnh đạo, quản lý các cấp từ Trung ương đến địa phương để cung cấp thông tin, tuyên truyền về những kết quả, giải pháp, kinh nghiệm, sáng kiến cải cách hành chính hay đang được áp dụng, triển khai có hiệu quả tại bộ, ngành, địa phương.

Bộ Nội vụ đã ban hành Kế hoạch kiểm tra cải cách hành chính năm 2024 của Bộ Nội vụ - cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ³⁰ (dự kiến kiểm tra tại 01 bộ và 09 địa phương). Hầu hết các địa phương đã xây dựng kế hoạch kiểm tra cải cách hành chính tại các cơ quan, đơn vị trực thuộc. Bộ Nội vụ đã tổ chức một số đoàn kiểm tra, làm việc về cải cách hành chính tại các địa phương, gồm: Hải Dương, Đồng Nai, Phú Yên. Thanh tra Chính phủ đã chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ, các bộ, ngành có liên quan tổ chức các đoàn thanh tra trách nhiệm về thực hiện công vụ của cán bộ, công chức, viên chức trong giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công cho người dân và doanh nghiệp

³⁰ Quyết định số 201/QĐ-BNV ngày 25/3/2024 của Bộ Nội vụ về việc ban hành Kế hoạch kiểm tra cải cách hành chính năm 2024 của Bộ Nội vụ - cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ.

tại 06 Bộ và 03 địa phương³¹. Một số địa phương³² chủ động triển khai công tác kiểm tra công vụ và cải cách hành chính tại 152 cơ quan, đơn vị trực thuộc; qua đó đã kịp thời phát hiện, xử lý và chỉ đạo xử lý đối với các vấn đề tồn tại, hạn chế phát hiện qua kiểm tra, chấn chỉnh, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm kỷ luật, kỷ cương hành chính, góp phần nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính.

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Cải cách thể chế

- Trong 6 tháng đầu năm 2024, Chính phủ đã tổ chức **05** phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật; ban hành **14** nghị quyết³³, Thủ tướng Chính phủ ban hành **02** quyết định³⁴, **01** công điện để chỉ đạo, yêu cầu các bộ, cơ quan ngang bộ đẩy nhanh tiến độ, bảo đảm chất lượng lập đề nghị, soạn thảo luật, pháp lệnh và khắc phục tình trạng nợ ban hành văn bản quy định chi tiết, nâng cao chất lượng công tác xây dựng và thi hành pháp luật nhằm ngăn ngừa tình trạng tham nhũng, lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ.

- Về công tác xây dựng, tổ chức thi hành pháp luật: Tính đến 30/6, các bộ, ngành đã ban hành theo thẩm quyền hơn 150 thông tư và tham mưu, trình Chính phủ ban hành 75 nghị định (*đến 12/7 là 83 nghị định*); HĐND và UBND cấp tỉnh đã ban hành khoảng hơn 1500 văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) để điều chỉnh các mối quan hệ kinh tế - xã hội mới phát sinh, trong số đó, có nhiều văn bản liên quan đến cải cách hành chính.

- Về kết quả kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật: trong 6 tháng đầu năm, Bộ Tư pháp đã tiếp nhận để kiểm tra theo thẩm quyền đối với 1.131 văn bản³⁵; theo dõi, đôn đốc cơ quan ban hành văn bản hoàn thành việc xử lý đối với 65 văn bản có quy định trái pháp luật đã được Bộ Tư pháp kết luận trong năm 2023 (62 văn bản đã được Bộ Tư pháp kết luận trong năm 2023 và 03 văn bản kết luận trong năm 2024)³⁶. Bên cạnh đó, Bộ Tư pháp đã tổ chức, triển khai thực hiện kiểm tra văn bản do các bộ, cơ quan ngang bộ và các địa phương ban hành theo các chuyên đề, gồm: (i) Kiểm tra chuyên đề về các văn bản liên quan đến việc thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý thị trường bất động sản và phát triển nhà ở

³¹ Các bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Giao thông vận tải; các địa phương: Bắc Ninh, Đồng Nai và thành phố Đà Nẵng.

³² Các địa phương đã tiến hành kiểm tra, như: Nghệ An (01 Sở, 03 huyện), Ninh Thuận (kiểm tra tại 11 cơ quan, đơn vị), Thanh Hóa (kiểm tra tại 20 cơ quan, đơn vị), Thái Nguyên (kiểm tra tại 27 cơ quan, đơn vị), Thành phố Hồ Chí Minh (kiểm tra tại 69 cơ quan, đơn vị), Quảng Ninh (kiểm tra tại 21 cơ quan, đơn vị),...

³³ Các Nghị quyết về Phiên họp thường kỳ, phiên họp chuyên đề, gồm: Nghị quyết số 03/NQ-CP; Nghị quyết số 05/NQ-CP; Nghị quyết số 10/NQ-CP; Nghị quyết số 16/NQ-CP; Nghị quyết số 31/NQ-CP; Nghị quyết số 52/NQ-CP; Nghị quyết số 74/NQ-CP; Nghị quyết số 88/NQ-CP; Nghị quyết số 95/NQ-CP; Nghị quyết 126/NQ-CP; Nghị quyết số 135/NQ-CP; Nghị quyết 164/NQ-CP; Nghị quyết 165/NQ-CP, Nghị quyết số 203/NQ-CP.

³⁴ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 23/01/2024 phân công cơ quan chủ trì soạn thảo, thời hạn trình các dự án luật được điều chỉnh trong chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024; Quyết định số 299/QĐ-TTg ngày 10/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ: Ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành Luật Các tổ chức tín dụng và Luật Đất đai được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp bất thường lần thứ năm.

³⁵ Bao gồm: 107 văn bản của các bộ, cơ quan ngang bộ; 1.024 văn bản của chính quyền địa phương cấp tỉnh. Hiện nay, Bộ Tư pháp đang xem xét đề ban hành kết luận kiểm tra đối với một số văn bản có quy định trái pháp luật.

³⁶ Số liệu tính từ ngày 22/12/2023 đến 22/5/2024.

xã hội giai đoạn 2015 - 2023³⁷; (ii) Kiểm tra chuyên đề về các văn bản liên quan đến việc thực hiện chính sách, pháp luật về đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2018 - 2023³⁸; (iii) Kiểm tra chuyên đề về các VBQPPL có quy định thủ tục hành chính trái thẩm quyền³⁹.

- Công tác theo dõi thi hành pháp luật tiếp tục được quan tâm chỉ đạo thực hiện một cách chủ động từ Trung ương đến địa phương; Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Kế hoạch⁴⁰ theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2024, theo đó, xác định 03 lĩnh vực trọng tâm cần theo dõi là: (i) An toàn thực phẩm; (ii) quản lý thuế; (iii) xuất bản, in và phát hành xuất bản phẩm. Tiếp theo đó, Bộ Tư pháp đã ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2024; Danh mục VBQPPL trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2024⁴¹. Bộ Tư pháp đã trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Nâng cao năng lực cho đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật thực hiện phổ biến giáo dục pháp luật tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2024-2030”⁴² và đang xây dựng dự thảo Đề án “Chuyển đổi số trong công tác PBGDPL” để trình Thủ tướng Chính phủ trong tháng 12/2024, qua đó góp phần hoàn thiện thể chế, chính sách trong công tác PBGDPL và tiếp cận pháp luật.

2. Cải cách thủ tục hành chính

- Trong 6 tháng đầu năm 2024, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo liên quan đến công tác cải cách thủ tục hành chính (TTHC), như: Nghị định quy định việc thực hiện liên thông điện tử 02 nhóm thủ tục hành chính: Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi; đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng phí, tử tuất⁴³; Chỉ thị về tiếp tục đẩy mạnh cắt giảm, đơn giản hóa TTHC tại các bộ, ngành, địa phương phục vụ người dân, doanh nghiệp⁴⁴... Tổ công tác cải cách TTHC của Thủ tướng Chính phủ đã tích cực chỉ đạo triển khai thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm năm 2024⁴⁵ tới các bộ, ngành, địa phương, yêu cầu tập trung rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC nội bộ trong từng bộ, ngành, địa phương và giữa các cơ quan hành chính nhà nước, đẩy mạnh phân cấp giải quyết TTHC. Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 20/5/2024, theo đó, yêu cầu các bộ, ngành, địa phương tiếp tục đẩy mạnh cắt giảm, đơn giản hóa TTHC phục vụ người dân, doanh nghiệp; thực hiện nghiêm việc cải cách, cắt giảm TTHC ngay trong quá trình xây dựng VBQPPL; khẩn trương rà soát, cắt giảm, đơn giản

³⁷ Theo Kế hoạch ban hành kèm theo Quyết định số 2179/QĐ-BTP ngày 08/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

³⁸ Theo Kế hoạch ban hành kèm theo Quyết định số 2179/QĐ-BTP ngày 08/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

³⁹ Theo Kế hoạch ban hành kèm theo Quyết định số 2920/QĐ-BTP ngày 14/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

⁴⁰ Quyết định số 192/QĐ-TTg ngày 22/02/2024.

⁴¹ Quyết định số 538/QĐ-BTP; Công văn số 2000/BTP-QLXLVPHC&TDTHPL ngày 19/4/2024 của Bộ Tư pháp.

⁴² Quyết định số 279/QĐ-TTg ngày 04/4/2024.

⁴³ Nghị định số 63/2024/NĐ-CP ngày 10/6/2024 quy định việc thực hiện liên thông điện tử 02 nhóm thủ tục hành chính: Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi; đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng phí, tử tuất.

⁴⁴ Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 20/5/2024 về tiếp tục đẩy mạnh cắt giảm, đơn giản hóa TTHC tại các bộ, ngành, địa phương phục vụ người dân, doanh nghiệp.

⁴⁵ Thông báo số 71/TB-VPCP ngày 28/02/2024 của Văn phòng Chính phủ.

hóa TTHC trong lĩnh vực đất đai, nhà ở xã hội, tín dụng, tài nguyên khoáng sản; chỉ duy trì những TTHC thật sự cần thiết, chi phí tuân thủ thấp nhất; đổi mới cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC; tạo thuận lợi nhất cho người dân, doanh nghiệp tiếp cận và thực hiện TTHC, dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính và VNeID là tài khoản duy nhất trong thực hiện TTHC.

- Về việc ban hành TTHC: Các bộ, ngành đã ban hành và trình cấp có thẩm quyền ban hành mới 158 TTHC, sửa đổi, bổ sung 745 TTHC, bãi bỏ 249 TTHC tại 132 VBQPPL; các địa phương đã ban hành mới 07 TTHC, bãi bỏ 01 TTHC tại 07 VBQPPL. Đến nay, tổng số TTHC thuộc phạm vi quản lý và thẩm quyền giải quyết của các bộ, ngành, địa phương được công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia là 6.296 TTHC.

- Về rà soát, đơn giản hóa quy định TTHC và các điều kiện kinh doanh: Theo báo cáo của Văn phòng Chính phủ, tổng số quy định kinh doanh (QĐKD) được cắt giảm trong 6 tháng đầu năm 2024 là **168 QĐKD**⁴⁶ tại **16 VBQPPL**⁴⁷. Tính từ năm 2021 đến nay, các bộ, cơ quan đã cắt giảm, đơn giản hóa **2.943 QĐKD** (gồm: *1.536 TTHC, 180 yêu cầu điều kiện, 94 chế độ báo cáo, 164 quy chuẩn, tiêu chuẩn và 969 mặt hàng kiểm tra chuyên ngành*) tại **250 VBQPPL** (gồm: *16 luật, 70 nghị định, 04 quyết định của Thủ tướng Chính phủ, 158 thông tư, thông tư liên tịch và 02 văn bản khác*), trên tổng số **15.801 QĐKD** được cập nhật, công khai trên Cổng Tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh, đạt **18,6%**.

- Về phân cấp trong giải quyết TTHC: Theo báo cáo của Văn phòng Chính phủ, tổng số TTHC đã được các bộ, ngành phân cấp trong 6 tháng đầu năm 2024 là **108 TTHC** tại **08 Nghị định** và **13 Thông tư**. Tính từ năm 2022 đến nay, đã có **19/21** bộ, cơ quan thực hiện phân cấp **261/699 TTHC** tại **53 VBQPPL** (*không bao gồm 03 TTHC do các bộ tự chủ động phân cấp*). Trong đó, 03 cơ quan đã thực hiện phân cấp đạt 100%, 06 bộ thực hiện phân cấp đạt từ 50% trở lên, 10 bộ có kết quả dưới 50%, 02 bộ chưa thực hiện phân cấp theo phương án đã được phê duyệt⁴⁸. Tổng số TTHC còn tiếp tục phải thực hiện phân cấp là **438 TTHC** (*184 TTHC tại 31 Luật thuộc thẩm quyền của Quốc hội, 254 TTHC tại 127 VBQPPL thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ*).

- Về rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022 - 2025: các bộ, cơ quan đã trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án đơn giản hóa 40 TTHC nội bộ và phê duyệt theo thẩm quyền phương án đơn giản hóa 151 TTHC nội bộ (*bãi bỏ 25 TTHC, sửa đổi bổ sung 166 TTHC*); các địa phương đã phê duyệt phương án đơn giản hóa tổng số **861 TTHC** (*bãi bỏ 97 TTHC, sửa đổi bổ sung 764 TTHC*).

- Thực hiện 19 Nghị quyết của Chính phủ về đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư: Trong 6 tháng đầu năm 2024, tổng số

⁴⁶ Gồm: 146 TTHC, 07 yêu cầu điều kiện, 05 chế độ báo cáo.

⁴⁷ Gồm: 04 Nghị định, 08 Thông tư và 01 văn bản khác.

⁴⁸ Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Ngoại giao

TTHC được thực thi là **247** TTHC tại **25** VBQPPL⁴⁹. Tính đến nay, các bộ, ngành đã đơn giản hóa **828** TTHC được giao tại các Nghị quyết chuyên đề của Chính phủ về đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư, đạt **76%**; có **07** bộ, cơ quan⁵⁰ hoàn thành thực hiện 100% phương án đơn giản hóa; **09** bộ, cơ quan đạt trên 50%; **03** bộ đạt dưới 50%; còn **256** TTHC cần tiếp tục đơn giản hóa tại 04 Luật, 18 Nghị định, 12 thông tư liên tịch và 20 thông tư.

Các bộ, ngành, địa phương tiếp tục chỉ đạo thực hiện có hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo quy định Nghị định số 107/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC. Văn phòng Chính phủ đã hoàn thiện tài liệu hướng dẫn mô hình mẫu về Bộ phận Một cửa theo hướng kết hợp cung cấp dịch vụ hành chính công của các đơn vị hành chính trên cùng địa bàn và đang xin ý kiến của các bộ, ngành địa phương và các cơ quan có liên quan để hoàn thiện, ban hành và tổ chức thí điểm tại 4 địa phương (Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh, Bình Dương, Quảng Ninh) trong thời gian tới⁵¹. Nhiều bộ, ngành, địa phương đã chủ động rà soát, bố trí nhân sự làm việc tại Bộ phận Một cửa hợp lý, hiệu quả dựa trên tần suất giao dịch, khối lượng công việc tại Bộ phận Một cửa các cấp; tăng cường quan tâm, đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất, phần mềm ứng dụng, tập huấn kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ công chức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp; rà soát, đánh giá tình hình giải quyết TTHC để có giải pháp kịp thời nâng cao năng suất, chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

Trong 6 tháng đầu năm 2024, các bộ, ngành tiếp tục rà soát, sắp xếp cơ cấu tổ chức bên trong theo hướng tinh gọn, giảm đầu mối trung gian, đáp ứng nguyên tắc, các tiêu chí thành lập tổ chức theo quy định tại Nghị định quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành một số văn bản liên quan đến công tác tổ chức, bộ máy, như: Nghị định số 56/2024/NĐ-CP ngày 18/5/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế; Nghị quyết số 38/NQ-CP ngày 02/4/2024 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 62-KL/TW của Bộ Chính trị về việc thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW; Quyết định số 139/QĐ-TTg ngày 02/02/2024 về Kế hoạch xây dựng Quy hoạch tổng thể đơn vị hành chính các cấp giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045; Quyết định số 269/QĐ-TTg ngày 02/4/2024 thành lập Ban Chỉ đạo tổng kết 20 năm thực hiện mô hình tổ chức bộ máy của Chính phủ.

- Bộ Nội vụ đã có báo cáo Ban Cán sự đảng Chính phủ trình Bộ Chính trị về nội dung sửa đổi, bổ sung các quy định của Chính phủ về tiêu chí xác định số

⁴⁹ Gồm 09 Nghị định và 16 Thông tư.

⁵⁰ 07 bộ, ngành gồm: Công an, Giao thông vận tải, Khoa học và Công nghệ, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng, Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

⁵¹ Quyết định số 145/QĐ-VPCP ngày 18/3/2024 của Văn phòng Chính phủ Thành lập Tổ biên tập xây dựng tài liệu về Mô hình mẫu Bộ phận một cửa cung cấp dịch vụ công theo hướng kết hợp Bộ phận một cửa của các đơn vị hành chính các cấp trên địa bàn.

lượng cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức hành chính, ĐVSNCL theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW và Kế hoạch số 07-KH/TW. Đã có báo cáo tiến hành rà soát, đề xuất phương án sắp xếp, kiện toàn các tổ chức phối hợp liên ngành và thống kê, tổng hợp về tổ chức phối hợp liên ngành mà bộ, cơ quan ngang bộ đang được giao nhiệm vụ là cơ quan thường trực; báo cáo Thủ tướng Chính phủ về kết quả sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ, ngành theo Thông báo Kết luận số 114/TB-BCĐĐMSXTCBM. Bên cạnh đó, Bộ Nội vụ cũng đã triển khai một số hoạt động khác, như: Xây dựng báo cáo tổng kết 02 năm thực hiện Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước; triển khai tham mưu xây dựng các đề án: Đề án “Mô hình tổ chức chính quyền đô thị trực thuộc cấp tỉnh”; Đề án đánh giá hoạt động của chính quyền cấp xã giai đoạn 2016 - 2021 và định hướng phát triển đến năm 2030; Đề án Nghiên cứu, hoàn thiện tổ chức chính quyền địa phương phù hợp với địa bàn đô thị, nông thôn, miền núi, hải đảo, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

- Các địa phương đã tích cực thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính, theo đó đã giảm 10 tổ chức (chi cục, phòng và tương đương) của cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh và giảm 08 tổ chức phòng và tương đương thuộc UBND cấp huyện.

- Trong 06 tháng đầu năm 2024, các bộ, ngành, địa phương đã chủ động, tích cực xây dựng và hoàn thiện các quy định về xác định vị trí việc làm của công chức và người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập; triển khai xây dựng, phê duyệt đề án vị trí việc làm của các cơ quan, đơn vị theo thẩm quyền, bảo đảm đúng quy định của Chính phủ tại Nghị định số 62/2020/NĐ-CP và Nghị định số 106/2020/NĐ-CP. Đến nay, 100% bộ, ngành, địa phương hoàn thành phê duyệt Đề án vị trí việc làm (VTVL), Bộ Nội vụ đã tổng hợp danh mục VTVL trong cơ quan, tổ chức hành chính, cơ quan thuộc Chính phủ và đơn vị sự nghiệp công lập trên cơ sở Thông tư hướng dẫn của bộ quản lý ngành, lĩnh vực⁵².

- Kết quả thực hiện tinh giản biên chế công chức, viên chức trong 6 tháng đầu năm 2024 của bộ, ngành, địa phương theo quy định tại các Nghị định của Chính phủ: tổng số là **3.853** người; trong đó, bộ, ngành là **107** người (*47 công chức, 60 viên chức*), địa phương là **3.746** người (*530 công chức, 3.216 viên chức*).

⁵² Danh mục VTVL trên cơ sở Thông tư hướng dẫn của các bộ quản lý ngành, lĩnh vực gồm:

- VTVL trong cơ quan, tổ chức hành chính: Tổng số: 840 vị trí, chia ra: VTVL lãnh đạo, quản lý: 122 vị trí; VTVL công

chức nghiệp vụ chuyên ngành: 656 vị trí; VTVL công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung: 40 vị trí; VTVL hỗ trợ,

phục vụ: 22 vị trí; VTVL trong cơ quan thuộc Chính phủ: VTVL lãnh đạo, quản lý: 31 vị trí; trong đó: VTVL đã quy định tại Thông tư: 10 vị trí; VTVL áp dụng chức danh, chức vụ tương đương: 21 vị trí. VTVL nghiệp vụ chuyên ngành, nghiệp vụ chuyên môn dùng chung và VTVL hỗ trợ, phục vụ thì áp dụng các VTVL theo hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

- VTVL trong ĐVSNCL: Tổng số: 559 vị trí, chia ra: VTVL lãnh đạo, quản lý: 110 vị trí; VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên ngành: 392 vị trí; VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung: 30 vị trí; VTVL hỗ trợ, phục vụ: 27 vị trí.

- VTVL cán bộ, công chức cấp xã: Tổng số 17: vị trí, trong đó: Cán bộ chuyên trách: 11 vị trí; công chức cấp xã: 06 vị trí.

- Các địa phương tiếp tục rà soát, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bên trong các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh và các phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện theo thẩm quyền được giao, đảm bảo tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Triển khai Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính (ĐVHC) cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025, các địa phương đang khẩn trương xây dựng, hoàn thiện đề án sắp xếp ĐVHC cấp huyện, xã để tổ chức lấy ý kiến cử tri, thông qua HĐND các cấp theo quy định để báo cáo Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định.

Đến nay, 53 tỉnh, thành phố có thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 đã hoàn thiện Phương án tổng thể, trong đó cấp huyện thực hiện sắp xếp là 49 đơn vị (bao gồm 09 đơn vị thuộc diện phải sắp xếp, 40 đơn vị khuyến khích và liền kề, sau sắp xếp dự kiến giảm 12 đơn vị), cấp xã thực hiện sắp xếp là 1.247 đơn vị (bao gồm 745 đơn vị thuộc diện phải sắp xếp, 502 đơn vị khuyến khích và liền kề, sau sắp xếp dự kiến giảm 624 đơn vị).

Tính đến ngày 30/6/2024, Bộ Nội vụ đã nhận được **28/53** hồ sơ đề nghị sắp xếp đơn vị hành chính của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Trong đó, chủ trì tổ chức thẩm định, hoàn thiện trình Chính phủ để trình UBTWQH xem xét, thông qua Đề án của **05** địa phương⁵³, **09** địa phương đang hoàn thiện Đề án sau thẩm định⁵⁴; **14** địa phương đang hoàn thiện hồ sơ để tổ chức thẩm định (**03** địa phương đã tổ chức khảo sát⁵⁵; **11** địa phương đang hoàn thiện hồ sơ⁵⁶) và **25** tỉnh, thành phố đang khẩn trương xây dựng, hoàn thiện Đề án.

4. Cải cách chế độ công vụ

- Bộ Nội vụ đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương tích cực, chủ động tham mưu triển khai thực hiện công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống VBQPPL về quản lý, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Trong 6 tháng đầu năm 2024, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 29/2024/NĐ-CP ngày 06/3/2024 quy định tiêu chuẩn chức danh công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan hành chính nhà nước. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 07/2024/NĐ-CP ngày 01/02/2024 quy định chi tiết việc bầu, tuyển dụng, sử dụng, quản lý cán bộ, công chức làm việc tại xã, thị trấn và cán bộ phường của Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bộ Nội vụ đã ban hành Kế hoạch số 551/KH-BNV ngày 30/01/2024 về kế hoạch tổng kết thi hành Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2019), Luật Viên chức năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) và lập hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Cán bộ, công chức (sửa đổi), Luật Viên chức (sửa đổi); trình Chính phủ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 138/2020/NĐ-CP

⁵³ Gồm: Nam Định, Tuyên Quang, Sóc Trăng, Cần Thơ, Ninh Thuận

⁵⁴ Gồm: Thái Nguyên, Vĩnh Phúc, Phú Yên, Hải Dương, Quảng Trị, Cà Mau, Yên Bái, Bình Định, Tiền Giang

⁵⁵ Gồm: Lào Cai, Thừa Thiên - Huế, Quảng Ninh

⁵⁶ Gồm: Thái Bình, Hà Nội, Điện Biên, Bắc Giang, Nghệ An, Quảng Bình, Hưng Yên, Bến Tre, Quảng Ngãi, Đồng Nai, Khánh Hòa

ngày 27/11/2020 quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức⁵⁷.

Bên cạnh đó, Bộ Nội vụ đang tiếp tục hoàn thiện dự thảo một số văn bản, bao gồm: Nghị định về chính sách thu hút và trọng dụng người có tài năng vào cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập (thay thế Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05/12/2017); dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 83/2022/NĐ-CP ngày 18/10/2022 của Chính phủ quy định về nghỉ hưu ở tuổi cao hơn đối với cán bộ, công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý; dự thảo Quyết định thay thế Quyết định số 402/QĐ-TTg ngày 14/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Phát triển đội ngũ cán bộ, công, viên chức người dân tộc thiểu số trong thời kỳ mới.

- Các bộ, ngành, địa phương trong 6 tháng đầu năm 2024 đã thực hiện tuyển dụng công chức, viên chức được **13.965** người (*bộ, ngành tuyển dụng 169 công chức, 391 viên chức; địa phương tuyển dụng 1.519 công chức, 11.886 viên chức*). Tuyển dụng theo Nghị định số 140/2017/NĐ-CP được **30** sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ (*bộ, ngành tuyển dụng 04 người, địa phương 26 người*) để bổ sung vào đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của cả nước. Công tác đào tạo, bồi dưỡng được các bộ, ngành, địa phương xác định là khâu đột phá để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính, cải cách công vụ, công chức gắn với chuyển đổi số quốc gia. Kết quả 6 tháng đầu năm 2024, các bộ, ngành, địa phương đã cử **94.437** công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng theo tiêu chuẩn ngạch, chức vụ, chức danh và VTVL (*trong đó, bộ ngành có 11.553 lượt người và địa phương có 82.884 lượt người*).

- Về chính sách tiền lương: Bộ Nội vụ tập trung tham mưu Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo Trung ương về cải cách chính sách tiền lương tổ chức 21 cuộc họp để xem xét, thảo luận kỹ lưỡng, thận trọng, tính toán các phương án tối ưu, khả thi nhất để báo cáo Bộ Chính trị, Quốc hội xem xét, quyết định các nội dung cải cách tiền lương, điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công, trợ cấp xã hội. Theo đó, thực hiện cải cách chính sách tiền lương theo lộ trình phù hợp, từng bước, chắc chắn, khả thi, hiệu quả; thực hiện đầy đủ cải cách chính sách tiền lương khu vực doanh nghiệp; thực hiện 4/6 nội dung cải cách chính sách tiền lương khu vực công; 2/6 nội dung thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở tăng 30%, giữ nguyên phụ cấp hiện hành. Đồng thời, trình Chính phủ ban hành Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang, trong đó điều chỉnh mức lương cơ sở tăng **30%** (từ **1.800.000** đồng lên **2.340.000** đồng/tháng) và hướng dẫn thực hiện cơ chế thưởng 10% tổng mức lương cơ bản của cơ quan, đơn vị để thực hiện từ ngày 01/7/2024.

5. Cải cách tài chính công

Trong 6 tháng đầu năm 2024, Chính phủ tiếp tục ban hành nhiều thể chế, chính sách về tài chính công, đã góp phần tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, thúc đẩy

⁵⁷ Tờ trình số 592/TTr-BNV ngày 01/02/2024.

sản xuất kinh doanh, đẩy mạnh cải cách hành chính⁵⁸. Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 13/2024/TT-BTC ngày 23/02/2024 hướng dẫn việc xác định nguồn kinh phí và việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo nhiệm vụ được giao tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 29/2023/NĐ-CP, thay thế Thông tư số 31/2019/TT-BTC ngày 05/6/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định nguồn kinh phí và việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế.

- Triển khai thực hiện Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật, các bộ ngành, địa phương đã quan tâm, chỉ đạo thực hiện nghiêm công tác quản lý, sử dụng tài sản công góp phần quản lý chặt chẽ, sử dụng tiết kiệm, khai thác có hiệu quả tài sản công, phòng, chống thất thoát, lãng phí, tham nhũng trong quá trình tổ chức thực thi các nhiệm vụ công vụ. Bộ Tài chính đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 213/QĐ-TTg ngày 01/3/2024 phê duyệt Đề án tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý (Quyết định số 213/QĐ-TTg). Tiếp theo đó, Bộ Tài chính đã ban hành Kế hoạch⁵⁹ triển khai Quyết định số 213/QĐ-TTg và triển khai kiểm kê thử nghiệm tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý. Theo đó, đã thực hiện kiểm kê tại các bộ, địa phương, như: Bộ Giao thông vận tải, Kho bạc Nhà nước, Thành phố Hà Nội, thành phố Hải Phòng, thành phố Đà Nẵng.

Để tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, người dân, Bộ Tài chính đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ và Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái về chính sách giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước năm 2024⁶⁰; đồng thời, có Công văn số 5462/BTC-QLCS ngày 29/5/2024 gửi các Bộ, ngành, địa phương về việc tổng kết, đánh giá việc thực hiện các quyết định giảm tiền thuê đất của Thủ tướng Chính phủ các năm và đề xuất. Bộ Tài chính đã có Công văn số 6224/BTC-QLCS ngày 14/6/2024 đôn đốc các Bộ, ngành, địa phương có ý kiến để tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ việc giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước năm 2024.

Đến hết ngày 30/6/2024, Bộ Tài chính đã phê duyệt mới phương án sắp xếp lại, xử lý đối với 249 cơ sở nhà, đất của khối Bộ, cơ quan trung ương. Lũy kể đến hết tháng 6, tổng số cơ sở nhà, đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt là 199,3 nghìn; tổng số cơ sở nhà, đất chưa được phê duyệt là 63,4 nghìn.

Trong 6 tháng đầu năm 2024, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo thực

⁵⁸ Một số văn bản quan trọng như: Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/2/2024 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 về quản lý, phát triển cụm công nghiệp; Nghị định số 47/2024/NĐ-CP ngày 09/5/2024 quy định về danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia, việc xây dựng, cập nhật, duy trì, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia; Nghị định số 48/2024/NĐ-CP ngày 09/5/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27/9/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số; Nghị định số 52/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2024 quy định thanh toán không dùng tiền mặt,...

⁵⁹ Quyết định số 798/QĐ-BTC ngày 05/04/2024 của Bộ Tài chính về việc ban hành kế hoạch triển khai Quyết định số 213/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý; Quyết định số 1138/QĐ-BTC ngày 16/05/2024 của Bộ Tài chính về việc triển khai kiểm kê thử nghiệm tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý.

⁶⁰ Công văn số 5461/BTC-QLCS ngày 29/5/2024

hiện quyết liệt công tác giải ngân vốn đầu tư công cùng với sự vào cuộc chủ động các bộ, ngành, địa phương, theo đó đã đạt được những kết quả tích cực. Theo báo cáo của Bộ Tài chính, tiến độ giải ngân vốn đầu tư công ước thanh toán từ đầu năm đến ngày 30/6/2024 là 196.669,4 tỷ đồng, đạt 27,51% kế hoạch, đạt 29,39% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao (cùng kỳ năm 2023 đạt 28,63% kế hoạch và đạt 30,49% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao). Trong đó, vốn trong nước là 194.270,6 tỷ đồng, vốn nước ngoài là 2.399,1 tỷ đồng. Riêng Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội là 4.781,7 tỷ đồng đạt 78,23% kế hoạch triển khai; Chương trình mục tiêu quốc gia là 9.644,6 tỷ đồng đạt 35,43% kế hoạch. Có 12/44 bộ, cơ quan trung ương và 37/63 địa phương có tỷ lệ ước giải ngân đạt trên mức bình quân chung của cả nước. Một số bộ, cơ quan trung ương có tỷ lệ giải ngân tốt gồm: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Xây dựng, Đài Truyền hình Việt Nam, Liên Hiệp các hội Văn học Nghệ thuật Việt Nam, Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam, các địa phương như: Thanh Hóa, Tiền Giang, Phú Thọ, Long An, Đồng Tháp, Hà Tĩnh.

- Về đổi mới đổi mới cơ chế tài chính đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập: Bộ Tài chính đang tích cực rà soát, hoàn thiện dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của ĐVSNCL.

- Về công tác quản lý tài chính doanh nghiệp và cổ phần hóa, thoái vốn doanh nghiệp nhà nước: Tính đến tháng 5/2024, đã có **101** doanh nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt Đề án cơ cấu lại doanh nghiệp theo Quyết định số 360/QĐ-TTg ngày 17/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ, trong đó: đã phê duyệt đối với 05/09 doanh nghiệp; các cơ quan đại diện chủ sở hữu đã phê duyệt 96/667 doanh nghiệp (19 doanh nghiệp thuộc trung ương và 77 doanh nghiệp thuộc các địa phương). Các đơn vị còn lại đang triển khai xây dựng đề án cơ cấu lại doanh nghiệp để trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt. Trong tháng 5/2024, ghi nhận SCIC đã thoái vốn tại 02 doanh nghiệp với giá trị 39,91 tỷ đồng, thu về 180,58 tỷ đồng. Lũy kế 06 tháng đầu năm 2024, thoái vốn nhà nước tại 04 doanh nghiệp (F1) với tổng giá trị phần vốn nhà nước là 139 tỷ đồng, thu về 149,2 tỷ đồng; các tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước đã thoái vốn tại 02 doanh nghiệp (F2) với giá trị 39,91 tỷ đồng, thu về 180,58 tỷ đồng.

6. Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số

- Về hoàn thiện khung pháp lý, tạo điều kiện triển khai các nhiệm vụ về xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số: các bộ, ngành đã nỗ lực, tập trung xây dựng, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành thể chế, chính sách, để hoàn thiện môi trường pháp lý, thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia, bao gồm: 10 nghị định⁶¹, 06 quyết định của Thủ tướng Chính phủ, 02 chỉ thị của Thủ

⁶¹ (1) Nghị định số 10/2024/NĐ-CP ngày 01/02/2024 quy định về khu công nghệ cao; (2) Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; (3) Nghị định số 47/2024/NĐ-CP ngày 09/5/2024 quy định về danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia; việc xây dựng, cập nhật, duy trì, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia; (4) Nghị định số 48/2024/NĐ-CP ngày 09/5/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27/9/2018 quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số; (5) Nghị định số 52/2024/NĐ-CP

tướng Chính phủ⁶².

- Về xây dựng nền tảng phát triển Chính phủ điện tử: Các hệ thống thông tin phục vụ quản lý, điều hành tiếp tục được khai thác, vận hành có hiệu quả, theo thống kê của Bộ Thông tin và Truyền thông, nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) đã thiết lập được 388 điểm kết nối giữa các hệ thống và CSDL của 95 cơ quan, đơn vị, hàng ngày có khoảng 2,29 triệu giao dịch qua Nền tảng. Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Chính phủ (eCabinet) tiếp tục phát huy hiệu quả, tính đến nay, Hệ thống đã phục vụ **99** hội nghị, phiên họp của Chính phủ và thực hiện xử lý **2.288** phiếu lấy ý kiến thành viên Chính phủ, thay thế hơn **789** nghìn hồ sơ, tài liệu giấy.

- Về vận hành Cổng dịch vụ công quốc gia (DVCQG): Theo báo cáo của Bộ Thông tin và Truyền thông, tính đến ngày 30/6/2024, Cổng DVCQG đã kết nối, tích hợp với 150 hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các cơ quan, đơn vị; công khai toàn bộ 6.287 TTHC, trong đó đã tích hợp, cung cấp hơn 4.500 dịch vụ công trực tuyến; có hơn 16,4 triệu tài khoản (tăng 4.8 triệu tài khoản so với năm 2023); đã có 18/22 bộ, ngành đã hoàn thành công bố danh mục TTHC thuộc phạm vi quản lý có đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình để tổ chức thực hiện thống nhất trong toàn quốc; 25/25 dịch vụ công thiết yếu đã được thực hiện toàn trình. Cổng DVCQG đã có hơn 4,8 triệu tài khoản đăng ký; hơn 53,5 triệu hồ sơ đồng bộ trạng thái; hơn 13,9 triệu hồ sơ trực tuyến thực hiện từ Cổng; hơn 7,4 triệu giao dịch thanh toán trực tuyến với số tiền hơn 4.620 tỷ đồng.

- Triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến (DVCTT): Theo báo cáo của Bộ Thông tin và Truyền thông, đến 30/6/2024, tỷ lệ TTHC được cung cấp dưới dạng DVCTT đạt 81%; tỷ lệ TTHC được cung cấp dưới dạng DVCTT toàn trình đạt 48%. Tỷ lệ thủ tục hành chính được cung cấp dưới dạng dịch vụ công trực

ngày 15/5/2024 quy định về thanh toán không dùng tiền mặt; (6) Nghị định số 63/2024/NĐ-CP ngày 10/6/2024 quy định việc thực hiện liên thông điện tử 02 nhóm thủ tục hành chính: Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi; đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng phí, tử tuất; (7) Nghị định số 67/2024/NĐ-CP ngày 25/06/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 76/2020/NĐ-CP ngày 01/7/2020 quy định chi tiết đối tượng, trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp, thu hồi, hủy giá trị sử dụng giấy thông hành và Nghị định số 77/2020/NĐ-CP ngày 01/7/2020 quy định việc quản lý, khai thác thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh; dịch vụ công trực tuyến phục vụ cấp, quản lý, kiểm soát hộ chiếu của công dân Việt Nam; kiểm soát xuất nhập cảnh bằng công kiểm soát tự động; (8) Nghị định số 68/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 về chữ ký số chuyên dùng công vụ; 9) Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 về định danh xác thực điện tử; (10) Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.

⁶² (1) Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11/01/2024 phê duyệt quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; (2) Quyết định số 38/QĐ-TTg ngày 11/01/2024 phê duyệt Chiến lược phát triển ngành Bảo hiểm xã hội Việt Nam đến năm 2030, trong đó xác định nhiều nhiệm vụ quan trọng chuyển đổi số y tế, bảo hiểm xã hội; (3) Quyết định số 58/QĐ-UBQGCS ngày 19/4/2024 ban hành Kế hoạch hoạt động năm 2024 của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số; (4) Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 02/02/2024 phê duyệt Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030; (5) Quyết định số 206/QĐ-TTg ngày 28/02/2024 phê duyệt danh mục nhóm dịch vụ công trực tuyến liên thông ưu tiên tái cấu trúc quy trình, tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia năm 2024; (6) Quyết định số 305/QĐ-TTg ngày 12/4/2024 phê duyệt Chiến lược phát triển dự trữ quốc gia đến năm 2030 với nhiệm vụ “Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin quản lý hàng dự trữ quốc gia, bảo đảm tin học hóa quy trình nghiệp vụ nhập, xuất, bảo quản hàng dự trữ quốc gia phục vụ công tác chỉ đạo điều hành dự trữ quốc gia”; (7) Chỉ thị số 04/CT-TTg ngày 11/02/2024 về tiếp tục đẩy mạnh triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 tại các bộ, ngành, địa phương và những năm tiếp theo; (8) Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 23/02/2024 về tuân thủ quy định pháp luật và tăng cường bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

tuyển toàn trình đạt **48%**. Tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến đối với các DVCTT toàn trình của các bộ, ngành đạt **61%**; cấp tỉnh, thành phố đạt **17%**. Trung bình toàn quốc đạt **42%**. **17/20** bộ, ngành⁶³ đã công bố danh mục TTHC thuộc phạm vi quản lý có đủ điều kiện thực hiện DVCTT toàn trình để tổ chức thực hiện thống nhất trong toàn quốc. Tính đến tháng 6/2024, toàn quốc có 63/63 địa phương ban hành chính sách miễn, giảm phí, lệ phí sử dụng DVCTT; thành phố Hà Nội ban hành chính sách quy định việc hỗ trợ phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp qua ứng dụng VNeID trên địa bàn thành phố.

Theo báo cáo của Văn phòng Chính phủ (*Số liệu phân tích theo Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trên Cổng DVCQG, ngày 27/5/2024*):

+ Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến tại các bộ, ngành đạt **30,53%** (768.824/2.518.036 hồ sơ); tại các địa phương đạt **47,3%** (1.025.073 /2.169.046 hồ sơ). Tỷ lệ TTHC có giao dịch thanh toán trực tuyến tại các bộ, ngành đạt **47,56%** (166/349 TTHC), tại các địa phương đạt **48,58%** (684/1.408 TTHC); tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến trên tổng số hồ sơ có yêu cầu nghĩa vụ tài chính tại các bộ, ngành đạt **15,56%** (18.416/118.336 hồ sơ), tại các địa phương đạt **40,05%** (768.021/1.917.717 hồ sơ).

+ *Chỉ số về số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC*: Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC tại các bộ, ngành đạt **31,11%** (783.273/2.517.564 hồ sơ), tại các địa phương đạt **53,20%** (1.153.932/2.169.046 hồ sơ); tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả bản điện tử có giá trị pháp lý để tái sử dụng tại các bộ, ngành đạt 31,16% (784.467 kết quả giải quyết TTHC/2.517.564 kết quả cần cấp), tại các địa phương đạt 57,91% (1.256.094 kết quả giải quyết TTHC/2.169.046 kết quả cần cấp); tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin dữ liệu số hóa tại các bộ, ngành đạt 1,61% (40.564/2.519.503 hồ sơ), tại các địa phương đạt 9,66% (212.242/2.197.122 hồ sơ).

- Một số cơ sở dữ liệu (CSDL) quốc gia tạo nền tảng phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số đã được xây dựng và vận hành có hiệu quả. Theo báo cáo của Bộ Thông tin và Truyền thông, CSDL quốc gia về dân cư đã kết nối chính thức với 18 bộ, ngành, 01 doanh nghiệp nhà nước (EVN), 04 doanh nghiệp viễn thông và 63 địa phương để phục vụ khai thác thông tin; 63/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã triển khai đăng ký khai sinh, kết hôn, khai tử trực tuyến và kết nối liên thông dữ liệu giữa Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp tỉnh với Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử của Bộ Tư pháp, giúp dữ liệu được đồng bộ, thống nhất, giảm thời gian tác nghiệp cho công chức làm công tác hộ tịch. Tính đến 30/6/2024, 100% các bộ, ngành, địa phương đã hoàn thành kết nối, đồng bộ dữ liệu với CSDL quốc gia về CBCCVC; tổng số dữ liệu được đồng bộ đạt **2.292.771** hồ sơ (gồm 261.800 hồ sơ của bộ, ngành và 2.030.971 hồ sơ của địa phương); đã phối hợp với Bộ Công an đối khớp được tổng cộng **861.903** hồ sơ CBCCVC từ CSDL quốc gia về CBCCVC với CSDL quốc gia về Dân cư trong tổng số **1.051.938** hồ sơ đã được phê duyệt.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

⁶³ Còn 03 cơ quan chưa công bố gồm: Bộ Ngoại giao, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Quốc phòng (Ủy ban dân tộc, Thanh tra Chính phủ không cung cấp dịch vụ công).

1. Điểm nổi bật đạt được

- Với sự quan tâm, chỉ đạo sát sao, quyết liệt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ cùng sự vào cuộc mạnh mẽ của các bộ, ngành, địa phương và người dân, doanh nghiệp, việc rà soát, xử lý vướng mắc, bất cập về cải cách hành chính đã được tích cực triển khai thực hiện, góp phần thúc đẩy cải cách hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh, nhiều chỉ số của Việt Nam được thăng hạng (Xếp hạng môi trường kinh doanh tăng 12 bậc, xếp thứ 106 trong bộ chỉ số tự do kinh tế thế giới, tăng 04 bậc so với năm 2022; xếp thứ 46/132 quốc gia và nền kinh tế về chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu, tăng 02 bậc so với năm 2022).

- Trong 06 tháng đầu năm, công tác cải cách hành chính đã được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Trưởng Ban Chỉ đạo yêu cầu các bộ, ngành, địa phương tiếp tục có những đổi mới, quyết liệt, sát sao, cụ thể trong lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện để tạo ra bước đột phá trong cải cách hành chính.

- Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã tập trung chỉ đạo công tác cải cách thể chế, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, góp phần chuyển biến tích cực công tác cải cách hành chính nói chung, cải cách thủ tục hành chính trên một số lĩnh vực nói riêng.. Bên cạnh đó, đã dành thời gian lắng nghe, tiếp xúc với người dân, cộng đồng doanh nghiệp để chỉ đạo nghiên cứu, xử lý những phản ánh, kiến nghị về cơ chế, chính sách, TTHC.

Điển hình Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: triển khai xây dựng khối lượng lớn các VBQPPL với mục tiêu đảm bảo khung pháp lý đồng bộ, thống nhất khi Luật các tổ chức tín dụng (TCTD) có hiệu lực thi hành vào ngày 01/7/2024, đồng thời xử lý khó khăn, vướng mắc phát sinh, hoàn thiện các quy định pháp luật về quản trị, điều hành, cơ cấu lại TCTD. Theo đó, hoạt động xây dựng VBQPPL tập trung vào các nhóm văn bản sau: (i) Nhóm các văn bản về tổ chức, quản trị điều hành của từng loại hình TCTD, (ii) Nhóm các văn bản về an toàn trong hoạt động của TCTD; (iii) Nhóm các văn bản về hoạt động của TCTD; (iv) Nhóm các văn bản về cơ cấu lại, xử lý nợ xấu của TCTD...

Điển hình tỉnh Khánh Hòa: Trong 6 tháng đầu năm, tỉnh Khánh Hòa đã ban hành 44 VBQPPL, thể chế kịp thời các chính sách của Trung ương, chủ trương của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh như: Quy định một số nội dung về Quản lý quy hoạch đô thị và nông thôn trên địa bàn tỉnh; sửa đổi, bổ sung quy định một số nội dung về cấp Giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh; sửa đổi, bổ sung Quy định về điều kiện, tiêu chí, quy mô, tỷ lệ tách thành dự án độc lập trên địa bàn tỉnh, Chương trình xúc tiến đầu tư năm 2024.

Điển hình tỉnh Hậu Giang: Tỉnh đã triển khai thực hiện mô hình “Sử dụng máy tiếp nhận và trả kết quả tự động trong giải quyết TTHC” tại 02 đơn vị cấp huyện là thành phố Vị Thanh và huyện Châu Thành, cụ thể: Máy được kết nối với Hệ thống Một cửa điện tử, lấy thông tin các hồ sơ dịch vụ công được trả qua máy và gửi lại thông tin khi hồ sơ đã được trả đến Hệ thống thông tin giải quyết TTHC; thực hiện tiếp nhận đối với các TTHC thuộc các lĩnh vực như: Tài nguyên và môi trường; Tư pháp; Giáo dục và Đào tạo; Lao động - Thương binh và Xã hội; Đảng

ký kinh doanh; trả kết quả đối với các thủ tục thuộc lĩnh vực: Đăng ký kinh doanh; lĩnh vực Kinh tế; lĩnh vực Xây dựng; lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo; lĩnh vực Đất đai... Việc triển khai các Hệ thống tự động này, giúp người dân, doanh nghiệp thực hiện TTHC một cách nhanh chóng, thuận tiện (ngay cả ngoài giờ hành chính và ngày nghỉ), không cần phải trực tiếp đến Bộ phận Một cửa, minh bạch hóa quy trình giải quyết thủ tục, tiết kiệm được thời gian.

Điển hình tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu: Tỉnh đã triển khai mô hình “Ngày thứ Bảy lắng nghe dân nói” triển khai tại tất cả các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh. Thí điểm tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả không phụ thuộc địa giới hành chính lĩnh vực Giao thông vận tải và lĩnh vực Y tế. Đưa vào vận hành Mini app Zalo “App BRVT Smart” để thúc đẩy chuyển đổi số gắn với CCHC.

- Sắp xếp tổ chức bộ máy tiếp tục có bước chuyển biến; cải cách chế độ công vụ từng bước đạt hiệu quả. Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 38/NQ-CP ngày 02/4/2024 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 62-KL/TW của Bộ Chính trị về việc thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập. Chương trình hành động phần đầu đạt các chỉ tiêu cụ thể đến năm 2025 tiếp tục giảm tối thiểu bình quân cả nước 10% ĐVSNCL so với năm 2021, bảo đảm các ĐVSNCL sau sắp xếp phải có tổ chức bộ máy phù hợp, cơ cấu đội ngũ cán bộ, viên chức gắn với vị trí việc làm, phương thức quản lý theo hướng tiên tiến, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, khoa học - công nghệ; hiệu quả hoạt động được đánh giá dựa trên sản phẩm, kết quả công việc.

- Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số tiếp tục được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện đồng bộ, quyết liệt, từng bước có những kết quả cụ thể. Thủ tướng Chính phủ đã chủ trì Hội nghị sơ kết 1 năm tháo gỡ "điểm nghẽn" trong triển khai Đề án 06 và đẩy mạnh kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ phát triển thương mại điện tử, chống thất thu thuế vào ngày 10/6/2024. Bên cạnh đó, một số điển hình tại một số tỉnh, thành phố, như:

Điển hình tỉnh Bình Phước: “90 ngày, đêm” triển khai mục tiêu “4 phủ” cấp căn cước công dân, kích hoạt định danh điện tử, sử dụng sim chính chủ kèm chữ ký số, người dân sử dụng điện thoại thông minh 4G thay thế các điện thoại 2G. Kết quả: Từ ngày 04/4/2024 đến ngày 14/6/2024, đã cấp căn cước công dân cho hơn 8.578/17.464 cần cấp, đạt hơn 49%; đã kích hoạt định danh điện tử cho 85.486/334.507 cần kích hoạt, đạt hơn 25%; người dân sử dụng điện thoại thông minh 13.946/22.095 cần cấp, đạt hơn 63%; cấp chữ ký số: đã hỗ trợ công dân đăng ký sim chính chủ tích hợp chữ ký số được trên 200.000 trường hợp, 23,45% công dân trưởng thành của tỉnh đã có chữ ký số.

Điển hình thành phố Đà Nẵng: Sử dụng kết quả TTHC số, kết hợp với gắn mã QR cho phép cung cấp "DVCTT nâng cao". Theo đó, Đà Nẵng là địa phương duy nhất toàn quốc đến nay triển khai cấp kết quả TTHC số gắn với mã QR. Việc sử dụng Kết quả TTHC số gắn với mã QR giúp người dân thuận lợi trong lưu trữ,

xuất trình kết quả TTHC số, đặc biệt là loại cấp phép; cũng như giúp cơ quan nhà nước thuận lợi trong quản lý nhà nước sau cấp phép.

2. Tồn tại, hạn chế

- Một số cơ chế, chính sách, pháp luật trên một số lĩnh vực còn thiếu đồng bộ, chồng chéo, mâu thuẫn, chưa phù hợp thực tiễn, chậm sửa đổi, bổ sung, tháo gỡ⁶⁴, dẫn đến khó khăn cho tổ chức thực hiện tại địa phương và là một trong những nguyên nhân dẫn đến chậm trễ trong giải quyết TTHC cho người dân, doanh nghiệp.

- Một số bộ, ngành còn chậm trễ trong việc ban hành quyết định công bố TTHC dẫn đến khó khăn cho địa phương trong việc công bố, niêm yết, công khai TTHC kịp thời hạn, tạo thuận lợi cho người dân, tổ chức; một số địa phương chưa kiểm soát chặt chẽ về thời hạn trong giải quyết TTHC cho người dân và doanh nghiệp dẫn đến tỷ lệ hồ sơ giải quyết quá hạn hoặc từ chối giải quyết còn nhiều. Vẫn còn 02 bộ⁶⁵ chưa thực hiện phân cấp TTHC theo Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ; một số bộ còn chưa chủ động thực thi các phương án phân cấp thuộc thẩm quyền⁶⁶.

- Trách nhiệm thực thi công vụ của cán bộ, công chức, viên chức nhiều nơi còn thấp, động lực làm việc không cao, tinh thần cải cách chưa mạnh mẽ; công tác phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương, giữa các cơ quan, đơn vị của địa phương có nơi, có lúc còn chậm; phân cấp, phân quyền chưa triệt để, còn nhiều vướng mắc, hiệu quả chưa cao.

- Việc kết nối, chia sẻ, khai thác CSDL quốc gia về dân cư, các CSDL chuyên ngành với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của các địa phương chưa thực sự thông suốt, còn bộc lộ nhiều vướng mắc, bất cập, có nơi, có lúc gây phiền hà cho người dân; việc số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC còn hạn chế; việc thực hiện cung cấp DVCTT còn hình thức, chưa thực chất, chưa hiệu quả.

3. Nguyên nhân

- Một số quy định pháp luật chuyên ngành liên quan đến giải quyết TTHC cho người dân và doanh nghiệp chưa cụ thể, rõ ràng, còn có chồng chéo hoặc không phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương nhưng chưa được sửa đổi, bổ sung kịp thời.

- Công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị còn thiếu chủ động, chưa chặt chẽ, kịp thời, hiệu quả; còn tình trạng níu kéo, lợi ích cục bộ của ngành, lĩnh vực. Trách nhiệm thực thi công vụ của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức chưa cao, còn có biểu hiện né tránh, đùn đẩy, sợ trách nhiệm, không thực hiện công việc thuộc thẩm quyền theo chức năng, nhiệm vụ được giao, dẫn đến chậm tiến độ, gây phiền hà, sách nhiễu trong giải quyết công việc, TTHC cho người dân, doanh nghiệp.

- Cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin giải quyết DVCTT của một số ngành,

⁶⁴ Báo cáo số 135/BC-CP ngày 10/4/2024 của Chính phủ Kết quả thực hiện Nghị quyết số 110/2023/QH15, Kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XV về xem xét, xử lý kết quả rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.

⁶⁵ 02 bộ gồm: Khoa học và Công nghệ, Ngoại giao.

⁶⁶ Như: Bộ Công Thương, Bộ Y tế....

lĩnh vực nhiều lúc còn gặp sự cố; các hệ thống thông tin phục vụ giải quyết TTHC chưa có sự chuẩn hóa, thống nhất về dữ liệu để các hệ thống có thể hiểu và trao đổi được thông tin, dữ liệu; cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương chưa đáp ứng yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật, dữ liệu; hạ tầng CNTT, trang thiết bị còn hạn chế, chưa được quan tâm đầu tư kịp thời...

- Công tác tuyên truyền cải cách hành chính chưa được quan tâm, đầu tư đúng mức về nguồn lực tài chính và nguồn nhân lực dẫn đến các nội dung, nhiệm vụ cải cách hành chính chưa được lan tỏa sâu rộng tới tất cả đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cơ quan hành chính nhà nước các cấp và tới người dân, cộng đồng xã hội, tạo sự đồng hành, chia sẻ trách nhiệm trong triển khai cải cách hành chính.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH 6 THÁNG CUỐI NĂM 2024

1. Các bộ, ngành, địa phương tiếp tục quán triệt, tổ chức thực hiện nghiêm, toàn diện, đồng bộ, có hiệu quả Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ và Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 02/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030; có giải pháp cụ thể, thiết thực và tạo đột phá mạnh mẽ để nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao, thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch cải cách hành chính năm 2024 của các bộ, cơ quan, địa phương, bảo đảm đúng tiến độ.

Tiếp tục phát huy vai trò và nâng cao trách nhiệm người đứng đầu các bộ, ngành, địa phương trong lãnh đạo, chỉ đạo triển khai nhiệm vụ cải cách hành chính; tăng cường công tác đôn đốc, theo dõi, đánh giá, thanh tra, kiểm tra, tuyên truyền về cải cách hành chính. Tập trung ưu tiên nguồn lực đẩy nhanh tiến độ thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho người dân, doanh nghiệp, tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

2. Các thành viên Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ tổ chức triển khai có hiệu quả Kế hoạch hoạt động năm 2024. Bộ Nội vụ - cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo triển khai có hiệu quả Kế hoạch kiểm tra cải cách hành chính năm 2024; các bộ, ngành, địa phương sử dụng hiệu quả kết quả Chỉ số cải cách hành chính năm 2023 và Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính năm 2023, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác cải cách hành chính.

3. Các bộ, cơ quan đẩy nhanh tiến độ rà soát, sắp xếp, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các cơ quan, đơn vị trực thuộc, đáp ứng tiêu chí theo quy định của Chính phủ; thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy bên trong gắn với tinh giản biên chế và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của từng cơ quan, đơn vị, trong đó tập trung xây dựng vị trí việc làm để cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Tiếp tục triển khai thực hiện việc sắp xếp, tổ chức lại, nâng cao hiệu quả hoạt động của ĐVSNCL. Triển khai, hoàn thành việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã theo Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 30/7/2023 ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn

2023 - 2025.

4. Đẩy mạnh cải cách thể chế, tập trung tháo gỡ vướng mắc pháp lý cho sản xuất, kinh doanh. Gắn kết chặt chẽ giữa cải cách, đơn giản hóa TTHC với chuyển đổi số. Rà soát, kiến nghị bãi bỏ các TTHC, điều kiện kinh doanh không cần thiết, không khả thi, không rõ ràng, khó xác định, không phù hợp thực tiễn; tăng cường phân cấp trong giải quyết TTHC, giảm chi phí tuân thủ TTHC cho người dân, doanh nghiệp. Nghiên cứu, tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông gắn với chuyển đổi số, tổ chức tinh gọn, phù hợp với thực tiễn.

5. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, nâng cao kỷ luật, kỷ cương hành chính trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Tổ chức triển khai thực hiện nghiêm, hiệu quả các cơ chế, chính sách mới trong quản lý cán bộ, công chức, viên chức⁶⁷. Triển khai thực hiện hiệu quả chính sách cải cách tiền lương từ ngày 01/7/2024 theo kết luận của Bộ Chính trị.

6. Tăng cường rà soát, tháo gỡ những rào cản về thể chế, cơ chế để nâng cao hiệu quả giải ngân vốn đầu tư công tại các bộ, ngành, địa phương. Tổ chức triển khai có hiệu quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại cơ quan hành chính và các đơn vị sự nghiệp công lập. Bộ Tài chính đẩy nhanh tiến độ nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; phối hợp các bộ, ngành hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật để đẩy mạnh tự chủ đơn vị sự nghiệp công lập và xã hội hóa dịch vụ công ở các lĩnh vực có đủ điều kiện.

7. Tiếp tục triển khai xây dựng Chính phủ điện tử, Chính phủ số; chuyển đổi số quốc gia theo kế hoạch, lộ trình đã phê duyệt. Các bộ, ngành, địa phương tập trung phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng số, bảo đảm cho việc kết nối, chia sẻ dữ liệu đồng bộ, thống nhất; hoàn thiện các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành; tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan, địa phương phục vụ phân tích, xử lý dữ liệu, hỗ trợ công tác chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng cung cấp dịch vụ công cho người dân, doanh nghiệp; tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án 06⁶⁸.

⁶⁷ Tại các văn bản, như: Nghị định số 73/2023/NĐ-CP ngày 29/9/2023 của Chính phủ quy định về khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 31/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về thu hút, trọng dụng nhân tài đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050,...

⁶⁸ Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2024, phương hướng, nhiệm vụ cải cách hành chính 6 tháng cuối năm 2024. Ban Chỉ đạo xin trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Phó TTgCP Trần Lưu Quang (để b/c);
- Bộ trưởng Phạm Thị Thanh Trà;
- TTr. Trương Hải Long;
- Các thành viên BCĐ;
- Lưu: VT, VP BCĐ.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN THƯỜNG TRỰC**

**BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ
Phạm Thị Thanh Trà**

Phụ lục
Kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch hoạt động năm 2024 của Ban Chỉ đạo
(Kèm theo Báo cáo số /BC-BCĐCCHC ngày tháng năm 2024 của BCĐCCHC của Chính phủ)

TT	Nhiệm vụ	Thời gian	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Tiến độ triển khai
A. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH					
1.	Tiếp tục triển khai đồng bộ các nội dung cải cách hành chính theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030; tăng cường giám sát, kiểm tra tình hình thực hiện các văn bản chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính; đẩy mạnh công tác tuyên truyền cải cách hành chính; giải quyết các kiến nghị của bộ, ngành, địa phương liên quan đến cải cách hành chính.	Năm 2024	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Nội vụ và các cơ quan liên quan	Tiếp tục triển khai
2.	Xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch kiểm tra cải cách hành chính của cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo.	Năm 2024	Bộ Nội vụ	Các bộ, ngành và địa phương	Tiếp tục triển khai
3.	Tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính.	Năm 2024	Thông tấn xã Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam	Các bộ, ngành, địa phương	Tiếp tục triển khai
4.	Đổi mới công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính, tăng cường nghiên cứu, đề xuất sáng kiến cải cách hành chính; định kỳ thực hiện kiểm điểm, đánh giá kết quả của các thành viên trước Ban Chỉ đạo.	Năm 2024	Các thành viên Ban Chỉ đạo; các bộ, ngành, địa phương	Các cơ quan có liên quan	Tiếp tục triển khai
5.	Tổng hợp, đề xuất việc giải quyết các khó khăn, vướng mắc của các bộ, ngành, địa phương trong thực hiện cải cách hành chính.	Năm 2024	Bộ Nội vụ	Các bộ, ngành	Tiếp tục triển khai

TT	Nhiệm vụ	Thời gian	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Tiến độ triển khai
				và địa phương	
6.	Triển khai xác định và công bố Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính năm 2023 và Chỉ số cải cách hành chính năm 2023 của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.	Quý II năm 2024	Bộ Nội vụ	Các bộ, ngành và địa phương	Đã hoàn thành

B. XÂY DỰNG THỂ CHẾ, CHÍNH SÁCH VÀ TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

I. NHÓM NHIỆM VỤ CHUNG

1.	Tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới và Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.	Năm 2024	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Tư pháp	Tiếp tục triển khai
2.	Thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024 và điều chỉnh chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023.	Năm 2024	Các bộ, cơ quan ngang bộ	Bộ Tư pháp, các bộ, ngành và địa phương	Tiếp tục triển khai
3.	Nâng cao chất lượng thẩm định, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm đồng bộ, khả thi; ban hành kịp thời các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành các luật, pháp lệnh, nghị quyết; tăng cường nguồn lực và kinh phí cho công tác tư pháp.	Năm 2024	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Tư pháp	Tiếp tục triển khai
4.	Rà soát, sớm phát hiện và có biện pháp khắc phục các quy định pháp luật chồng chéo, bất cập, không phù hợp thực tiễn, gây khó khăn, kìm hãm sự phát triển.	Năm 2024	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Tư pháp	Tiếp tục triển khai

TT	Nhiệm vụ	Thời gian	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Tiến độ triển khai
5.	Ưu tiên nguồn lực cho công tác xây dựng, hoàn thiện pháp luật; nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật. Tập trung tháo gỡ các điểm nghẽn về cơ chế, chính sách nhằm hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh và đời sống của người dân, doanh nghiệp. Tiếp tục hoàn thiện đồng bộ khung khổ pháp lý thúc đẩy sự phát triển của khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo.	Năm 2024	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Tư pháp	Tiếp tục triển khai
6.	Thực hiện có hiệu quả Đề án “Tổ chức truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật giai đoạn 2022 - 2027” ban hành kèm theo Quyết định số 407/QĐ-TTg ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ.	Năm 2024	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Tư pháp	Tiếp tục triển khai
7.	Đổi mới, tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác theo dõi thi hành pháp luật, tập trung vào các lĩnh vực được xác định là trọng tâm phát triển kinh tế - xã hội của năm 2024, phù hợp với nhiệm vụ chung của cả giai đoạn 2021 - 2025. Thực hiện tốt Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2024. Tiếp tục thực hiện hiệu quả, thực chất các giải pháp nhằm nâng cao điểm số và nâng xếp hạng chỉ số Chi phí tuân thủ pháp luật (Chỉ số B1).	Năm 2024	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Tư pháp	Tiếp tục triển khai
8.	Cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác văn bản quy phạm pháp luật thuộc trách nhiệm, thẩm quyền của cơ quan, địa phương mình trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật theo quy định tại Nghị định số 52/2015/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ.	Năm 2024	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Tư pháp	Tiếp tục triển khai
9.	Nghiên cứu, xây dựng chế độ, chính sách đặc thù cho người làm công tác thể chế.	Năm 2024	Bộ Tư pháp	Các bộ, ngành, địa phương	Tiếp tục triển khai
II. VỀ CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ, KINH DOANH VÀ CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH					
1.	Tập trung triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2024 của Chính phủ; Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2024 của Chính phủ; Nghị quyết số 131/NQ-CP ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ; Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 - 2025; Quyết định số 104/QĐ-TTg ngày	Năm 2024	- Các bộ, ngành, địa phương; - Các bộ được giao đầu mối	Văn phòng Chính phủ; Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Tiếp tục triển khai

TT	Nhiệm vụ	Thời gian	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Tiến độ triển khai
	25 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch cải cách thủ tục hành chính trọng tâm năm 2024.		tại Nghị quyết số 01/NQ-CP		
2.	Rà soát, báo cáo Thủ tướng Chính phủ phương án tổng thể cắt giảm, đơn giản hóa các QĐKD đang là rào cản, gây khó khăn cho người dân và doanh nghiệp, trong đó tập trung ưu tiên rà soát, đề xuất phương án cắt giảm, đơn giản hóa giấy phép liên quan đến hoạt động kinh doanh.	Tháng 5 năm 2024	Các bộ, ngành	Văn phòng Chính phủ	Chưa hoàn thành Đã có Bộ GD&ĐT, Bộ Công Thương gửi báo cáo (các bộ: Y tế, TT&TT, NNPTNT, VH TTDL chưa có báo cáo).
3.	Trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cắt giảm giấy phép liên quan đến hoạt động kinh doanh	Tháng 6 năm 2024	Văn phòng Chính phủ	Các bộ, ngành	Chưa hoàn thành (Văn phòng Chính phủ đã có Văn bản số 3855/VPCP-KSTT ngày 04/6/2024)
4.	Chủ động nghiên cứu, rà soát, kiến nghị đưa ra khỏi danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện đối với những ngành nghề có thể áp dụng biện pháp quản lý khác hiệu quả hơn.	Trước tháng 6 năm 2024	Các bộ, ngành	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Tiếp tục triển khai
5.	Rà soát, kiến nghị bãi bỏ các điều kiện kinh doanh không cần thiết, không khả thi, không rõ ràng, khó xác định, không phù hợp thực tiễn; bãi bỏ các loại chứng chỉ không cần thiết, thu gọn các loại chứng chỉ trùng lặp về nội dung.	Quý II năm 2024	Các bộ, ngành	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Tiếp tục triển khai
6.	Rà soát, đề xuất phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt trước ngày 30 tháng 9 hàng năm.	Trước 30 tháng 9 năm 2024	Các bộ, ngành	Văn phòng Chính phủ	Tiếp tục triển khai
7.	Tổ chức thực thi các phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và phương	Năm 2024 và	Các bộ, ngành	Văn phòng Chính phủ	Tiếp tục triển khai

TT	Nhiệm vụ	Thời gian	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Tiến độ triển khai
	án phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính tại Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ.	theo tiến độ được phê duyệt			
8.	Rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước theo Kế hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2022 và Công văn số 100/TCTCCTHC ngày 14 tháng 11 năm 2023 của Tổ công tác cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ.	Năm 2024 và theo tiến độ phê duyệt	Các bộ, ngành, địa phương	Văn phòng Chính phủ	Tiếp tục triển khai
9.	Cập nhật đầy đủ, chính xác và công khai kịp thời quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh, kết quả rà soát, chi phí tuân thủ, phương án cắt giảm, đơn giản hóa; thực hiện tham vấn các tổ chức, cá nhân, đối tượng chịu tác động về chính sách, quy định; tiếp nhận, tổng hợp, tiếp thu, giải trình, phản hồi, cập nhật kết quả xử lý đối với ý kiến góp ý, vướng mắc, đề xuất của tổ chức, cá nhân về chính sách, quy định thuộc phạm vi chức năng quản lý và công khai trên Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh.	Năm 2024	Các bộ, ngành	Văn phòng Chính phủ	Tiếp tục triển khai
10.	Trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án đơn giản hóa các quy định, thủ tục hành chính liên quan đến Phiếu lý lịch tư pháp.	Tháng 3 năm 2024	Văn phòng Chính phủ	Các bộ, ngành	Đã hoàn thành (Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 11/6/2024)
11.	Rà soát, điều chỉnh, thống nhất phương án đơn giản hóa, lộ trình xử lý văn bản quy phạm pháp luật có quy định về thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư đã giao tại các Nghị quyết chuyên đề của Chính phủ giai đoạn 2017 - 2018, bảo đảm phù hợp với hiện trạng kết nối, quản lý, khai thác dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân; ban hành các văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành để tổ chức thực thi phương án đơn giản hóa quy định thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư trong năm 2024.	Quý I năm 2024	Các bộ, cơ quan	Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ về rà soát văn bản quy phạm pháp luật	Tiếp tục triển khai

TT	Nhiệm vụ	Thời gian	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Tiến độ triển khai
12.	Triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích.	Năm 2024	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Thông tin và Truyền thông	Tiếp tục triển khai
13.	Đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ.	Năm 2024	Các bộ, ngành, địa phương	Văn phòng Chính phủ	Tiếp tục triển khai
14.	Tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện các Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông, áp dụng chuyển đổi số, tổ chức tinh gọn, phù hợp với thực tiễn.	Năm 2024	Bộ Nội vụ	Văn phòng Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương	- Thực hiện Kết luận của Thủ tướng Chính phủ - Trưởng ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ tại Thông báo số 53/TB-VPCP ngày 15/02/2024, trong 6 tháng đầu năm, Bộ Nội vụ đã chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ nghiên cứu, đánh giá mô hình Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông, áp dụng

TT	Nhiệm vụ	Thời gian	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Tiến độ triển khai
					<p>chuyên đổi số, tổ chức tinh gọn, phù hợp với thực tiễn. Bộ Nội vụ đã tham mưu thành lập Tổ nghiên cứu, có văn bản yêu cầu các địa phương báo cáo về tình hình tổ chức và hoạt động của Bộ phận một cửa các cấp.</p> <p>- Thực hiện nhiệm vụ Thủ tướng Chính phủ giao tại Chỉ thị số 04/CT-TTg ngày 11/02/2024, Văn phòng Chính phủ đã dự thảo tài liệu hướng dẫn thí điểm mô hình một cửa theo hướng kết hợp cung cấp dịch vụ hành chính công của các đơn vị hành chính trên cùng địa bàn tại 4 tỉnh,</p>

TT	Nhiệm vụ	Thời gian	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Tiến độ triển khai
					thành phố (TP Hà Nội, TP Hồ Chí Minh, Bình Dương, Quảng Ninh). Dự thảo đang được gửi lấy ý kiến các thành viên Tổ Biên tập và các đơn vị liên quan để hoàn thiện, báo cáo Tổ Công tác cải cách TTHC.
III. VỀ CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC					
1.	Tiếp tục rà soát, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các cơ quan, đơn vị trực thuộc bộ, ngành, địa phương bảo đảm tinh gọn, hoạt động hiệu quả và gắn kết chặt chẽ với các chính sách tinh giản biên chế.	Năm 2024	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Nội vụ	Tiếp tục triển khai
2.	Triển khai thực hiện Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước.	Năm 2024	Các bộ, cơ quan	Bộ Nội vụ, các địa phương	Tiếp tục triển khai
3.	Quyết định phê duyệt vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý theo hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực làm cơ sở cho việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức.	Trước 31 tháng 3 năm 2024	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Nội vụ	Đến nay, 100% bộ, ngành, địa phương hoàn thành phê duyệt Đề án vị trí việc làm (VTVT), Bộ Nội vụ đã tổng hợp danh mục VTVL trong cơ

TT	Nhiệm vụ	Thời gian	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Tiến độ triển khai
					quan, tổ chức hành chính, cơ quan thuộc Chính phủ và đơn vị sự nghiệp công lập trên cơ sở Thông tư hướng dẫn của bộ quản lý ngành, lĩnh vực
4.	Hoàn thành việc sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập thuộc các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.	Trước 30 tháng 9 năm 2024	Các bộ, cơ quan	Bộ Nội vụ	Tiếp tục triển khai
5.	Thực hiện sáp nhập các đơn vị hành chính không đủ tiêu chuẩn, hoàn thành việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã.	Quý III năm 2024	Các địa phương	Bộ Nội vụ	Tiếp tục triển khai
6.	Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương nhằm tăng cường phân cấp, phân quyền gắn với phân bổ nguồn lực phù hợp và tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực.	Năm 2024	Bộ Nội vụ	Các bộ, ngành, địa phương	Tiếp tục triển khai
IV. VỀ CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG V					
1.	Thực hiện tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17 tháng 4 năm 2015 của Ban Chấp hành Trung ương về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế và Quyết định số 1046/QĐ-TTg ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện các quy định của Bộ Chính trị về quản lý biên chế.	Năm 2024	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Nội vụ	Tiếp tục triển khai
2.	Triển khai có hiệu quả Chiến lược quốc gia thu hút, trọng dụng nhân tài tại Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ và các quy định về kiểm định chất lượng đầu vào công chức tại Nghị định số 06/2023/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2023, quy định về khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách	Năm 2024	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Nội vụ	Tiếp tục triển khai

TT	Nhiệm vụ	Thời gian	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Tiến độ triển khai
	nhiệm vì lợi ích chung tại Nghị định số 73/2023/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2023.				
3.	Tiếp tục triển khai các giải pháp nâng cao kỷ luật, kỷ cương hành chính, chất lượng thực thi công vụ và cải thiện chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp; kiên quyết xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm kỷ luật, kỷ cương hành chính, bảo đảm sự nghiêm minh trong thực thi pháp luật và củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng và chính quyền.	Năm 2024	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Nội vụ	Tiếp tục triển khai
4.	Triển khai thực hiện Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2016 - 2025.	Năm 2024	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Nội vụ	Tiếp tục triển khai
5.	Hoàn thiện trình Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung các quy định về cấp phó tại Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2020 và Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính Phủ.	Năm 2024	Bộ Nội vụ	Các bộ, ngành, địa phương, cơ quan có liên quan	Chính phủ đã ban hành nghị định số 83/2024/NĐ-CP ngày 12/7/2024
6.	Nghị định về chính sách thu hút và trọng dụng người có tài năng vào cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.	Tháng 10 năm 2024	Bộ Nội vụ	Các bộ, ngành, địa phương, cơ quan có liên quan	Tiếp tục triển khai
7.	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc nâng cao tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số trong các cơ quan nhà nước trong giai đoạn hiện nay.	Tháng 3 năm 2024	Bộ Nội vụ	Các bộ, ngành, địa phương, cơ quan có liên quan	Bộ Nội vụ đã có <i>Tờ trình số 1592/TTr-BNV ngày 23/3/2024</i> trình Thủ tướng Chính phủ
V. VỀ CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG					
1.	Tiếp tục hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp công lập trong các lĩnh vực.	Năm 2024	Các bộ, ngành	Bộ Tài chính	Thực hiện thường xuyên, Bộ Tài chính đã phối hợp

TT	Nhiệm vụ	Thời gian	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Tiến độ triển khai
					với các bộ, ngành tiếp tục rà soát, hoàn thiện các văn bản QPPL về cơ chế tự chủ.
2.	Ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.	Quý I năm 2024	Bộ Tài chính	Các bộ, ngành, cơ quan có liên quan	Bộ Tài chính đã trình Chính phủ (Tờ trình số 17/TTr-BTC ngày 26/01/2024). Hiện nay, Bộ Tài chính đang giải trình ý kiến của thành viên Chính phủ về dự thảo Nghị định.
3.	Xây dựng Nghị định quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng kinh phí thường xuyên ngân sách nhà nước để thực hiện các dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, mở rộng dự án đã đầu tư xây dựng; mua sắm tài sản; mua, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị máy móc bảo đảm đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.	Theo Kế hoạch được phê duyệt	Bộ Tài chính	Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các bộ, ngành, cơ quan có liên quan	Bộ Tài chính đã trình Chính phủ (Tờ trình số 111/TTr-BTC ngày 24/5/2024). Hiện nay VPCP đang lấy ý kiến TVCP về dự thảo Nghị định (Phiếu lấy ý kiến số 251/PLYK/2024 ngày 28/5/2024).

TT	Nhiệm vụ	Thời gian	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Tiến độ triển khai
VI. VỀ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ, CHÍNH PHỦ SỐ					
1.	Triển khai thực hiện Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 với nội dung về phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số (được phê duyệt tại Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020).	Năm 2024	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Thông tin và Truyền thông	Tiếp tục triển khai
2.	Xây dựng, cập nhật Kiến trúc Chính phủ điện tử cấp bộ, phiên bản 3.0, hướng tới Chính phủ số; Kiến trúc Chính quyền điện tử cấp tỉnh, phiên bản 3.0, hướng tới Chính quyền số bảo đảm phù hợp với Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 3.0, hướng tới Chính phủ số.	Năm 2024	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Thông tin và Truyền thông	Tiếp tục triển khai
3.	Triển khai Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.	Năm 2024	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các bộ, ngành, địa phương	Tiếp tục triển khai
4.	Triển khai Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030.	Năm 2024	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các bộ, ngành, địa phương	Tiếp tục triển khai
5.	Xây dựng và ban hành Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2030, định hướng đến năm 2035.	Tháng 11 năm 2024	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các bộ, ngành, địa phương, các cơ quan có liên quan	Tiếp tục triển khai
6.	Đề án "Đẩy mạnh tuyên truyền nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả của dịch vụ công trực tuyến giai đoạn 2024 - 2025 và định hướng đến năm 2030".	Tháng 6 năm 2024	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các bộ, ngành, địa phương, các cơ quan có liên quan	Đã trình Thủ tướng Chính phủ Tờ trình số 48/TTr-BTTTT ngày 07/6/2024 v/v trình phê duyệt Đề án "Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao chất lượng về cung

TT	Nhiệm vụ	Thời gian	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Tiến độ triển khai
					cấp và sử dụng hiệu quả dịch vụ công trực tuyến đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”
7.	Triển khai hiệu quả cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến cho người dân, doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ.	Năm 2024	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Thông tin và Truyền thông, Văn phòng Chính phủ	Tính đến tháng 5/2024, 80,53% thủ tục hành chính (TTHC) được cung cấp dưới dạng dịch vụ công trực tuyến (tăng 0,09% so với tháng 4/2024); 47,79% TTHC được cung cấp dưới dạng dịch vụ công trực tuyến toàn trình; Cổng Dịch vụ công quốc gia đã cung cấp trên 4.515 dịch vụ công trực tuyến, trên 15,5 triệu tài khoản, hơn 322 triệu hồ sơ đồng bộ và đã có trên 49,1 triệu hồ sơ

TT	Nhiệm vụ	Thời gian	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Tiến độ triển khai
					nộp, hơn 27,8 triệu giao dịch thanh toán trực tuyến với số tiền hơn 13.778 tỷ đồng; hơn 491.000 cuộc gọi tới tổng đài
8.	Thực hiện hiệu quả cơ chế một cửa quốc gia và cơ chế một cửa ASEAN.	Năm 2024	Bộ Tài chính	Các bộ, ngành, cơ quan có liên quan	<p>* Về Cơ chế một cửa Quốc gia: Tính đến ngày 15/5/2024, Cơ chế một cửa quốc gia đã có 250 TTHC của 13 Bộ, Ngành kết nối với sự tham gia của trên 70,8 nghìn doanh nghiệp.</p> <p>* Về Cơ chế một cửa ASEAN: Duy trì kết nối chính thức Cơ chế một cửa ASEAN để trao đổi thông tin chứng nhận xuất xứ mẫu D điện tử với tất cả 09 nước thành viên ASEAN. Phối hợp</p>

TT	Nhiệm vụ	Thời gian	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Tiến độ triển khai
					với Ban thư ký ASEAN và các nước ASEAN để trao đổi chính thức tờ khai Hải quan ASEAN theo kế hoạch. Trao đổi để xây dựng giải pháp, lộ trình kết nối trao đổi chứng từ điện tử giữa ASEAN và các đối tác như: Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Hoa Kỳ...
9.	Tiếp tục thực hiện việc xây dựng quy trình nội bộ, quy trình điện tử trong giải quyết thủ tục hành chính; nghiên cứu, đề xuất cấp có thẩm quyền giảm phí, lệ phí trong trường hợp thanh toán trực tuyến để khuyến khích người dân, doanh nghiệp tham gia thực hiện; rà soát, chuẩn hóa, điện tử hóa mẫu đơn tờ khai theo hướng cắt giảm tối thiểu 20% thông tin phải khai báo trên cơ sở tái sử dụng dữ liệu đã được số hóa; đẩy nhanh việc thực hiện ký số trên thiết bị di động.	Năm 2024	Các bộ, ngành, địa phương	Văn phòng Chính phủ	
10.	Thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng phục vụ, mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp. Công khai kết quả đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong giải quyết TTHC, cung cấp DVC tại các bộ, ngành, địa phương theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ. Định kỳ hàng tháng công khai danh sách cơ quan, tổ chức, cá nhân chậm muộn trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công trên Cổng Thông tin điện tử, Cổng DVC của bộ, ngành, địa phương.	Năm 2024	Các bộ, ngành, địa phương	Văn phòng Chính phủ	Tiếp tục triển khai

TT	Nhiệm vụ	Thời gian	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Tiến độ triển khai
11.	Tiếp tục tích hợp, kết nối và chia sẻ dữ liệu dân cư giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với Công Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh phục vụ xác thực, chia sẻ thông tin công dân khi thực hiện thủ tục hành chính.	Năm 2024	Bộ Công an	Văn phòng Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông, các bộ, ngành, địa phương	Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đã kết nối với 18 bộ, ngành; 01 doanh nghiệp nhà nước (EVN); 03 doanh nghiệp viễn thông; 63 địa phương. Tính đến nay, đã tiếp nhận tổng 1,576,911,710 yêu cầu để tra cứu, xác thực thông tin; trong đó, số yêu cầu tra cứu, xác thực có thông tin đúng với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư là 882.714.174 yêu cầu; số yêu cầu có thông tin sai lệch so với thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư là 694.197.536 yêu cầu. Đồng bộ thành công thông

TT	Nhiệm vụ	Thời gian	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Tiến độ triển khai
					tin làm giàu của 720.989.317 bản ghi vào dữ liệu dân cư đối với 91 trường thông tin.
12.	Thúc đẩy triển khai Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2022 phê duyệt Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030.	Năm 2024	Bộ Công an	Các bộ, ngành, địa phương	- Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 04/CT-TTg ngày 11/02/2024 về tiếp tục đẩy mạnh triển khai Đề án phát triển dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn năm 2030.
13.	Tiếp tục xác thực đồng bộ dữ liệu dân cư với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành để làm sạch dữ liệu và kết nối, chia sẻ phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.	Năm 2024	Bộ Công an	Các bộ, ngành	Đã hoàn thành cung cấp 25/25 dịch vụ công theo Đề án 06/CP và 13/28 dịch vụ công theo Quyết định số 422/QĐ-TTg ngày 04/4/2022 trên Cổng dịch vụ

TT	Nhiệm vụ	Thời gian	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Tiến độ triển khai
					<p>công quốc gia; trong đó, 23/25 dịch vụ công thiết yếu đã được thực hiện toàn trình và cung cấp 02 dịch vụ công liên thông. Triển khai tích hợp chức năng thanh toán trực tuyến và hoàn tiền tự động của hệ thống Vietcombank trên môi trường product mã hóa các dữ liệu đảm bảo an ninh, an toàn theo quy định; phát triển chức năng kết chuyển kho bạc đối với các hồ sơ có nghĩa vụ tài chính trên Cổng dịch vụ công cư trú.</p>
14.	Tiếp tục triển khai xây dựng, hoàn thiện và đưa vào vận hành các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành đã được phê duyệt; đẩy mạnh kết nối, tích hợp, chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ	Năm 2024	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Thông tin và Truyền	Các cơ quan nhà nước tiếp tục khai thác, vận hành

TT	Nhiệm vụ	Thời gian	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Tiến độ triển khai
	liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương.			thông, Bộ Công an, Văn phòng Chính phủ, các bộ, cơ quan liên quan	<p>các Cơ sở dữ liệu quốc gia trong quản lý, điều hành kinh tế xã hội. Đến hết tháng 5/2024, đã có 17 bộ, ngành (tăng 03 cơ quan so với tháng 4) và 54 địa phương (tăng 03 so với tháng 4) đã ban hành hành danh mục cơ sở dữ liệu (CSDL) theo quy định (đạt tỷ lệ 81,2%).</p> <p>Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước phục vụ công tác điều hành, quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ cho người dân doanh nghiệp tiếp tục được các bộ, ngành, địa phương đẩy mạnh. Điển hình</p>

TT	Nhiệm vụ	Thời gian	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Tiến độ triển khai
					<p>như CSDL quốc gia về dân cư đã kết nối với 18 bộ, ngành; 63 tỉnh, thành phố và 04 doanh nghiệp, đồng bộ thành công 269.247.289 triệu thông tin người dân; đến tháng 4 tiếp nhận hơn 1,534 tỷ yêu cầu xác thực thông tin, tăng 15,96 triệu so với tháng 3; Nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) đã thiết lập được 388 điểm kết nối giữa các hệ thống và CSDL của 95 cơ quan, đơn vị, hàng ngày có khoảng 2,29 triệu giao dịch qua Nền tảng.</p>

TT	Nhiệm vụ	Thời gian	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Tiến độ triển khai
15.	Xây dựng Khung Bộ chỉ số phục vụ chỉ đạo, điều hành của các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước.	Năm 2024	Văn phòng Chính phủ	Các bộ, ngành, địa phương	Đang triển khai
16.	Xây dựng, trình Chính phủ ban hành Nghị định về 02 dịch vụ công liên thông "Đăng ký khai sinh - đăng ký thường trú - cấp thẻ BHYT cho trẻ dưới 6 tuổi" và "Đăng ký khai tử - xóa đăng ký thường trú - trợ cấp mai táng phí".	Tháng 4 năm 2024	Văn phòng Chính phủ	Các bộ, ngành, địa phương	Đã hoàn thành (Nghị định số 63/2024/NĐ-CP ngày 10/6/2024)
17.	Xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục các nhóm thủ tục hành chính liên thông điện tử, tích hợp, cung cấp lên Cổng Dịch vụ công quốc gia năm 2024.	Tháng 02 năm 2024	Văn phòng Chính phủ	Các bộ, ngành, địa phương, cơ quan có liên quan	Đã hoàn thành (Quyết định số 206/QĐ-TTg ngày 28/02/2024)
18.	Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các giải pháp phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam theo Quyết định số 1813/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025.	Năm 2024	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Các bộ, ngành, địa phương, cơ quan có liên quan	Chính phủ đã ban hành Nghị định số 52/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2024 quy định về thanh toán không dùng tiền mặt, thay thế Nghị định 101/2012/NĐ-CP. Đây là một trong những văn bản pháp luật quan trọng góp phần hiện thực hóa mục tiêu đưa Việt Nam trở thành một xã hội thanh toán không dùng tiền

TT	Nhiệm vụ	Thời gian	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Tiến độ triển khai
					<p>mặt vào năm 2030. Nghị định đưa ra nhiều giải pháp nhằm khuyến khích người dân và doanh nghiệp sử dụng thanh toán không dùng tiền mặt như: giảm chi phí giao dịch, tăng cường bảo mật, đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt. . .</p> <p>Từ đó, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước giúp đảm bảo an ninh, an toàn cho hệ thống thanh toán, bảo vệ quyền lợi của người sử dụng dịch vụ thanh toán và góp phần thúc đẩy phát triển thanh toán không dùng tiền mặt một cách bền vững.</p>

TT	Nhiệm vụ	Thời gian	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Tiến độ triển khai
19.	Tiếp tục duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước; mở rộng hệ thống quản lý chất lượng đối với các hoạt động nội bộ; từng bước triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 điện tử.	Năm 2024	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành, địa phương	Tiếp tục triển khai

THAM LUẬN

Kết quả cải cách thủ tục hành chính 6 tháng đầu năm 2024, tồn tại, hạn chế, giải pháp 6 tháng cuối năm 2024

Văn phòng Chính phủ

Kính thưa đồng chí Phạm Minh Chính, Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ, Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ!

Kính thưa đồng chí Trần Lưu Quang, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ!

Kính thưa các quý vị đại biểu tham dự Hội nghị tại các điểm cầu!

I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Trong 6 tháng đầu năm 2024, công tác cải cách hành chính (CCHC) nói chung, cải cách thủ tục hành chính (TTHC) nói riêng tiếp tục được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, các bộ, ngành, địa phương tập trung triển khai quyết liệt, đạt được nhiều kết quả nổi bật.

1. Về công tác chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

Công tác cải cách TTHC là một trong những nội dung trọng tâm được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương tập trung thực hiện tại Nghị quyết số 01/NQ-CP, 02/NQ-CP ngày 05/01/2024 và các Nghị quyết Phiên họp thường kỳ hàng tháng để tạo chuyển biến tích cực, thực chất trong công tác này. Trong đó, đã đề ra các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tập trung vào việc cắt giảm TTHC không cần thiết, gây chi phí cho người dân, doanh nghiệp; đẩy mạnh phân cấp gắn với phân bổ hợp lý nguồn lực trong giải quyết TTHC; cắt giảm, đơn giản hóa TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước và trong từng bộ, cơ quan, địa phương; tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, toàn diện việc giải quyết TTHC theo theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; đồng thời, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC trên cơ sở tái cấu trúc quy trình giải quyết, tái sử dụng dữ liệu để cung cấp các dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) liên thông toàn trình. Mới đây, Chính phủ đã ban hành Nghị định quy định việc thực hiện liên thông điện tử 02 nhóm TTHC: Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi; Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng phí, tử tuất nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong thực hiện TTHC.

Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương thực hiện nghiêm việc đánh giá tác động TTHC trong đề nghị, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL); ban hành Kế hoạch cải cách TTHC trọng tâm năm 2024 với các mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ cụ thể nhằm thực hiện cải cách các quy định TTHC, quy định kinh doanh (QĐKD) và đổi mới việc thực hiện, giải quyết TTHC, cung cấp DVCTT; phê duyệt phương án đơn giản hóa quy định, TTHC

liên quan đến phiếu lý lịch tư pháp và Danh mục nhóm DVCTT liên thông ưu tiên tái cấu trúc quy trình để tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; chỉ đạo các bộ, ngành rà soát ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và điều kiện đầu tư kinh doanh. Đặc biệt, đã ban hành Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 20/5/2024 về tiếp tục đẩy mạnh cắt giảm, đơn giản hóa TTHC tại các bộ, ngành, địa phương phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Tổ công tác cải cách TTHC của Thủ tướng Chính phủ đã phát huy vai trò trong chỉ đạo, đôn đốc các bộ, ngành, địa phương thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp về cải cách TTHC thông qua việc tổ chức **02** phiên họp, trong đó có **01** phiên chuyên đề giải pháp chuyển đổi sang sử dụng một loại tài khoản duy nhất VNeID trong thực hiện DVCTT theo Nghị định số 59/2022/NĐ-CP; đồng thời đã làm việc với **03** bộ, **08** địa phương theo hình thức trực tuyến để đánh giá kết quả thực hiện cũng như chỉ đạo, thúc đẩy việc thực hiện cải cách TTHC; ban hành **21** văn bản chỉ đạo, đôn đốc việc thực hiện của các bộ, ngành, địa phương và đề nghị xử lý các phản ánh, kiến nghị về cơ chế, chính sách, TTHC của hiệp hội, cộng đồng doanh nghiệp, thành viên Hội đồng tư vấn cải cách TTHC gửi đến Tổ công tác .

2. Về cải cách quy định TTHC

a) Về cắt giảm, đơn giản hóa QĐKD theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12/5/2020 của Chính phủ

Tổng số QĐKD được các bộ, ngành cắt giảm, đơn giản hóa từ đầu năm đến nay là **158** QĐKD tại **13** VBQPPL. Tính từ năm 2021 đến nay, tổng số QĐKD được cắt giảm, đơn giản hóa là **2.933** QĐKD (gồm: **1.531** TTHC, **177** yêu cầu điều kiện, **92** chế độ báo cáo, **164** quy chuẩn, tiêu chuẩn và **969** mặt hàng kiểm tra chuyên ngành) tại **247** VBQPPL (gồm: **15** Luật, **69** Nghị định, **04** Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, **157** Thông tư, Thông tư liên tịch và **02** văn bản khác), trên tổng số **15.801** QĐKD được cập nhật, công khai trên Cổng Tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh, đạt **18,56%**. Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa đối với **124** QĐKD tại **06** Luật, **15** Nghị định và **29** Thông tư thuộc phạm vi quản lý của các Bộ: Tư pháp, Lao động - Thương binh và Xã hội, Công Thương, Tài chính và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

b) Về phân cấp trong giải quyết TTHC theo Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ

Tổng số TTHC đã được các bộ, ngành phân cấp từ đầu năm 2024 là **68** TTHC tại **07** Nghị định và **11** Thông tư. Tính từ năm 2022 đến nay, đã có **18/21** bộ, cơ quan thực hiện phân cấp **221/699** TTHC, đạt **31,6%** (không bao gồm một số TTHC do các bộ chủ động phân cấp). Trong đó, **03** cơ quan đã thực hiện phân cấp đạt **100%**, **05** bộ đạt từ **50%** trở lên, **09** bộ đạt dưới **50%**, **03** bộ chưa thực hiện phân cấp theo phương án đã được phê duyệt. Tổng số TTHC còn tiếp tục phải thực hiện phân cấp là **478** TTHC.

c) Về rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ theo Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ

Đến nay, **22** bộ, ngành đã công bố danh mục TTHC nội bộ thuộc phạm vi quản lý và thực hiện bộ; **63** địa phương đã công bố danh mục TTHC nội bộ thực hiện tại địa phương. Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt phương án đơn giản hóa **40** TTHC nội bộ thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tài chính, Bộ Thông tin và Truyền thông; các bộ, ngành đã phê duyệt phương án đơn giản hóa **151** TTHC nội bộ theo thẩm quyền; các địa phương đã phê duyệt phương án đơn giản hóa tổng số **854** TTHC. Văn phòng Chính phủ đã phối hợp với các bộ, cơ quan tổng hợp **02** danh mục TTHC nội bộ, gồm: (i) **273** TTHC nội bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của các bộ, cơ quan ngang bộ, (ii) **632** TTHC nội bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền địa phương. Văn phòng Chính phủ đang hoàn thiện các danh mục trên cơ sở ý kiến của bộ, ngành, địa phương trước khi gửi các bộ, ngành, địa phương công bố, rà soát, đơn giản hóa.

d) Về việc thực thi **19** Nghị quyết của Chính phủ về đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư

Tổng số TTHC được thực thi từ đầu năm 2024 đến nay là **207** TTHC tại **23** VBQPPL. Tính đến nay, các bộ, ngành đã đơn giản hóa **793/1.084** TTHC được giao tại các Nghị quyết chuyên đề của Chính phủ về đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư, đạt **73%**; có **07** bộ, cơ quan hoàn thành thực hiện **100%** phương án đơn giản hóa; **09** bộ, cơ quan đạt trên **50%**; **03** bộ đạt dưới **50%**. Còn **291** TTHC cần tiếp tục đơn giản hóa tại **04** Luật, **15** Nghị định, **10** Thông tư liên tịch và **20** Thông tư.

3. Về cải cách việc thực hiện TTHC, cung cấp DVCTT

a) Về việc thực hiện đổi mới cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC, nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp

Đến nay, cả nước đã thành lập **11.956** Bộ phận Một cửa các cấp để tiếp nhận, giải quyết TTHC, trong đó có **58** Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh được thành lập. **100%** cơ quan, đơn vị đã quan tâm nâng cấp, hoàn thiện Hệ thống thông tin giải quyết TTHC, trong đó đã có **63/63** địa phương, **13/22** bộ, ngành hoàn thành việc nâng cấp, hoàn thiện Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp bộ, cấp tỉnh đáp ứng quy định tại Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ; đã có **61/63** địa phương, **09/20** bộ, ngành hoàn thành việc kết nối Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp bộ, cấp tỉnh với Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Cổng dịch vụ công quốc gia phục vụ giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công; đã triển khai số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC ở **9.200/11.956** Bộ phận Một cửa, chiếm **76,9%**.

Thực hiện nhiệm vụ Thủ tướng Chính phủ giao tại Chỉ thị số 04/CT-TTg ngày 11/02/2024, Văn phòng Chính phủ đã dự thảo tài liệu hướng dẫn thí điểm mô hình một cửa theo hướng kết hợp cung cấp dịch vụ hành chính công của các đơn vị hành chính trên cùng địa bàn tại **04** tỉnh, thành phố (Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Quảng Ninh). Dự thảo đang được gửi lấy ý kiến các thành viên Tổ Biên tập và các đơn vị liên quan để hoàn thiện, báo cáo Tổ công tác cải cách TTHC của Thủ tướng Chính phủ.

b) Về công khai, minh bạch và tiến độ, kết quả trong thực hiện TTHC

Từ đầu năm đến nay, tỷ lệ đồng bộ công bố, công khai quá trình giải quyết TTHC của bộ, ngành đạt **50%** (**23.101.528** hồ sơ được đồng bộ /**45.705.702** hồ sơ giải quyết) (cùng kỳ năm 2023 đạt **46,04%**), địa phương đạt **64%** (**14.010.481** hồ sơ được đồng bộ /**21.652.908** hồ sơ giải quyết) (cùng kỳ năm 2023 đạt **50,24%**).

Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC đúng hoặc sớm hạn tại bộ, ngành đạt **11,89%** (**2.748.622** hồ sơ đúng, sớm hạn /**23.101.528** hồ sơ giải quyết, giảm **8,2%** so với cùng kỳ năm 2023); tại các địa phương đạt **87,2%** (**12.217.139** hồ sơ đúng, sớm hạn /**14.010.481** hồ sơ giải quyết, tăng **1,42%** so với cùng kỳ năm 2023).

c) Về cung cấp DVCTT và số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC

Tại bộ, ngành, tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến đạt 47,78% (11.040.203/23.101.528) trong tổng số hồ sơ TTHC, tăng 19,67% so với cùng kỳ năm 2023; địa phương đạt 52,1% (7.300.524/14.010.481) trong tổng số hồ sơ TTHC, tăng 19,36% so với cùng kỳ năm 2023.

Tỷ lệ thanh toán trực tuyến nghĩa vụ tài chính trong thực hiện TTHC, DVC tại bộ, ngành đạt **23,33%** trên tổng số hồ sơ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (**144.173/473.734**); địa phương đạt **45,32%** trên tổng số hồ sơ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (**3.985.774/4.808.023**), tăng **26,72%** so với cùng kỳ năm 2023.

Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC tại các bộ, ngành đạt **46,75%** (**11.212.369** hồ sơ được số hóa/ **23.981.725** hồ sơ giải quyết) và tại các địa phương đạt **57,34%** (**8.033.609** hồ sơ được số hóa/**14.010.481** hồ sơ giải quyết), tăng so với cùng kỳ năm 2023, tại bộ, ngành đạt **23,8%**, địa phương đạt **25,42%**. Tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả bản điện tử có giá trị pháp lý để tái sử dụng tại các bộ, ngành đạt **46,78%** (**11.217.769** kết quả điện tử/**23.981.725** kết quả giải quyết); tại các địa phương đạt **63,32%** (**8.871.436** kết quả điện tử/**14.010.481** kết quả giải quyết), tăng so với cùng kỳ năm 2023, tại bộ, ngành đạt **24,19%**, địa phương đạt **25,47%**.

Theo Bộ chỉ số đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, DVC theo thời gian thực trên môi trường điện tử, trong 05 tháng đầu năm 2024, có **02** bộ đạt điểm đánh giá từ **70** trở lên, **10** bộ đạt điểm đánh giá “Dưới Trung bình”; có **14** địa phương đạt điểm đánh giá từ **80** trở lên và chỉ có **02** địa phương đạt điểm đánh giá “Dưới Trung bình”.

II. TỒN TẠI, HẠN CHẾ

1. Về cải cách quy định TTHC

Một số quy định, TTHC tại một số VBQPPL còn chồng chéo, mâu thuẫn; quy định về thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết một số TTHC còn qua nhiều khâu trung gian; việc cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh, TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư, phân cấp giải quyết TTHC theo phương án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chưa bảo đảm tiến độ; TTHC nội bộ trong từng bộ, cơ quan, địa phương và giữa các cơ quan hành chính nhà nước với nhau còn phức tạp, rườm rà, là rào cản trong hoạt động của bộ máy nhà nước nhưng chưa được bộ, ngành, địa phương quan tâm nhận diện, công bố đầy đủ và thực hiện rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa.

2. Về cải cách việc thực hiện TTHC, cung cấp dịch vụ công

- Việc đổi mới giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông còn chậm: Còn 10 nhóm dịch vụ công theo Quyết định số 422/QĐ-TTg ngày 04/4/2022 chưa hoàn thành việc cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; còn 07 bộ, ngành chưa hoàn thành công bố danh mục TTHC thuộc phạm vi quản lý có đủ điều kiện thực hiện DVCTT toàn trình để tổ chức thực hiện thống nhất trong toàn quốc; còn **09/22** bộ, ngành chưa hoàn thành việc nâng cấp, hoàn thiện Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp bộ, **02/63** địa phương, **09/20** bộ, ngành chưa hoàn thành kết nối Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp bộ, cấp tỉnh với Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Cổng Dịch vụ công quốc gia phục vụ giải quyết TTHC, cung cấp DVC.

- Kết quả số hóa ở một số bộ, ngành, địa phương chưa cao, giá trị pháp lý của giấy tờ được số hóa chưa đảm bảo. Đối với nhiều loại giấy tờ, tài liệu đặc thù do chưa có quy định cụ thể, rõ ràng về cách thức số hóa phù hợp tại pháp luật chuyên ngành nên việc triển khai thực hiện còn lúng túng, thiếu thống nhất, chưa hiệu quả, nhất là ở các địa phương. Việc tái sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa phục vụ giải quyết TTHC theo nguyên tắc người dân, doanh nghiệp chỉ cung cấp thông tin một lần còn rất hạn chế (mới đạt trên **10%** ở địa phương và trên **01%** ở bộ, ngành)...

- Tại một số cơ quan, đơn vị, địa phương nhất là ở cơ sở vẫn còn tình trạng những nhiễu, tiêu cực; việc giám sát, đánh giá chất lượng giải quyết TTHC và đánh giá mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp đã được triển khai, tuy nhiên chưa hình thành được cơ chế giám sát, đánh giá việc giải quyết TTHC đồng bộ theo thời gian thực từ Hệ thống Một cửa các cấp.

- Còn nhiều phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp về cơ chế, chính sách, TTHC chưa được bộ, ngành, địa phương quan tâm xem xét, xử lý .

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP 6 THÁNG CUỐI NĂM 2024

Các bộ, ngành, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp sau:

1. Tập trung nguồn lực, triển khai đầy đủ các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao tại các văn bản, chương trình, kế hoạch, đề án đã được ban hành, nhất là các nhiệm vụ còn tồn đọng được giao tại Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 20/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục đẩy mạnh cắt giảm, đơn giản hóa TTHC tại các bộ, ngành, địa phương phục vụ người dân, doanh nghiệp.

2. Bố trí nguồn lực, điều kiện cần thiết triển khai thi hành Nghị định số 63/2024/NĐ-CP ngày 10/6/2024 của Chính phủ quy định việc thực hiện liên thông điện tử **02** nhóm TTHC: Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi; Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng phí, tử tuất để tạo thuận lợi tối đa cho người dân trong việc giải quyết TTHC liên quan.

3. Thực hiện nghiêm việc đánh giá tác động, cho ý kiến, thẩm định, thẩm tra quy định TTHC trong đề nghị, dự án, dự thảo VBQPPL, trong đó kiên quyết

cắt giảm TTHC không cần thiết và chỉ ban hành TTHC mới trong trường hợp thật sự cần thiết để quản lý, điều chỉnh quan hệ xã hội mới phát sinh.

4. Khẩn trương thực hiện việc sửa đổi, bổ sung các VBQPPL thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ để tổ chức thi phương án đơn giản hóa QĐKD, TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư, quy định, TTHC liên quan đến Phiếu lý lịch tư pháp, phân cấp trong giải quyết TTHC, TTHC nội bộ đã được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

5. Thực hiện công bố, rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC nội bộ nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước theo Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ.

6. Các bộ, cơ quan ngang bộ tập trung rà soát, đề xuất phương án cắt giảm, đơn giản hóa giấy phép liên quan đến hoạt động kinh doanh để xây dựng Chương trình cắt giảm giấy phép và đổi mới hoạt động cấp phép tại các bộ, ngành, địa phương giai đoạn 2025 - 2030.

7. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả việc đổi mới cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC; đẩy mạnh số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC; gắn kết việc số hóa với việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức và quá trình tiếp nhận, giải quyết TTHC của người dân, doanh nghiệp; nâng cao chất lượng trong việc tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC trên cơ sở liên thông điện tử và tái sử dụng dữ liệu để xây dựng, cung cấp DVCTT, thanh toán trực tuyến; tăng cường giám sát, đánh giá việc thực hiện TTHC dựa trên dữ liệu theo thời gian thực, gắn với đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức.

Triển khai thí điểm mô hình một cửa theo hướng kết hợp cung cấp dịch vụ hành chính công của các đơn vị hành chính trên cùng địa bàn tại 4 tỉnh, thành phố (Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Quảng Ninh) theo tài liệu hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ.

8. Tăng cường trách nhiệm giải trình, thực hiện hiệu quả công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị; người đứng đầu thường xuyên tổ chức đối thoại với người dân, doanh nghiệp; theo dõi sát, kịp thời nắm bắt và xử lý dứt điểm những vướng mắc, khó khăn, không để tình trạng kéo dài, đùn đẩy trách nhiệm gây tổn kém chi phí, thời gian đi lại của người dân và doanh nghiệp.

Trên đây là tham luận của Văn phòng Chính phủ.

Xin kính chúc các đồng chí lãnh đạo, các quý vị đại biểu lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và đạt được nhiều thành công trong công tác.

Xin trân trọng cảm ơn!

THAM LUẬN

Những kết quả nổi bật trong xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số, đặc biệt là trong việc xây dựng cơ sở dữ liệu; tái cấu trúc quy trình cho thực hiện dịch vụ công trực tuyến; nhiệm vụ, giải pháp trong thời gian tới

Bộ Thông tin và Truyền thông

Kính thưa đồng chí Phạm Minh Chính, Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ, Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ!

Kính thưa đồng chí Trần Lưu Quang, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ!

Kính thưa các quý vị đại biểu tham dự Hội nghị tại các điểm cầu!

I. KẾT QUẢ NỔI BẬT TRONG XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CPĐT/CPS

1. Về công tác chỉ đạo, điều hành

- Ngày 19/4/2024, Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số ban hành Kế hoạch hoạt động năm 2024 tại Quyết định số 58/QĐ-UBQGCS.

- Ngày 24/4/2024, Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số đã tổ chức **01** Hội nghị chuyên đề Thúc đẩy số hóa ngành nông nghiệp.

- Ngày 09/5/2024, Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái và Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang đồng chủ trì phiên họp chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, hoàn thiện Xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

- Hiện **25** bộ, ngành, địa phương (**02** bộ, ngành; **23** địa phương) ban hành Kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số năm 2024; **11** bộ, ngành, địa phương có kế hoạch kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số năm 2024.

2. Xây dựng, hoàn thiện thể chế

Các bộ, ngành đã nỗ lực, tập trung hoàn thiện một số Luật, đề nghị xây dựng Luật và các Nghị định của Chính phủ, bao gồm: Ban hành **04** Nghị định⁶⁹;

⁶⁹ Nghị định số 47/2024/NĐ-CP ngày 09/5/2024 quy định về danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia; việc xây dựng, cập nhật, duy trì, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia; Nghị định số 48/2024/NĐ-CP ngày 09/5/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số; Nghị định số 52/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2024 quy định về thanh toán không dùng tiền mặt; Nghị định số 63/2024/NĐ-CP ngày 10/6/2024 về thực hiện liên thông điện tử 2 nhóm thủ tục hành chính: Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi; đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng phí, tử tuất.

hoàn thiện **01** Luật sửa đổi trình Chính phủ, trình Quốc hội ban hành⁷⁰; **02** đề nghị xây dựng Luật⁷¹; **10** Nghị định, trong đó, **03** Nghị định đang lấy ý kiến thành viên Chính phủ để ban hành⁷²; **02** Nghị định đã hoàn thiện theo ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, đã trình Chính phủ xem xét ban hành⁷³; **02** Nghị định đã được Bộ Tư pháp thẩm định, Cơ quan chủ trì đang hoàn thiện trình Chính phủ ban hành⁷⁴; **01** Nghị định đã gửi hồ sơ sang Bộ Tư pháp thẩm định⁷⁵; **01** Nghị định đã hoàn thiện dự thảo đang lấy ý kiến các bộ, ngành, địa phương⁷⁶.

Các địa phương tiếp tục xây dựng, ban hành chính sách miễn, giảm phí, lệ phí để thúc đẩy người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến (DVCTT). Toàn quốc có **62/63**⁷⁷ địa phương ban hành chính sách miễn, giảm phí, lệ phí sử dụng DVCTT, trong đó 3 địa phương (Hà Nội, Vĩnh Long và Thành phố Hồ Chí Minh) ban hành chính sách miễn phí, lệ phí.

3. Phát triển dữ liệu số

Các cơ quan nhà nước tiếp tục khai thác, vận hành các Cơ sở dữ liệu (CSDL) quốc gia trong quản lý, điều hành kinh tế - xã hội. Đến hết tháng 5/2024, đã có **17** bộ, ngành và **54** địa phương đã ban hành hành danh mục CSDL theo quy định (đạt tỷ lệ **81,2%**).

Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước phục vụ công tác điều hành, quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ cho người dân, doanh nghiệp tiếp tục được các bộ, ngành, địa phương đẩy mạnh. Điển hình như CSDL quốc gia về dân cư đã kết nối với **18** bộ, ngành; **63** tỉnh, thành phố và **04** doanh nghiệp, đồng bộ thành công **269.247.289** triệu thông tin người dân; đến tháng 4 tiếp nhận hơn **1,534** tỷ yêu cầu xác thực thông tin, tăng **15,96** triệu so với tháng 3; Nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) đã thiết lập được **388** điểm kết nối giữa các hệ thống và CSDL của **95** cơ quan, đơn vị, hàng ngày có khoảng **2,29** triệu giao dịch qua Nền tảng.

4. Phát triển hạ tầng số

Bộ Thông tin và Truyền thông tiếp tục chỉ đạo các doanh nghiệp Viễn thông đẩy mạnh phát triển hạ tầng số phục vụ chuyển đổi số quốc gia. Cho đến nay, có **81,7%** (tăng **1,5%** so với tháng 4) hộ gia đình sử dụng cáp quang Internet băng

⁷⁰ Luật sửa đổi Luật Lưu trữ.

⁷¹ Đề nghị xây dựng Luật dữ liệu; Đề nghị xây dựng Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân (01 đang lấy ý kiến thành viên Chính phủ; 01 đã được Bộ Tư pháp thẩm định).

⁷² Nghị định quy định về chữ ký số chuyên dùng công vụ; Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước; Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định quy định về định danh và xác thực điện tử.

⁷³ Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; Nghị định quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng kinh phí thường xuyên ngân sách nhà nước để thực hiện các dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, mở rộng dự án, mua sắm tài sản, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị.

⁷⁴ Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông (sửa đổi); Nghị định quy định chi tiết Luật Viễn thông về quản lý kho số viễn thông, tài nguyên Internet; việc bồi thường khi nhà nước thu hồi mã, số viễn thông, tài nguyên internet; đấu giá quyền sử dụng mã, số viễn thông, tên miền quốc gia Việt Nam.

⁷⁵ Nghị định quy định về chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy.

⁷⁶ Nghị định quy định chi tiết Luật Viễn thông về hoạt động viễn thông công ích.

⁷⁷ Thanh Hóa chưa ban hành NQ thay thế NQ số 289/2022/NQ-HĐND đã hết hạn áp dụng ngày 31/12/2023.

rộng và **100%** xã, phường, thị trấn kết nối Internet cáp quang. Internet băng rộng di động 4G phủ đến cấp thôn, bản đạt yêu cầu chất lượng dịch vụ theo quy chuẩn quốc gia. Tỷ lệ thuê bao điện thoại di động sử dụng điện thoại thông minh đạt **82,9%**. Số điểm lờm sóng được phủ sóng di động đạt **256/1077** điểm lờm sóng.

5. Cung cấp DVCTT cho người dân, doanh nghiệp

- Các bộ, ngành đã đơn giản hóa **750/1.086** (đạt **69%**) thủ tục hành chính (TTHC) được giao tại các Nghị quyết đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư theo phạm vi quản lý của từng bộ, ngành. Lãnh đạo Chính phủ đã có ý kiến chỉ đạo các bộ, ngành chủ động sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) liên quan tới quản lý dân cư, thống nhất phương án để giải quyết triệt để việc thực thi các phương án đơn giản hóa **317** TTHC.

- Cung cấp DVCTT cho người dân, doanh nghiệp được đẩy mạnh, **80,53%** TTHC được cung cấp dưới dạng DVCTT (tăng **0,09%** so với tháng 4/2024); **47,79%** TTHC được cung cấp dưới dạng DVCTT toàn trình; Cổng Dịch vụ công quốc gia đã cung cấp trên **4.515** DVCTT, trên **15,5** triệu tài khoản, hơn **322** triệu hồ sơ đồng bộ và đã có trên **49,1** triệu hồ sơ nộp, hơn **27,8** triệu giao dịch thanh toán trực tuyến với số tiền hơn **13.778** tỷ đồng; hơn **491.000** cuộc gọi tới tổng đài.

- Hiện nay, các bộ, ngành, đã phối hợp với Văn phòng Chính phủ hoàn thành việc kết nối, tích hợp, cung cấp **25/25** DVC theo Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 và **18/28** DVC theo Quyết định số 422/QĐ-TTg ngày 04/4/2022 trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; tiếp tục tái cấu trúc quy trình TTHC, cung cấp DVC liên thông theo Quyết định số 206/QĐ-TTg ngày 28/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

- Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Chính phủ: Từ ngày 20/4/2024 đến ngày 20/5/2024, Hệ thống đã phục vụ **02** hội nghị, phiên họp, xử lý **71** phiếu lấy ý kiến thành viên Chính phủ, thay thế **16.343** hồ sơ, tài liệu giấy. Lũy kế đến nay, Hệ thống đã phục vụ **97** hội nghị, phiên họp của Chính phủ và thực hiện xử lý **2.236** phiếu lấy ý kiến thành viên Chính phủ, thay thế **762.529** hồ sơ, tài liệu giấy.

- Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia, Trung tâm thông tin chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ: Trong tháng đã cập nhật được **564** file dữ liệu lên kho dữ liệu nội dung; xây dựng infographic về tình hình kinh tế - xã hội phục vụ Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 5 năm 2024. Tính đến nay, đã có **69/179** chế độ báo cáo được tích hợp hoặc nhập liệu trực tiếp trên Hệ thống. Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã kết nối, liên thông các Hệ thống thông tin báo cáo, các CSDL quốc gia, CSDL chuyên ngành của **15** bộ, cơ quan, tập đoàn, tổng công ty nhà nước và **63** địa phương để cung cấp thông tin, dữ liệu với **167/200** chỉ tiêu kinh tế - xã hội theo Quyết định số 293/QĐ-TTg; **38** chỉ tiêu thông tin trực tuyến; hình thành **04** bộ chỉ số về điều hành, thống kê, theo dõi, giám sát và kinh tế - xã hội của địa phương; hình thành kho dữ liệu tổng hợp với trên **300** chỉ tiêu kinh tế - xã hội; xây dựng

và cung cấp ấn phẩm thông tin đồ họa về tình hình kinh tế - xã hội phục vụ Phiên họp Chính phủ thường kỳ hàng tháng.

6. An toàn thông tin mạng

Bộ Thông tin và Truyền thông tiếp tục đẩy mạnh, phối hợp Bộ Công an thực hiện các giải pháp bảo đảm an toàn thông tin mạng. Trong tháng 5, Bộ Thông tin và Truyền thông đã ghi nhận, cảnh báo và hướng dẫn xử lý **274** cuộc tấn công mạng gây ra sự cố vào các hệ thống thông tin tại Việt Nam, giảm **60,6%** so với cùng kỳ tháng 5/2023 (**695** cuộc); công tác phân loại và thực hiện bảo vệ theo cấp độ tiếp tục được triển khai đến nay đạt tỷ lệ **80,3%** tổng số hệ thống thông tin đã rà soát. Một số văn bản pháp lý quy định về an toàn thông tin mạng tiếp tục được xây dựng, ban hành: Kế hoạch hành động triển khai Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030⁷⁸; Bộ tiêu chí về yêu cầu an toàn thông tin mạng cơ bản cho camera giám sát⁷⁹.

7. Về Kết quả thực hiện các nhiệm vụ đến tháng 5 theo Kế hoạch hoạt động năm 2024 của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số

- Kết quả thực hiện các chỉ tiêu: Hoàn thành triển khai **43/53** DVC thiết yếu; **96,4%** Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của các bộ, ngành, địa phương kết nối với Hệ thống EMC; **23,7%** tổng số điểm lõm sóng được phủ sóng di động; **62,3%** bộ, ngành, địa phương sử dụng Nền tảng hỗ trợ quản lý bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ.

- Kết quả thực hiện các nhiệm vụ: **08** nhiệm vụ hoàn thành; **02** nhiệm vụ đang thực hiện, dự kiến hoàn thành trong tháng 5; **10** nhiệm vụ đang thực hiện.

II. TỒN TẠI, HẠN CHẾ

Một số nhiệm vụ theo Kế hoạch hoạt động năm 2024 của Ủy ban Quốc gia về Chuyển đổi số triển khai chậm so với thời hạn hoàn thành. Nhiều bộ, ngành, địa phương chưa hoàn thành xây dựng Kế hoạch hoạt động năm 2024, hoạt động kiểm tra giám sát hoạt động chuyển đổi số của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số các bộ, ngành, địa phương. Công tác hoàn thiện trình Chính phủ ban hành các VBQPPL được các bộ, ngành đẩy mạnh, tuy nhiên, một số văn bản vẫn chưa hoàn thành theo tiến độ.

Việc rà soát, sửa đổi, đơn giản hóa TTHC còn **chậm** so với yêu cầu, vẫn còn **317/1.084** TTHC cần tiếp tục sửa đổi, đơn giản hóa. Còn **05** bộ, ngành (Ngoại giao, Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Ủy ban Dân tộc, Thanh tra Chính phủ) chưa hoàn thành công bố danh mục TTHC thuộc phạm vi quản lý có đủ điều kiện thực hiện DVCTT toàn trình để địa phương tổ chức thực hiện thống nhất trong toàn quốc.

Việc triển khai số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC tại các bộ, ngành, địa phương còn khoảng cách khá xa so với mục tiêu **80%** tại Nghị quyết số

⁷⁸ Quyết định số 668/QĐ-BTTTT ngày 26/4/2024.

⁷⁹ Quyết định số 24/QĐ-BTTTT ngày 07/5/2024.

01/NQ-CP (tỷ lệ tại bộ, ngành đạt **25,66%**, địa phương đạt **29,74%**). Dẫn đến việc kết nối, chia sẻ, tái sử dụng dữ liệu theo hướng người dân, doanh nghiệp chỉ cung cấp thông tin **01** lần còn hạn chế (tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa của bộ, ngành chỉ đạt **1,13%**, của địa phương chỉ đạt **10,35%**).

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI

Bộ Thông tin và Truyền thông đề nghị các bộ, ngành, địa phương cần tập trung triển khai một số nhiệm vụ, giải pháp sau:

- Ưu tiên nguồn lực, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về chuyển đổi số đã đề ra trong Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2024 của mình để thực hiện các mục tiêu, giải pháp tại Chương trình chuyển đổi số quốc gia, Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, Chiến lược phát triển kinh tế số và xã hội số. Hoàn thành đúng tiến độ, chất lượng, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp theo Kế hoạch hoạt động năm 2024 của Ủy ban Quốc gia về Chuyển đổi số⁸⁰.

- Đề nghị **05** bộ, ngành (Ngoại giao, Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Ủy ban Dân tộc, Thanh tra Chính phủ) hoàn thành công bố danh mục TTHC thuộc phạm vi quản lý có đủ điều kiện thực hiện DVCTT toàn trình để địa phương tổ chức thực hiện thống nhất trong toàn quốc.

- Khẩn trương hoàn thiện thực hiện kết nối Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp bộ, cấp tỉnh với Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Cổng Dịch vụ công quốc gia theo chỉ đạo tại Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

- Đẩy mạnh số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC tại các bộ, ngành, địa phương để cuối năm 2024 đạt mục tiêu **80%** tại Nghị quyết số 01/NQ-CP; đồng thời đẩy mạnh kết nối, khai thác dữ liệu từ các CSDL quốc gia, CSDL chuyên ngành, CSDL dùng chung của các cơ quan nhà nước khác để hướng tới tổ chức, cá nhân chỉ cung cấp thông tin **01** lần cho cơ quan nhà nước khi thực hiện DVCTT.

Trên đây là tham luận của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Xin kính chúc các đồng chí lãnh đạo, các quý vị đại biểu lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và đạt được nhiều thành công trong công tác.

Xin trân trọng cảm ơn!

⁸⁰ Quyết định số 58/QĐ-UBQGCDs ngày 19/4/2024.

THAM LUẬN

Cải cách thể chế ngành Ngân hàng, những kết quả đạt được; những tồn tại, hạn chế và phương hướng, nhiệm vụ thời gian tới

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Kính thưa đồng chí Phạm Minh Chính, Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ, Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ!

Kính thưa đồng chí Trần Lưu Quang, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ!

Kính thưa các quý vị đại biểu tham dự Hội nghị tại các điểm cầu!

Bám sát các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Thống đốc NHNN luôn coi trọng công tác cải cách hành chính (CCHC), xác định CCHC là nhiệm vụ chính trị quan trọng hàng đầu và luôn thể hiện sự quyết liệt, mạnh mẽ, liên tục, trước hết từ nhận thức sau đến hành động, từ Thống đốc đến toàn thể cán bộ, công chức và người lao động ngành Ngân hàng.

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 về ban hành Chương trình tổng thể CCHC giai đoạn 2021 - 2030, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành kế hoạch CCHC giai đoạn 2021 - 2025 với mục tiêu tổng quát là “*Tiếp tục đẩy mạnh công tác CCHC trong toàn hệ thống Ngân hàng Nhà nước đảm bảo hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ giai đoạn 2021 - 2025 của Chương trình tổng thể CCHC nhà nước theo Nghị quyết 76/NQ-CP của Chính phủ. Xây dựng môi trường hoạt động hành chính trong hệ thống Ngân hàng Nhà nước dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, tinh gọn, hiệu quả, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước và phát triển hệ thống ngân hàng ổn định, bền vững, đáp ứng các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội*”. Trong lĩnh vực cải cách hoàn thiện thể chế, Ngân hàng Nhà nước đã đặt mục tiêu đó là “*Tập trung hoàn thiện khuôn khổ pháp lý cho hoạt động ngân hàng, bảo đảm tính đồng bộ, nhất quán và phù hợp với thông lệ quốc tế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, lành mạnh, công bằng cho các Tổ chức tín dụng, thúc đẩy đổi mới sáng tạo*”.

Xác định năm 2024 là năm bứt phá, có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025, ngay từ đầu năm tại Chỉ thị số 01/CT-NHNN về tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của ngành Ngân hàng năm 2024, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước đã chỉ đạo toàn hệ thống Ngân hàng Nhà nước “*tập trung nguồn lực, khẩn trương cao độ trong công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế chính sách về tiền tệ và hoạt động ngân hàng nhằm đảm bảo khung pháp lý đầy đủ cho việc thực hiện các mục tiêu phát*

triển bền vững, ổn định, an toàn hệ thống ngân hàng và các lĩnh vực hoạt động ngân hàng”.

Bằng sự quyết tâm trong chỉ đạo, điều hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và sự nỗ lực CCHC trong toàn Ngành, Ngân hàng Nhà nước đã chủ động, kịp thời ban hành nhiều cơ chế, chính sách về tiền tệ, tín dụng ngân hàng, trong đó có nhiều cơ chế, chính sách đột phá để bảo đảm hệ thống ngân hàng hoạt động an toàn, lành mạnh; đồng thời hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng. Tạo cơ sở quan trọng để khôi phục và phát triển sản xuất kinh doanh, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, kiểm soát lạm phát và tạo nền tảng ổn định kinh tế vĩ mô.

1. Kết quả tích cực đạt được trong năm 2024

Bám sát các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước đã tập trung mọi nguồn lực, với nỗ lực cao nhất để hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, cơ chế chính sách trong các lĩnh vực hoạt động ngân hàng, đáp ứng có hiệu quả hoạt động điều hành chính sách tiền tệ, kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô và hỗ trợ phục hồi tăng trưởng kinh tế. Trọng tâm năm 2024 đó là hoàn thiện Luật Các tổ chức tín dụng (sửa đổi) trình Quốc hội thông qua; tổ chức thi hành Luật Các tổ chức tín dụng sau khi được Quốc hội thông qua.

a) Về xây dựng, triển khai thi hành Luật Các tổ chức tín dụng

Ngày 18/01/2024, Quốc hội đã thông qua dự án Luật Các tổ chức tín dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2024. Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 được ban hành bên cạnh mục tiêu hoàn thiện cơ chế cơ cấu lại tổ chức tín dụng yếu kém; nâng cao năng lực quản trị, điều hành của tổ chức tín dụng, tăng cường các biện pháp để hạn chế thao túng, chi phối trong hoạt động của tổ chức tín dụng, ngăn ngừa nguy cơ tập trung tín dụng, đảm bảo an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng... còn đáp ứng mục tiêu quan trọng đó là tạo hành lang pháp lý để Ngân hàng Nhà nước triển khai mạnh mẽ các giải pháp cải cách thể chế, cải cách thủ tục hành chính (TTHC).

Những cải cách, đổi mới quan trọng tại Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 đó là (i) Bổ sung quy định hợp nhất Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Việc quy định hợp nhất này là một bước đột phá trong giảm thiểu TTHC cho doanh nghiệp, phù hợp với chính sách chung của Chính phủ, giảm đáng kể thời gian, chi phí, tạo môi trường đầu tư thuận lợi hơn cho doanh nghiệp; (ii) Xây dựng khung pháp lý cho việc thử nghiệm ứng dụng công nghệ và triển khai các sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới trong hoạt động ngân hàng, tạo nền tảng cho việc ứng dụng các công nghệ chủ chốt của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; (iii) Bổ sung nhiều quy định theo hướng giảm quy trình thủ tục, đa dạng hóa hoạt động của các tổ chức tín dụng, qua đó tăng khả năng tiếp cận vốn và dịch vụ tài chính của người dân và doanh nghiệp; (iv) Giảm bớt số lượng các hoạt động của tổ chức tín dụng phải có sự chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước, tăng cường trách nhiệm tự

kiểm tra, kiểm soát và tăng cường công khai, minh bạch trong hoạt động của tổ chức tín dụng.

Ngay sau khi Luật Các tổ chức tín dụng 2024 được thông qua, Ngân hàng Nhà nước đã khẩn trương phối hợp với Bộ Tư pháp đề xuất, xây dựng danh mục văn bản quy định chi tiết Luật Các tổ chức tín dụng 2024, chủ trì phối hợp với các bộ, ngành liên quan xây dựng Kế hoạch triển khai thi hành Luật Các tổ chức tín dụng 2024 trình Thủ tướng Chính phủ ký ban hành. Theo Quyết định số 257/QĐ-TTg ngày 29/3/2024 và Quyết định số 299/QĐ-TTg ngày 10/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ⁸¹, Ngân hàng Nhà nước được phân công chủ trì xây dựng, trình trình cấp có thẩm quyền ban hành **06** Nghị định, **01** Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và ban hành theo thẩm quyền **04** Thông tư. Bên cạnh đó, Ngân hàng Nhà nước cũng đã chủ động rà soát các nội dung tại Luật Các tổ chức tín dụng 2024, xây dựng danh mục các Thông tư cần sửa đổi, bổ sung, ban hành mới để hướng dẫn thi hành Luật Các tổ chức tín dụng 2024 và giao các đơn vị chủ trì thực hiện với thời hạn thực hiện cụ thể.

Trên cơ sở quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng 2024, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 257/QĐ-TTg và Quyết định số 299/QĐ-TTg, Ngân hàng Nhà nước đã khẩn trương tổ chức soạn thảo các văn bản theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; phối hợp với các bộ, ngành liên quan gấp rút hoàn thiện trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy định chi tiết, văn bản hướng dẫn thi hành Luật để đảm bảo có hiệu lực cùng thời điểm có hiệu lực của Luật từ 01/7/2024.

- Trong những tháng đầu năm 2024, Ngân hàng Nhà nước triển khai xây dựng khối lượng lớn các VBQPPL với mục tiêu đảm bảo khung pháp lý đồng bộ, thống nhất khi Luật Các tổ chức tín dụng có hiệu lực thi hành vào ngày 01/7/2024, đồng thời xử lý khó khăn, vướng mắc phát sinh, hoàn thiện các quy định pháp luật về quản trị, điều hành, cơ cấu lại tổ chức tín dụng. Theo đó, hoạt động xây dựng VBQPPL của Ngân hàng Nhà nước tập trung vào các nhóm VBQPPL sau:

(i) Nhóm các văn bản về tổ chức, quản trị điều hành của từng loại hình tổ chức tín dụng, trong đó sửa đổi, bổ sung các quy định để hướng dẫn các nội dung được giao tại Luật Các tổ chức tín dụng, tăng cường năng lực và tính công khai, minh bạch trong quản trị điều hành của tổ chức tín dụng, xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong thực tiễn thời gian qua.

(ii) Nhóm các văn bản về an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, trong đó sửa đổi, bổ sung các quy định để điều chỉnh các quy định phù hợp với quy định mới tại Luật Các tổ chức tín dụng 2024, phù hợp và tiệm cận với thông lệ, chuẩn mực quốc tế và thực tiễn phát sinh trong hoạt động ngân hàng, tăng cường năng lực quản lý rủi ro, đảm bảo an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng

⁸¹ Quyết định số 257/QĐ-TTg ngày 29/3/2024 ban hành kế hoạch triển khai thi hành Luật các TCTD số 32/2024/QH15 và Quyết định 299/QĐ-TTg ngày 10/4/2024 ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành Luật các TCTD và Luật Đất đai được QH khóa XV thông qua tại kỳ họp bất thường lần thứ năm Quyết định số 257/QĐ-TTg ngày 29/3/2024 ban hành kế hoạch triển khai thi hành Luật các TCTD số 32/2024/QH15.

(iii) Nhóm các văn bản về hoạt động của tổ chức tín dụng, trong đó sửa đổi, bổ sung các quy định để phù hợp với quy định mới tại Luật Các tổ chức tín dụng, sửa đổi, bổ sung cơ sở pháp lý để đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ trong lĩnh vực ngân hàng và phát triển những sản phẩm, dịch vụ ngân hàng hiện đại...

(iv) Nhóm các văn bản về cơ cấu lại, xử lý nợ xấu của tổ chức tín dụng, trong đó sửa đổi, bổ sung các quy định để điều chỉnh các quy định để phù hợp với quy định mới tại Luật Các tổ chức tín dụng đảm bảo cơ chế đồng bộ, minh bạch, rõ ràng sau khi Luật có hiệu lực thi hành để triển khai, thực hiện.

Bên cạnh việc tập trung xây dựng, ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành luật, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục đẩy mạnh hoàn thiện khuôn khổ pháp lý trong các lĩnh vực hoạt động ngân hàng, cụ thể như: Nghị định số 52/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2024 của Chính phủ quy định về thanh toán không dùng tiền mặt, thay thế Nghị định 101/2012/NĐ-CP. Đây là một trong những văn bản pháp luật quan trọng góp phần hiện thực hóa mục tiêu đưa Việt Nam trở thành một xã hội thanh toán không dùng tiền mặt vào năm 2030. Nghị định đưa ra nhiều giải pháp nhằm khuyến khích người dân và doanh nghiệp sử dụng thanh toán không dùng tiền mặt như: Giảm chi phí giao dịch, tăng cường bảo mật, đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt... Từ đó, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước giúp đảm bảo an ninh, an toàn cho hệ thống thanh toán, bảo vệ quyền lợi của người sử dụng dịch vụ thanh toán và góp phần thúc đẩy phát triển thanh toán không dùng tiền mặt một cách bền vững.

b) Về phổ biến, tuyên truyền pháp luật

Ngân hàng Nhà nước đã biên soạn tài liệu giới thiệu Luật Các tổ chức tín dụng 2024; quán triệt, tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên sâu nội dung và tinh thần của Luật Các tổ chức tín dụng 2024 cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý của Ngân hàng Nhà nước; tổ chức đào tạo, hội thảo, tập huấn, tuyên truyền nội dung của Luật Các tổ chức tín dụng 2024 cho các tổ chức tín dụng là đối tượng chịu tác động trực tiếp của Luật; Phối hợp với các cơ quan thông tấn, báo chí để truyền thông các chính sách và những thay đổi lớn của Luật Các tổ chức tín dụng 2024 bằng nhiều hình thức khác nhau như tin bài viết, tổ chức tọa đàm, phóng sự...

2. Một số khó khăn, vướng mắc

Mặc dù đã có rất nhiều nỗ lực từ phía Ngân hàng Nhà nước cũng như các cơ quan, tổ chức có liên quan, tuy nhiên trong quá trình triển khai lĩnh vực cải cách thể chế, hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về hoạt động ngân hàng vẫn còn một số khó khăn, cụ thể:

Thứ nhất, để xây dựng các chính sách pháp luật có liên quan đến chức năng quản lý của nhiều bộ, ngành thì cần có sự phối hợp tích cực của các cơ quan có liên quan. Tuy nhiên, vẫn còn hiện tượng chậm trễ trong công tác phối hợp, chất lượng văn bản phối hợp chưa cao làm ảnh hưởng tới tiến độ xây dựng văn bản của các cơ quan chủ trì.

Thứ hai, theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và kết quả rà soát của Ngân hàng Nhà nước, để hướng dẫn thi hành Luật các tổ chức tín dụng năm 2024, Ngân hàng Nhà nước phải xây dựng, trình Chính phủ ban hành **06** Nghị định, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành **01** Quyết định và một số lượng lớn thông tư để có hiệu lực cùng thời điểm có hiệu lực của Luật Các tổ chức tín dụng (01/7/2024). Do số lượng văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật lớn, phải thực hiện trong một thời gian ngắn và nguồn lực có hạn nên nếu thực hiện theo thủ tục thông thường và không được áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn thì một số VBQPPL sẽ khó đáp ứng được yêu cầu về thời điểm có hiệu lực của văn bản.

Thứ ba, do khối lượng lớn VBQPPL lớn được xây dựng trong khoảng thời gian tương đối gấp rút, dẫn đến tạo áp dụng trong công tác tuyên truyền chính sách và lấy ý kiến đối tượng tác động, cơ quan, tổ chức liên quan, đảm bảo vừa tạo điều kiện để các cơ quan, tổ chức, người dân nắm bắt được thông tin và tham gia ý kiến nhưng đồng thời đảm bảo được tiến độ xây dựng VBQPPL.

3. Phương hướng nhiệm vụ trong thời gian tới

Ngân hàng Nhà nước tiếp tục xác định cải cách thể chế là một trong những trụ cột của hoạt động cải cách hành chính, tập trung thực hiện các nhiệm vụ sau:

Thứ nhất, tiếp tục tập trung mọi nguồn lực, khẩn trương cao độ trong công tác xây dựng ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 đảm bảo đúng tiến độ và theo đúng quy định pháp luật.

Thứ hai, tuân thủ chặt chẽ, đúng quy trình xây dựng, ban hành, trình ban hành các VBQPPL đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch trong việc lấy ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, đối tượng chịu sự tác động, chuyên gia, nhà khoa học,... cũng như việc tiếp thu, giải trình đảm bảo quyền và lợi ích của đối tượng chịu tác động của VBQPPL nhưng phải tạo cơ sở pháp lý để tăng cường kỷ cương, kỷ luật thị trường.

Thứ ba, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và số hóa trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật của Ngân hàng Nhà nước, nâng cao chất lượng, hiệu quả thực thi pháp luật.

Trên đây là tham luận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Xin kính chúc các đồng chí lãnh đạo, các quý vị đại biểu lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và đạt được nhiều thành công trong công tác.

Xin trân trọng cảm ơn!

THAM LUẬN**Đánh giá kết quả nổi bật trong công tác cải cách
thủ tục hành chính 6 tháng đầu năm 2024, những tồn tại, hạn chế,
phương hướng trong thời gian tới****Bộ Giao thông vận tải**

Kính thưa đồng chí Phạm Minh Chính, Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ, Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ!

Kính thưa đồng chí Trần Lưu Quang, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ!

Kính thưa các quý vị đại biểu tham dự Hội nghị tại các điểm cầu!

Bộ Giao thông vận tải là cơ quan của Chính phủ, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giao thông vận tải. Là Bộ quản lý đa ngành, tính xã hội hóa cao với số lượng **460** thủ tục hành chính (TTHC) bao trùm cả **05** lĩnh vực Đường bộ, Đường thủy nội địa, Đường sắt, Hàng hải, Hàng không, việc cải cách TTHC trong lĩnh vực giao thông vận tải sẽ có tác động, ảnh hưởng lớn đến hoạt động của người dân, doanh nghiệp. Nhận thức được điều này, trong những năm qua, Bộ Giao thông vận tải luôn nghiêm túc triển khai thực hiện và nỗ lực bám sát mục tiêu đề ra trong các Nghị quyết, Chương trình, văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về công tác cải cách TTHC. Bộ đã triển khai đồng loạt các nhiệm vụ như: “*Cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân; cắt giảm các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh; thực hiện phân cấp TTHC; đơn giản hóa TTHC nội bộ; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC, nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân...*”.

6 tháng đầu năm 2024 được coi là thời điểm đánh dấu nhiều nhiệm vụ đã hoàn thành và tạo ra sự chuyển biến rõ nét đến đời sống, hoạt động của người dân, doanh nghiệp, trong đó, nổi bật là việc hoàn thành cơ bản các nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 về phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 (Đề án 06/CP) và đưa kết quả thực hiện Đề án 06 vào thực tiễn cuộc sống, kết quả cụ thể như sau:

(1) Bộ đã triển khai hiệu quả việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến (DVCTT), trong đó tỷ lệ thực hiện trực tuyến đạt tỷ lệ cao

- Bộ Giao thông vận tải đã xây dựng Cổng Dịch vụ công Bộ Giao thông vận tải, hiện nay Cổng Dịch vụ công đang cung cấp **319** dịch vụ công trực tuyến, trong đó có **170** dịch vụ công toàn trình (tỷ lệ **53,3%**) đã được tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia - vượt chỉ tiêu so với mục tiêu đạt **40%** do Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số giao. Đến nay, các hệ thống công nghệ thông tin

của Bộ Giao thông vận tải (bao gồm các hệ thống triển khai đến các Sở GTVT) đã tiếp nhận và xử lý **488.279** hồ sơ, trong đó có **457.439** hồ sơ trực tuyến (tỷ lệ **93,6%**) - vượt chỉ tiêu so với với mục tiêu **80%** do Thủ tướng Chính phủ giao. Bộ Giao thông vận tải được Thủ tướng Chính phủ đánh giá là một trong 02 bộ xếp **hạng A** về cung cấp Công Dịch vụ công trực tuyến trong khối các bộ, ngành. Bộ Giao thông vận tải đã nâng cấp Hệ thống giải quyết TTHC và kết nối để khai thác Cơ sở dữ liệu (CSDL) quốc gia về dân cư trong thực hiện TTHC đối với **53** thủ tục của Bộ Giao thông vận tải, nhằm cắt giảm hồ sơ phải nộp hoặc xuất trình dựa trên dữ liệu đã có. Theo đó, đối với các TTHC này, người dân chỉ khai, cung cấp **03** thông tin: Họ và tên/ngày sinh/số CCCD, hệ thống sẽ kết nối với CSDL quốc gia về dân cư để điền các thông tin khác của công dân như: Giới tính/quốc tịch/địa chỉ... Đã hoàn thành kết nối Công dịch vụ công và Hệ thống tài khoản định danh điện tử cấp bởi Bộ Công an, giúp người dân đăng nhập Công dịch vụ công của Bộ một cách thuận tiện khi thực hiện các TTHC.

- Hoàn thành kết nối CSDL giấy phép lái xe và CSDL quốc gia về dân cư. Đây là một trong **25** dịch vụ công thiết yếu, ưu tiên kết nối CSDL quốc gia về dân cư. Đến nay, đã hoàn thành đối soát để làm sạch dữ liệu giấy phép lái xe, kết quả đã có **33,5/34,7 triệu** giấy phép lái xe (tỷ lệ **96,5%**) có kết quả trùng khớp với dữ liệu dân cư và **10,2/34,7 triệu** giấy phép lái xe (tỷ lệ **29,4%**) hiển thị trên ứng dụng VneID.

(2) Bộ Giao thông vận tải đã hoàn thành việc sửa **106/106** TTHC để thực thi phương án đơn giản hóa theo Nghị quyết của Chính phủ về đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư; hoàn thành xây dựng Kho dữ liệu lưu trữ kết quả TTHC của Bộ Giao thông vận tải, đã thực hiện số hóa được **80%** kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực đáp ứng yêu cầu Chính phủ giao tại Nghị quyết số 76/NQ-CP; đã hoàn thành hợp nhất Công dịch vụ công và Hệ thống một cửa điện tử thành Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Bộ Giao thông vận tải theo đúng yêu cầu kỹ thuật và tiến độ của Chính phủ tại Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021. Hoàn thành xây dựng Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Bộ Giao thông vận tải và kết nối với Công dịch vụ công quốc gia.

(3) Bộ Giao thông vận tải đã triển khai mô hình giải pháp ứng dụng dữ liệu dân cư, căn cước công dân, định danh điện tử phục vụ chuyên đối số (triển khai sử dụng tài khoản định danh điện tử mức độ (2 VNeID); ứng dụng sinh trắc học cho công dân khi làm thủ tục đi tàu bay, đảm bảo toàn trình, tự động tránh ùn tắc).

- Bộ Giao thông vận tải đã chỉ đạo các Cục quản lý chuyên ngành xây dựng phương án triển khai sử dụng tài khoản định danh điện tử mức độ 2 trong giải quyết TTHC, dịch vụ công trên môi trường điện tử và các hoạt động quản lý nhà nước thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, Cục Hàng không Việt Nam đã triển khai việc sử dụng tài khoản định danh điện tử mức độ 2 cho khách đi tàu bay tại tất các các cảng hàng không trên cả nước (đối với các chuyến bay nội địa).

- Bộ Giao thông vận tải đã chỉ đạo các đơn vị triển khai thí điểm xác thực sinh trắc học đối với hành khách đi tàu bay (đối với chuyến bay nội địa) tại các

Cảng Hàng không Cát Bi, Nội Bài, Phú Bài qua **04** giai đoạn, lộ trình từng giai đoạn phù hợp với điều kiện thực tế. Đến nay, Bộ Giao thông vận tải đã có văn bản chỉ đạo Cục Hàng không Việt Nam triển khai chính thức xác thực sinh trắc học đối với hành khách khi làm thủ tục đi tàu bay.

(4) Thực hiện kết nối, tích hợp, chia sẻ CSDL quốc gia, CSDL ngành giao thông vận tải, Cổng dịch vụ công, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Bộ Giao thông vận tải với CSDL quốc gia về dân cư, hệ thống định danh và xác thực điện tử.

- Bộ Giao thông vận tải và các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ đã phối hợp với các đơn vị nghiệp vụ của Bộ Công an (C06, A05, A06), Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Tin học hoá) hoàn thành thống nhất bộ chỉ tiêu thông tin kết nối các CSDL chuyên ngành của Bộ với CSDL quốc gia về dân cư. Theo đó, Bộ Giao thông vận tải thực hiện chia sẻ hai bộ CSDL chuyên ngành với CSDL quốc gia về dân cư, gồm: CSDL giấy phép lái xe và CSDL đăng kiểm phương tiện. Đã xây dựng Kho dữ liệu dùng chung của Bộ Giao thông vận tải phục vụ kết nối với CSDL quốc gia về dân cư. Tính đến nay, đã có **45,63 triệu** dữ liệu của Bộ Giao thông vận tải được kết nối với CSDL quốc gia về dân cư thông qua Nền tảng, chia sẻ kết nối này.

(5) Vận hành thông suốt, đảm bảo an ninh, an toàn các hệ thống, phục vụ kết nối CSDL quốc gia về dân cư, đảm bảo hạ tầng, đường truyền thông suốt phục vụ triển khai Đề án 06.

- Bộ Giao thông vận tải đã phối hợp với Bộ Công an hoàn thành đánh giá an toàn, an ninh thông tin và kết nối Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử Bộ Giao thông vận tải với CSDL quốc gia về dân cư theo đúng hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ. Trên cơ sở cấp tài khoản khai thác dữ liệu từ Bộ Công an, Bộ Giao thông vận tải đã triển khai sử dụng CSDL quốc gia về dân cư trong giải quyết các TTHC.

Để tiếp tục duy trì và phát huy những kết quả đã đạt được, trong thời gian tới, Bộ Giao thông vận tải tiếp tục tổ chức thực hiện nghiêm các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong công tác cải cách TTHC. Bên cạnh việc rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, Bộ Giao thông vận tải sẽ tiếp tục hoàn thiện CSDL chuyên ngành, mở rộng chia sẻ, kết nối dữ liệu giữa các cơ quan, đơn vị. CSDL được hoàn thiện đến đâu thì TTHC sẽ được rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa đến đâu, đồng thời công tác xây dựng, sửa đổi, bổ sung VBQPPL cũng luôn song hành, đảm bảo cơ sở pháp lý nhằm kịp thời phát huy tác dụng, hiệu quả của công tác cải cách TTHC trong thực tiễn, phục vụ tốt hơn nhu cầu của người dân, doanh nghiệp và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

Trên đây là một số kết quả nổi bật của công tác cải cách TTHC trong 6 tháng đầu năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải.

Xin kính chúc các đồng chí lãnh đạo, các quý vị đại biểu lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và đạt được nhiều thành công trong công tác.

Xin trân trọng cảm ơn!

THAM LUẬN**Giải pháp thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công 06 tháng cuối năm 2024****Bộ Tài chính**

Kính thưa đồng chí Phạm Minh Chính, Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ, Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ!

Kính thưa đồng chí Trần Lưu Quang, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ!

Kính thưa các quý vị đại biểu tham dự Hội nghị tại các điểm cầu!

I. TÌNH HÌNH PHÂN BỐ, GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG**1. Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách Nhà nước (NSNN) năm 2024**

Kế hoạch năm 2024 được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan Trung ương và địa phương là **663.806,9 tỷ đồng** bao gồm: Vốn ngân sách Trung ương là **231.458 tỷ đồng** (bao gồm: Vốn trong nước là **211.458 tỷ đồng**, vốn nước ngoài là **20.000 tỷ đồng**) và vốn ngân sách địa phương là **432.348,9 tỷ đồng**.

2. Tình hình triển khai phân bổ chi tiết kế hoạch vốn của các bộ, cơ quan Trung ương và địa phương**2.1. Kế hoạch vốn đã triển khai phân bổ**

Tổng số vốn đã phân bổ là **688.921,7 tỷ đồng**, đạt **103,78%** kế hoạch vốn Thủ tướng Chính phủ đã giao (**663.806,9 tỷ đồng**). Bao gồm: Ngân sách Trung ương là **224.049,70 tỷ đồng** (vốn trong nước là **206.107,12 tỷ đồng**, vốn nước ngoài là **17.942,58 tỷ đồng**), ngân sách địa phương là **464.872 tỷ đồng**.

Trong đó, các địa phương giao tăng so với số kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao là **42.729 tỷ đồng** (Nếu không tính số kế hoạch vốn cân đối ngân sách địa phương các địa phương giao tăng thì tổng số vốn đã phân bổ là **646.192,7 tỷ đồng**, đạt **97,35%** kế hoạch Thủ tướng Chính phủ đã giao).

2.2. Kế hoạch vốn chưa được triển khai phân bổ

Theo báo cáo của Bộ Tài chính, tính đến hết tháng 5, có **21/44** bộ, cơ quan Trung ương và **26/63** địa phương chưa phân bổ hoặc phân bổ chưa hết kế hoạch vốn đã được Thủ tướng Chính phủ giao. Tổng số vốn chưa phân bổ chi tiết là **17.614,2 tỷ đồng**, chiếm **2,65%** kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao, trong đó: vốn ngân sách Trung ương là **7.408,3 tỷ đồng**, vốn cân đối ngân sách địa phương là **10.205,9 tỷ đồng**.

Vốn trong nước chưa phân bổ: **4.575,8 tỷ đồng** do chưa hoàn thiện thủ tục đầu tư, dự kiến bố trí cho các dự án, nhiệm vụ đang tổng hợp để trình cấp có thẩm

quyền điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn, đang trình Thủ tướng Chính phủ cho phép kéo dài thời gian bố trí vốn để thực hiện và hoàn thành,...

Vốn nước ngoài chưa phân bổ chi tiết là **1.774,4 tỷ đồng** do đang điều chỉnh chủ trương đầu tư, đang đàm phán, ký kết Hiệp định sử dụng đang trình Thủ tướng Chính phủ bổ sung kế hoạch trung hạn để giao kế hoạch năm 2024. Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia chưa phân bổ là **1.058,1 tỷ đồng** do các dự án đang thực hiện lập, phê duyệt dự án nên chưa đủ điều kiện để phân bổ vốn. Vốn cân đối ngân sách địa phương chưa phân bổ là **10.205,86 tỷ đồng** của **16/63** địa phương do địa phương để lại phân bổ sau, chưa phân bổ hết vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất, xổ số, bội chi ngân sách địa phương.

II. TÌNH HÌNH GIẢI NGÂN VỐN KẾ HOẠCH

1. Lũy kế thanh toán từ đầu năm đến hết ngày 31/5/2024

Thanh toán từ đầu năm đến ngày 31/5/2024 là **148.284,8 tỷ đồng**, đạt **21%** và đạt **22,34%** kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao (cùng kỳ năm 2023 đạt **20,8%** tổng kế hoạch và đạt **22,22%** kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao).

Có **11/44** bộ, cơ quan trung ương và **31/63** địa phương có tỷ lệ ước giải ngân đạt trên mức bình quân chung của cả nước. Một số bộ, cơ quan Trung ương và địa phương có tỷ lệ giải ngân tốt gồm: Đài Truyền hình Việt Nam (**100%**), Bộ Xây dựng (**41,44%**), Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (**41,53%**), Ngân hàng Chính sách xã hội (**37,78%**), Tiền Giang (**47,8%**), Phú Thọ (**41,95%**), Tuyên Quang (**39,34%**), Hòa Bình (**35,6%**).

Có **30** bộ, cơ quan Trung ương có tỷ lệ ước giải ngân dưới **10%** (trong đó **04** bộ, cơ quan Trung ương chưa giải ngân); có **27** địa phương tỷ lệ giải ngân dưới **20%**.

III. CÁC GIẢI PHÁP BỘ TÀI CHÍNH ĐÃ THỰC HIỆN ĐỂ ĐẨY NHANH TIẾN ĐỘ GIẢI NGÂN

Xác định vốn đầu tư công là động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam. Trong thời gian qua, nhiều cơ chế, chính sách đã được sửa đổi, bổ sung, ban hành mới để phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội, trong đầu tư công có các cơ chế chính sách liên quan như Luật Đất đai năm 2024, Nghị định của Chính phủ quy định lãi vay, lợi nhuận hợp lý, phương thức thanh toán, quyết toán dự án đầu tư theo hợp đồng BT trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; miễn thuế thu nhập doanh nghiệp, miễn thuế thu nhập cá nhân trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số chính sách đặc thù về đầu tư công trình đường bộ.

Ngoài ra, về chỉ đạo điều hành, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ có nhiều Nghị quyết, Chỉ thị, Công điện thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công; về phía Bộ Tài chính đã thực hiện nhiều giải pháp như:

(1) Ngay từ đầu năm, Bộ Tài chính đã có công văn đôn đốc phân bổ và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công nguồn NSNN năm 2024 gửi các bộ, cơ quan Trung ương và địa phương trong đó đề nghị thực hiện nhiều giải pháp để thúc đẩy giải

ngân vốn đầu tư công⁸². Căn cứ báo cáo phân bổ chi tiết của các bộ, cơ quan Trung ương và địa phương, Bộ Tài chính đã khẩn trương rà soát, có ý kiến đối với việc phân bổ không đủ điều kiện duyệt dự toán giải ngân gửi từng bộ, cơ quan Trung ương và địa phương để điều chỉnh, hoàn thiện lại.

(2) Bộ Tài chính đã có nhiều văn bản gửi tới các bộ, cơ quan Trung ương và địa phương cũng như báo cáo Thủ tướng Chính phủ công khai tình hình giải ngân của các dự án không giải ngân được của các địa phương; hàng Quý công khai tình hình giải ngân của các bộ, cơ quan Trung ương và địa phương; công khai tiến độ giải ngân chi tiết trên 80 dự án, tiểu dự án trọng điểm giao thông kèm theo các giải pháp đôn đốc.

(3) Về công tác kiểm tra, thực hiện Quyết định số 235/QĐ-TTg ngày 14/4/2023 và 435/QĐ-TTg ngày 24/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ; Bộ Tài chính làm trưởng Đoàn kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công và đôn đốc tình hình sản xuất kinh doanh, đầu tư công, xây dựng hạ tầng và xuất nhập khẩu tại một số địa phương. Trong quá trình kiểm tra, Bộ Tài chính đã chủ động xử lý một số khó khăn, vướng mắc của các địa phương trong phạm vi thẩm quyền quản lý và đề nghị các địa phương triển khai ngay một số nội dung, chủ động xử lý vướng mắc để thúc đẩy tiến độ các dự án hoặc báo cáo cấp thẩm quyền để xem xét, giải quyết. Đối với các nội dung vướng mắc thuộc trách nhiệm của các bộ, ngành liên quan, Bộ Tài chính đã có văn bản đôn đốc các bộ, ngành để xử lý dứt điểm.

(4) Về cơ chế chính sách, Bộ Tài chính đã tích cực tham gia đánh giá vướng mắc trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về đầu tư công, đất đai, về tăng cường phân cấp gửi Bộ Tư pháp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài nguyên và Môi trường.

(5) Về hồ sơ thủ tục kiểm soát thanh toán vốn đầu tư công, trước đây, việc quản lý, thanh toán, quyết toán dự án được quy định tại nhiều Thông tư khác nhau của Bộ Tài chính⁸³. Tuy nhiên, năm 2021, Nghị định số 99/2021/NĐ-CP của Chính phủ được ban hành đã thống nhất về cơ chế, các hồ sơ thực hiện quy định trong công tác kiểm soát, thanh toán vốn đầu tư công tuân thủ đúng quy định của pháp luật và có tính hiệu lực pháp lý cao, tạo sự đồng thuận, thống nhất trong quá trình phối hợp giữa các bộ, cơ quan Trung ương, địa phương, các Chủ đầu tư/Ban quản lý dự án và Kho bạc Nhà nước trong việc thực hiện kiểm soát thanh toán của các nhiệm vụ, chương trình dự án được giao vốn đầu tư công.

Có thể nói, kể từ khi Nghị định số 99/2021/NĐ-CP được ban hành và có hiệu lực đã giúp cho các chủ đầu tư/ban quản lý dự án thực hiện đối chiếu, thanh toán chuyển nguồn và quyết toán được đúng, kịp thời, minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi để các cơ quan quản lý nắm bắt được tình hình thực hiện nguồn vốn đầu tư công được giao quản lý trong năm kế hoạch, đánh giá những mặt đạt được, chưa đạt được, là cơ sở để lập kế hoạch thực hiện cho những năm sau, Kho bạc

⁸² Công văn số 405/BTC-ĐT ngày 11/01/2024, Công văn số 2103/BTC-QLN ngày 29/02/2024.

⁸³ Thông tư số 08/2016/TT-BTC; Thông tư số 108/2016/TT-BTC; Thông tư số 52/2016/TT-BTC.

Nhà nước thuận lợi hơn trong việc thực hiện kiểm soát thanh toán các khoản giải ngân vốn đầu tư công.

(6) Về thời gian kiểm soát thanh toán, Kho bạc Nhà nước đã duy trì cung cấp **100%** thủ tục hành chính (TTHC) được thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) toàn trình và tích hợp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; **100%** đơn vị sử dụng ngân sách (ĐVSDNS) tham gia DVCTT với tỷ lệ lượng giao dịch chi NSNN thực hiện qua DVCTT tiếp tục duy trì trên **99%** so với lượng chứng từ chi NSNN (không bao gồm khối an ninh, quốc phòng). Trung bình mỗi ngày phát sinh khoảng **50.000** giao dịch, ngày cao điểm **200.000** giao dịch qua DVCTT, một số ngày cuối tháng 12 mỗi ngày phát sinh khoảng **400.000 ÷ 450.000** giao dịch qua DVCTT. DVCTT cũng góp phần hiện đại hóa công tác kiểm soát chi theo hướng hồ sơ, chứng từ của đơn vị thực hiện kiểm soát chi qua Kho bạc Nhà nước sẽ được gửi lên dịch vụ công, từ đó giao diện vào Hệ thống TABMIS bảo đảm minh bạch về hồ sơ, chứng từ, nội dung kiểm soát. Qua đó, giảm thời gian kiểm soát chi vốn đầu tư công tại Kho bạc Nhà nước từ **07** ngày làm việc xuống còn **03** ngày làm việc, đặc biệt khi thực hiện phương thức “thanh toán trước, kiểm soát sau” chỉ còn **01** ngày làm việc.

IV. KIẾN NGHỊ CỦA BỘ TÀI CHÍNH THỨC ĐẨY GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG 6 THÁNG CUỐI NĂM 2024

- Về cơ chế chính sách: Trong thời gian tới, đề nghị sửa đổi các quy định của Luật Đầu tư công theo hướng việc xây dựng kế hoạch đầu tư công cho cả thời hạn **05** năm và chi tiết cho từng dự án cho cả giai đoạn là không phù hợp với thực tế và khả năng cân đối nguồn vốn, không phù hợp với Luật Ngân sách nhà nước; cần rà soát sửa đổi Luật Đầu tư công để thống nhất với quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Việc tham gia của Bộ Tài chính trong các khâu lập, phân bổ kế hoạch cần phải thực chất. Theo quy định của Luật Đầu tư công, việc tham gia ý kiến của Bộ Tài chính không còn giá trị vì danh mục dự án, mức vốn, nguyên tắc, thứ tự ưu tiên bố trí vốn các dự án đều đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, thống nhất với các bộ, địa phương. Luật Đầu tư công sửa đổi cần tiếp tục tăng cường phân cấp theo chủ trương của Quốc hội, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

- Liên quan đến công tác phân bổ vốn năm 2024: Tại Luật Đầu tư công, Quyết định số 1603/QĐ-TTg về việc giao kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách Nhà nước năm 2024 quy định trước ngày 31/12 hằng năm, các bộ, cơ quan Trung ương và địa phương phải phân bổ chi tiết mức vốn kế hoạch đầu tư vốn ngân sách Trung ương năm sau, danh mục, mức vốn bố trí cho từng dự án cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc và Ủy ban nhân dân cấp dưới. Tuy nhiên vẫn còn một số bộ, cơ quan Trung ương và địa phương tiếp tục phân bổ kế hoạch năm 2024 **không đúng** thời gian quy định nêu trên.

Bộ Tài chính đã có văn bản gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị hướng dẫn các bộ, cơ quan Trung ương và địa phương; tuy nhiên đến nay Bộ Kế hoạch và

Đầu tư **chưa có ý kiến**. Vì vậy, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư khẩn trương có ý kiến về nội dung này.

- Đề nghị các bộ, cơ quan Trung ương, địa phương tiếp tục triển khai nghiêm túc, quyết liệt các giải pháp thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công được Chính phủ quy định tại Nghị quyết về các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2024; Công điện của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy nhanh tiến độ phân bổ và giải ngân vốn đầu tư công năm 2024.

- Tại khoản 3 Điều 96 Nghị định 24/2024/NĐ-CP đã quy định về việc kết nối, chia sẻ dữ liệu về hợp đồng điện tử và bảng xác định giá trị khối lượng hoàn thành giữa Bộ Kế hoạch và Đầu tư với Hệ thống quản lý thông tin ngân sách và kho bạc để từ đó có đủ cơ sở pháp lý cho các bộ ngành liên quan có thể khai thác và sử dụng thông tin trên cơ sở **01** dữ liệu dùng chung duy nhất về các nhà thầu. Tuy nhiên, mặc dù Nghị định 24/2024/NĐ-CP đã có hiệu lực tạo hành lang pháp lý nhưng thực tế vẫn chưa có sự liên thông triển khai giữa các bộ, ngành. Do đó, cần có sự phối hợp giữa Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính (trong đó có Kho bạc Nhà nước) và các bộ, ngành có liên quan để phối hợp triển khai, nâng cấp cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, tạo thuận lợi cho các Chủ đầu tư/Nhà thầu.

Trên đây là tham luận của Bộ Tài chính

Xin kính chúc các đồng chí lãnh đạo, các quý vị đại biểu lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và đạt được nhiều thành công trong công tác.

Xin trân trọng cảm ơn!

THAM LUẬN

Giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến tại địa phương

UBND tỉnh Thái Nguyên

Kính thưa đồng chí Phạm Minh Chính, Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ, Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ!

Kính thưa đồng chí Trần Lưu Quang, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ!

Kính thưa các quý vị đại biểu tham dự Hội nghị tại các điểm cầu!

Thời gian qua, công tác cải cách hành chính (CCHC) của tỉnh Thái Nguyên luôn được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và đạt được những kết quả quan trọng, gắn với phát triển kinh tế - xã hội, đẩy mạnh thu hút đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh, được bộ, ngành Trung ương đánh giá cao. Xác định lấy người dân, doanh nghiệp là trung tâm phục vụ, lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp là thước đo hiệu quả phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước; UBND tỉnh Thái Nguyên đã quyết liệt triển khai đồng bộ, hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm nhiều giải pháp để nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) trên địa bàn, trong đó nâng cao chất lượng, hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) là nhiệm vụ trọng tâm gắn với triển khai chương trình chuyển đổi số của tỉnh.

Với mục tiêu đổi mới căn bản, toàn diện công tác quản lý, điều hành của nhà nước, tiến tới xây dựng chính quyền số; phát triển kinh tế số, xã hội số và thúc đẩy các hoạt động sản xuất, kinh doanh theo hướng ứng dụng công nghệ số...; phấn đấu đưa Thái Nguyên trở thành trung tâm chuyển đổi số của khu vực Trung du miền núi phía Bắc, ngày 31/12/2020, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 01-NQ/TU về Chương trình chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; để triển khai thực hiện, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030, Chương trình CCHC tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025; Kế hoạch chuyển đổi số, Kế hoạch CCHC hằng năm.

UBND tỉnh Thái Nguyên đã trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 quy định giảm **50%** mức thu đối với **06** loại lệ phí thuộc thẩm quyền HĐND tỉnh khi người dân, doanh nghiệp thực hiện DVCTT và Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 quy định mức thu phí đối với hoạt động cung cấp DVCTT toàn trình trên địa bàn tỉnh, trong đó: **07** loại phí được giảm **20%**, **01** loại phí giảm **10%** so với mức thu quy định tại

các Nghị quyết trước để khuyến khích, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp thực hiện DVCTT.

UBND tỉnh Thái Nguyên chỉ đạo các cơ quan, địa phương quan tâm đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin, công nghệ số (nâng cao tốc độ đường truyền, xây dựng hoàn thiện hệ thống Cơ sở dữ liệu (CSDL) quốc gia, tái cấu trúc lại hạ tầng công nghệ thông tin, hỗ trợ các phương tiện cho người dân sử dụng DVCTT, đặc biệt là ở các khu vực vùng sâu, vùng xa; ứng dụng mạnh mẽ các công nghệ số mới để sử dụng DVCTT trên các thiết bị di động thông minh...). Bố trí kinh phí thực hiện nâng cấp, mua sắm thiết bị công nghệ thông tin, an toàn thông tin để đáp ứng yêu cầu phục vụ giải quyết TTHC; đảm bảo an toàn thông tin khi kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Hệ thống tin giải quyết TTHC của tỉnh với CSDL quốc gia về dân cư đảm bảo đáp ứng yêu cầu; duy trì, xây dựng các hệ thống thông tin, CSDL quốc gia, CSDL dùng chung của tỉnh, công tác đảm bảo an toàn thông tin, bảo mật dữ liệu cũng như công tác chuyển đổi số của tỉnh nói chung.

Thực hiện hợp nhất Cổng dịch vụ công trực tuyến với Hệ thống thông tin một cửa điện tử thành hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh (hoàn thành từ Quý I năm 2023); 100% TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh, Cổng dịch vụ công quốc gia để công khai, minh bạch các TTHC theo quy định, tạo thuận lợi, giảm chi phí cho người dân, doanh nghiệp. UBND tỉnh Thái Nguyên đã ban hành Kế hoạch⁸⁴ nâng cao chất lượng hiệu quả cung cấp DVCTT trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, với mục tiêu tập trung chỉ đạo nâng cao chất lượng cung cấp DVCTT bảo đảm thực chất, hiệu quả, đồng thời nâng cao trách nhiệm, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, giao chỉ tiêu cụ thể từ cấp tỉnh đến cấp huyện, cấp xã thực hiện.

Nhằm đẩy mạnh việc giải quyết TTHC trên môi trường điện tử, tỉnh Thái Nguyên đã triển khai thực hiện rà soát, đánh giá TTHC để cung cấp DVCTT; ban hành Quyết định⁸⁵ phê duyệt danh mục DVCTT trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên với **932** DVCTT toàn trình, **718** DVCTT một phần; đồng thời chỉ đạo các sở, ngành rà soát, cung cấp biểu mẫu điện tử tương tác (e-form) trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh giúp người dân khi thực hiện TTHC không phải khai báo lại các thông tin đã có nhằm phục vụ cắt giảm **20%** thông tin phải khai báo trên cơ sở tái sử dụng dữ liệu đã được số hóa và tái sử dụng thông tin dữ liệu từ CSDL quốc gia về dân cư và các CSDL chuyên ngành khác, bảo đảm thực hiện triển khai đồng bộ các giải pháp, nâng cao chất lượng hiệu quả cung cấp DVCTT của tỉnh.

Công tác thông tin, truyền thông về cung cấp dịch, sử dụng DVCTT được đẩy mạnh, nâng cao nhận thức và thay đổi thói quen cho người dân trong việc tham gia giải quyết các TTHC thông qua sử dụng DVCTT, hiểu và nắm rõ vai trò cũng như các tiện ích của DVCTT mang lại; sử dụng hiệu quả các kênh hỗ trợ

⁸⁴ Kế hoạch số 114/KH-UBND ngày 8/6/2023 của UBND tỉnh Thái Nguyên.

⁸⁵ Quyết định số 2216/QĐ-UBND ngày 18/9/2023 của UBND tỉnh Thái Nguyên.

giải quyết các vướng mắc cho người dân về các DVCTT, đồng thời, Báo Thái Nguyên, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Trung tâm Thông tin tỉnh Thái Nguyên mở chuyên mục chuyển đổi số và thường xuyên cập, đăng tải, tuyên truyền các hoạt động về chuyển đổi số, thực hiện giải quyết TTHC trên môi trường số. Ngoài việc niêm yết tại nơi giải quyết TTHC, thông tin trên Cổng/Trang thông tin điện tử, phương tiện thông tin đại chúng, các đơn vị, địa phương mở rộng các kênh thông tin tuyên truyền, cung cấp khả năng liên kết truy cập thông tin về TTHC, truy cập trực tiếp đến Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Thái Nguyên và Cổng dịch vụ công quốc gia từ qua các ứng dụng mạng xã hội, qua các ứng dụng số của tỉnh như C-Thainguyen, Thainguyen-ID... Cùng với đó, các đơn vị, địa phương đã thành lập được **2.255** tổ công nghệ số cộng đồng tại từng xóm, tổ dân phố để trực tiếp hướng dẫn người dân cài đặt, ứng dụng số cơ bản, thực hiện DVCTT... qua đó, người dân, doanh nghiệp có thể dễ dàng truy cập, tìm hiểu thông tin và trực tiếp thực hiện TTHC trực tuyến trên các phương tiện kỹ thuật số ở mọi lúc, mọi nơi.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực phục vụ chuyển đổi số được các đơn vị, địa phương quan tâm, triển khai thực hiện, thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức đảm bảo đủ năng lực, trình độ để thực hiện các quy trình, nghiệp vụ tư vấn, hướng dẫn, hỗ trợ và giải quyết các vấn đề có liên quan trong việc giúp đỡ người dân làm quen và sử dụng DVCTT, trong đó, đặc biệt chú trọng tập trung phát triển nguồn lực đáp ứng tiến trình chuyển đổi số quốc gia theo Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/10/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”. Tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ về tiếp nhận và giải quyết TTHC, hướng dẫn người dân thực hiện DVCTT, nâng cao trình độ cho cán bộ, công chức, viên chức xử lý hồ sơ, công việc trên môi trường mạng.

Quyết liệt triển khai Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử, Chủ tịch UBND tỉnh đã giao Giám đốc Sở Nội vụ phối hợp với các cơ quan liên quan hàng tháng thống kê, báo cáo số liệu Bộ chỉ số (nêu trên) của tỉnh Thái Nguyên trên Cổng dịch vụ công quốc gia, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh. Chỉ đạo Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện đồng bộ 100% hồ sơ TTHC giữa Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh với Cổng dịch vụ công quốc gia; kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa CSDL chuyên ngành của các bộ, ngành với hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp tỉnh đảm bảo đồng bộ, thống nhất từ Trung ương đến địa phương, đồng thời, chỉ đạo các đơn vị, địa phương thực hiện việc rà soát, phối hợp với các đơn vị liên quan có biện pháp tăng tỷ lệ cung cấp DVCTT và yêu cầu kiểm điểm cán bộ, công chức để tình trạng hồ sơ quá hạn trên môi trường điện tử. Đến thời điểm 07/6/2024, tỉnh Thái Nguyên đạt **83,08/100** điểm, xếp thứ **4/63** tỉnh, thành phố, trong đó: **100%** TTHC đủ điều kiện trực tuyến toàn trình đã được tích hợp đồng bộ lên Hệ thống thông tin giải

quyết TTHC của tỉnh và Công dịch vụ công quốc gia. Tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả điện tử đạt **79,83%**; tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hoá hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC đạt **77,63%**; tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hoá **77,96%**; tỷ lệ hồ sơ trực tuyến giải quyết đúng hạn đạt **96,61%**, tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến đạt **73,1%**, tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến đạt **77,77%**...

Tập trung đẩy mạnh rà soát, kiến nghị đơn giản hóa TTHC nhằm giảm chi phí, tạo thuận lợi tối đa cho người dân, doanh nghiệp, nhất là khi thực hiện các DVCT. Đẩy mạnh đổi mới mạnh mẽ thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC gắn với ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số để công khai, minh bạch quy trình, kết quả giải quyết TTHC trên môi trường điện tử, không phụ thuộc địa giới hành chính; tiếp tục triển khai thực hiện cơ chế giao doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích đảm nhận một số công việc trong quá trình hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC nhằm nâng cao mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp. Kịp thời cập nhật, công bố danh mục TTHC đảm bảo theo đúng quy định và cập nhật, tích hợp, công khai trên Cổng dịch vụ công quốc gia, đồng thời tổ chức niêm yết đầy đủ tại Bộ phận Một cửa các cấp, công khai trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Trang thông tin điện tử của đơn vị, tạo điều kiện thuận lợi để người dân, doanh nghiệp tiếp cận, tra cứu thông tin về các TTHC.

Tỉnh Thái Nguyên đã thực hiện tích hợp **53** dịch vụ công thiết yếu (**25** dịch vụ công theo Đề án 06/CP và **28** dịch vụ công theo Quyết định số 422/QĐ-TTg ngày 04/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ) trên Cổng dịch vụ công quốc gia, kết nối liên thông đến Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Thái Nguyên, kết nối với CSDL quốc gia về dân cư để chia sẻ, khai thác dữ liệu, phục vụ công tác giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công của tỉnh. Tổ chức thu nhận **1.163.038** hồ sơ cấp CCCD gắn chíp (cả thường trú và tạm trú). Cấp tài khoản định danh điện tử: Đến ngày 15/4/2024, đã thu nhận **822.099** tài khoản định danh điện tử mức 2, đã kích hoạt **786.370** tài khoản, đạt tỷ lệ kích hoạt **96%**. **100%** người dân, doanh nghiệp sử dụng DVCTT được cấp định danh và xác thực điện tử thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin của các cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương.

UBND tỉnh Thái Nguyên đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương nghiêm túc thực hiện Công điện số 968/CD-TTg ngày 16/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục chấn chỉnh, tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong cơ quan hành chính các cấp; tăng cường kiểm tra công vụ, kịp thời chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính trong việc thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ TTHC trực tuyến; xử lý nghiêm những cán bộ, công chức, viên chức giải quyết công việc chậm, muộn, yêu cầu người dân, doanh nghiệp cung cấp thành phần hồ sơ trái quy định, có biểu hiện iêu cực, gây phiền hà, nhũng nhiễu. Tăng cường kiểm tra CCHC, kiểm tra công vụ và thực hiện giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân thông qua môi trường số và Hệ thống thông tin của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

Bên cạnh những kết quả đạt được, cùng với công tác xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số, nâng cao chất lượng, hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực

tuyến phục vụ người dân, doanh nghiệp vẫn còn khó khăn, hạn chế nhất định như: Nguồn lực đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin, chuyển đổi số của địa phương còn hạn chế (hiện nay trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên có **09** xóm, bản chưa có sóng di động 3G/4G, nguyên nhân do địa hình núi cao, hiểm trở khó lắp đặt trạm phát sóng), đường truyền hệ thống ở một số địa phương còn yếu, chưa thực sự đảm bảo cho việc thực hiện hồ sơ trực tuyến; tỷ lệ người dân ở vùng nông thôn thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt thấp, dẫn đến khó khăn trong việc phát triển thanh toán số; người dân tại một số địa phương, nhất là ở khu vực nông thôn, miền núi còn hạn chế về kỹ năng số để tiếp cận, sử dụng các dịch vụ số... Việc chia sẻ, mở dữ liệu của các cơ quan nhà nước, nhất là kết nối, chia sẻ dữ liệu của các bộ, ngành còn khó khăn, vướng mắc...

Một số kiến nghị:

1. Các bộ, ngành Trung ương tiếp tục sửa đổi các văn bản pháp luật có quy định thành phần hồ sơ là căn cước công dân, tạo điều kiện thuận lợi, đơn giản hóa thành phần hồ sơ, giảm giấy tờ phải cung cấp của người dân khi thực hiện TTHC (TTHC cấp đổi Giấy phép lái xe, TTHC cấp Phiếu lý lịch tư pháp...).

2. Các bộ, ngành Trung ương sớm cho phép kết nối, chia sẻ dữ liệu chuyên ngành do bộ, ngành Trung ương triển khai (Hệ thống đăng ký doanh nghiệp, Hệ thống phần mềm trang thiết bị y tế; Hệ thống chi trả bảo hiểm thất nghiệp, Hệ thống cấp đổi giấy phép lái xe...) với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của địa phương.

3. Văn phòng Chính phủ phối hợp với các bộ, ngành liên quan sửa đổi quy trình, thời gian đối với một số TTHC và cấu hình trên Cổng dịch vụ công quốc gia theo quy định pháp luật chuyên ngành đảm bảo thời gian theo quy định (lĩnh vực đất đai chưa được cộng thêm thời gian **10** ngày giải quyết đối với các xã vùng sâu, vùng xa theo quy định)...

Trên đây là tham luận của UBND tỉnh Thái Nguyên.

Xin kính chúc các đồng chí lãnh đạo, các quý vị đại biểu lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và đạt được nhiều thành công trong công tác.

Xin trân trọng cảm ơn!

THAM LUẬN**Những kết quả nổi bật trong công tác cải cách hành chính những tháng đầu năm 2024, nhiệm vụ, giải pháp thời gian tới****UBND tỉnh Khánh Hòa**

Kính thưa đồng chí Phạm Minh Chính, Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ, Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ!

Kính thưa đồng chí Trần Lưu Quang, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ!

Kính thưa các quý vị đại biểu tham dự Hội nghị tại các điểm cầu!

Được sự phân công của Ban Tổ chức Hội nghị, tôi rất vinh dự được thay mặt UBND tỉnh Khánh Hòa báo cáo tham luận “Những kết quả nổi bật trong công tác cải cách hành chính (CCHC) 6 tháng đầu năm 2024 và nhiệm vụ, giải pháp thời gian tới”.

Kính thưa Hội nghị!

Theo số liệu thống kê, trong 06 tháng đầu năm 2024, tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) của tỉnh Khánh Hòa ước tăng **12,73%** so với cùng kỳ năm 2023, cao **thứ 2** cả nước; thu ngân sách nhà nước ước **8.851 tỷ đồng**, đạt **53%** so với dự toán và tăng **16,2%** so với cùng kỳ năm 2023. Và việc triển khai đồng bộ, quyết liệt nhiều nhiệm vụ, giải pháp CCHC ngay từ đầu năm đã đóng góp một phần quan trọng vào kết quả ấn tượng này.

Kính thưa Hội nghị!

Sau đây tôi xin điểm lại kết quả nổi bật trên một số lĩnh vực CCHC trong công tác 6 tháng đầu năm 2024 của tỉnh Khánh Hòa như sau:

- **Trước tiên, về cải cách thể chế:** Công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL), quy hoạch, xúc tiến đầu tư, xúc tiến du lịch, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh Khánh Hòa tiếp tục được triển khai mạnh mẽ, tập trung tháo gỡ vướng mắc về pháp lý cho sản xuất, kinh doanh. Trong 6 tháng đầu năm, tỉnh Khánh Hòa đã ban hành **44** VBQPPL, thể chế kịp thời các chính sách của Trung ương, chủ trương của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh như: Quy định một số nội dung về Quản lý quy hoạch đô thị và nông thôn trên địa bàn tỉnh; sửa đổi, bổ sung quy định một số nội dung về cấp Giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh; sửa đổi, bổ sung Quy định về điều kiện, tiêu chí, quy mô, tỷ lệ tách thành dự án độc lập trên địa bàn tỉnh, Chương trình xúc tiến đầu tư năm 2024, Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP và Nghị quyết số 02/NQ-CP của Chính phủ,... Song song với đó, tỉnh đã phê duyệt nhiều chương trình, đề cương, đề án quan trọng về quy hoạch như: Chương trình phát triển đô

thị tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Đề cương nhiệm vụ tổng thể về xây dựng Khánh Hòa trở thành thành phố trực thuộc Trung ương; Đề án xây dựng thí điểm mô hình đô thị thông minh tại thành phố Nha Trang,... đã tổ chức nhiều Đoàn công tác xúc tiến đầu tư, du lịch ở nước ngoài như: Hoa Kỳ, Trung Quốc, Thái Lan, Lào,...; tổ chức đối thoại với doanh nghiệp, nhà đầu tư; gặp mặt các doanh nghiệp du lịch,...

- **Về cải cách thủ tục hành chính (TTHC):** Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông và cung cấp dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) tiếp tục được triển khai đảm bảo quy định và đạt được nhiều kết quả nổi bật. Đã phê duyệt danh mục **09** TTHC thực hiện thí điểm cung cấp DVCT **không sử dụng hồ sơ giấy; 100%** TTHC đủ điều kiện đều được công bố thực hiện trực tuyến; giao chỉ tiêu hồ sơ trực tuyến cho các cơ quan (cơ quan chuyên môn cấp tỉnh tối thiểu **55%** UBND cấp huyện **50%**; UBND cấp xã **40%**). Bên cạnh đó, HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết quy định mức thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền ban hành của HĐND tỉnh đối với DVCT khi tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ thực hiện TTHC trên môi trường mạng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa đều bằng “**KHÔNG**”. Việc thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp trên đã góp phần nâng cao tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến lên **69,37%** trong tổng số hồ sơ của TTHC được công bố thực hiện trực tuyến (tăng **9,97%** so với cùng kỳ năm 2023); thanh toán trực tuyến đạt **104.731** lượt với số tiền **88.998.558.196 đồng**, tăng **54.312** lượt và **30.684.088.418 đồng** so với cùng kỳ năm 2023. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết sớm và đúng hạn đạt tỷ lệ **99,49%**, tăng **0,02%**. Việc thực hiện số hóa hồ sơ, TTHC đạt được nhiều kết quả quan trọng, tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2023, trong đó tỷ lệ cấp kết quả bản điện tử đạt **80,04%** (tăng **18,92%**), tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết đạt **80,96%** (tăng **25,36%**).

- **Công tác quản lý nhà nước về tài chính công:** Tiếp tục được thực hiện đúng quy định, đạt hiệu quả. Thu ngân sách Nhà nước ước **8.851 tỷ đồng**, đạt **53%** so với dự toán và tăng **16,2%** so với cùng kỳ năm 2023. Đã giải ngân **1.308.693/8.269.130 triệu đồng** vốn đầu tư công, đạt tỷ lệ **15,83%**. **137/617** đơn vị sự nghiệp công lập được giao tự chủ hoàn toàn và tự chủ 1 phần, chiếm tỷ lệ **22,20%**.

- **Về xây dựng xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số:** Hạ tầng công nghệ thông tin dùng chung của tỉnh Khánh Hòa được nâng cấp đáp ứng nhu cầu phục vụ lãnh đạo, chỉ đạo điều hành được an toàn, thông suốt; tỉnh tiếp tục triển khai sử dụng có hiệu quả các hệ thống thông tin, nền tảng số của địa phương như: Ứng dụng Công dân số tỉnh Khánh Hòa; Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành (tỷ lệ văn bản điện tử đạt **90%**); Hệ thống giải quyết TTHC (liên thông **03** cấp hành chính và kết nối, chia sẻ với với các hệ thống tin/cơ sở dữ liệu của Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương); Hệ thống Quản lý cán bộ, công chức; Hệ thống GIS Khánh Hòa; Hệ thống Quản lý việc giải quyết kiến nghị của cử tri; Hệ thống Phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp về kinh tế - xã hội tỉnh Khánh Hòa; Hệ thống Hội nghị giao ban trực tuyến tỉnh vận hành từ cấp tỉnh đến cấp xã;... Hiện tại, **100%** cơ sở y tế khám - chữa bệnh bảo hiểm y tế bằng căn cước công dân gắn chip; **100%** đơn vị giáo dục, cơ sở khám chữa bệnh đã triển khai thanh toán không dùng tiền mặt; **100%** đối tượng bảo trợ

xã hội được cập nhật dữ liệu trên Hệ thống phần mềm đăng ký, giải quyết chính sách; **100%** hộ kinh doanh trên địa bàn triển khai bản đồ số hộ kinh doanh;... Đã triển khai thí điểm hồ sơ sức khỏe điện tử cho **21** cơ sở y tế trên địa bàn huyện Diên Khánh. Khánh Hòa là **1 trong 6** địa phương đầu tiên của cả nước hoàn thành nhiệm vụ số hóa dữ liệu Sổ hộ tịch, triển khai thực hiện khai thác, sử dụng kể từ ngày 01/4/2024.

Kính thưa Hội nghị!

Bên cạnh những kết quả đạt được, trong quá trình triển khai thực hiện công tác CCHC tỉnh Khánh Hòa vẫn còn một số khó khăn, vướng mắc như: Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC ở một số cơ quan tại một số thời điểm còn chưa sâu sát, chưa thường xuyên; chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC) một cơ quan còn hạn chế, chưa đồng đều và chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC của tỉnh **chưa đạt** tỷ lệ **100%** theo yêu cầu; việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương trong thực thi công vụ của một số CBCCVC tại một số cơ quan chưa cao, ảnh hưởng đến chất lượng công tác chuyên môn, chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp; nhân lực chuyên trách chuyển đổi số thiếu về số lượng và còn hạn chế về khả năng tiếp cận các công nghệ mới phục vụ công tác tham mưu và tổ chức triển khai thực hiện.

Kính thưa Hội nghị!

Năm 2024 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, quyết định trong việc thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2020 - 2025; cũng là năm tỉnh Khánh Hòa chọn chủ đề “**Quản trị và Điều hành**”, quyết tâm tạo chuyển biến thực chất trong nhận thức, hành động về một chính quyền phục vụ người dân và doanh nghiệp. Tỉnh Khánh Hòa đã và đang có những bước đi vững chắc để đến năm 2030 trở thành đô thị trực thuộc Trung ương.

Nhằm phát huy những kết quả đã đạt được, đồng thời khắc phục những khó khăn, vướng mắc đã nêu, trong thời gian tới, tỉnh Khánh Hòa tiếp tục tập trung thực hiện các giải pháp sau:

- **Thứ nhất**, tiếp tục đẩy mạnh cải cách thể chế, hoàn thiện hệ thống quy định, chính sách quản lý trên các lĩnh vực, tạo môi trường thật sự thông thoáng, minh bạch cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, hội nhập kinh tế; bảo đảm sự điều chỉnh, quản lý có hiệu quả của Nhà nước.

- **Thứ hai**, chủ động rà soát đơn giản hóa TTHC đúng theo quy định; đề xuất đơn giản hóa TTHC, đặc biệt là đối với lĩnh vực quy hoạch, xây dựng và đầu tư. Giảm bớt các thủ tục phức tạp và không cần thiết, tạo ra một môi trường thuận lợi để doanh nghiệp hoạt động, thúc đẩy sự phát triển kinh tế.

- **Thứ ba**, đẩy mạnh cung cấp DVCTT, thanh toán trực tuyến, giảm thiểu việc tiếp xúc trực tiếp giữa công dân và CBCCVC, đồng thời tăng cường tính minh bạch, cải thiện tốc độ và chất lượng dịch vụ công và tiết kiệm thời gian, chi phí cho người dân và doanh nghiệp.

- **Thứ tư**, thực hiện tốt các quy định công vụ, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức từ cấp tỉnh đến cơ sở; tạo điều kiện để cán bộ, công chức phát huy trình độ, năng lực và sức sáng tạo.

- **Thứ năm**, đẩy mạnh chuyển đổi số, tích cực xây dựng chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số; tăng cường bảo mật, an toàn, an ninh mạng trong việc nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp.

- **Thứ sáu**, tiếp tục xây dựng cơ chế và kênh thông tin để tăng cường sự tương tác và tham gia của người dân, tổ chức, doanh nghiệp trong quá trình đưa ra quyết định, đề xuất ý kiến và đưa ra phản hồi về hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước. Điều này giúp tạo sự đồng thuận và ủng hộ từ phía người dân, doanh nghiệp, đáp ứng đúng nhu cầu và mục tiêu của người dân, doanh nghiệp.

Trên đây là báo cáo tham luận của UBND tỉnh Khánh Hòa.

Kính chúc quý vị đại biểu sức khỏe, hạnh phúc và thành công, chúc Hội nghị thành công tốt đẹp!

Xin trân trọng cảm ơn!

THAM LUẬN

Kết quả cải cách chế độ công vụ, nhiệm vụ, giải pháp trong thời gian tới

UBND tỉnh Quảng Trị

Kính thưa đồng chí Phạm Minh Chính, Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ, Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ!

Kính thưa đồng chí Trần Lưu Quang, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ!

Kính thưa các quý vị đại biểu tham dự Hội nghị tại các điểm cầu!

Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính (CCHC) nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 có mục tiêu chung là “*Tiếp tục xây dựng nền hành chính dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, có năng lực kiến tạo phát triển, liêm chính, phục vụ nhân dân, đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân*”; đồng thời cũng đưa ra mục tiêu cụ thể về cải cách chế độ công vụ là “*Xây dựng nền công vụ chuyên nghiệp, trách nhiệm, năng động và thực tài. Thực hiện cơ chế cạnh tranh lành mạnh, dân chủ, công khai, minh bạch trong bổ nhiệm, đề bạt cán bộ và tuyển dụng công chức, viên chức để thu hút người thực sự có đức, có tài vào làm việc trong các cơ quan hành chính nhà nước (HCNN). Đến năm 2025, xây dựng được đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC) có cơ cấu hợp lý, đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định.*”

Trên tinh thần đó, tỉnh Quảng Trị luôn xác định vai trò, tầm quan trọng của công tác CCHC, nâng cao mức hài lòng của người dân, doanh nghiệp và sự phục vụ của cơ quan HCNN là góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh. Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh và Ban Chỉ đạo CCHC tỉnh đã lãnh đạo, chỉ đạo đồng bộ, kết hợp thông tin tuyên truyền, tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả tất cả các nội dung công tác CCHC, tạo sự thống nhất từ nhận thức đến hành động về ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác CCHC, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm xuyên suốt, thường xuyên, lâu dài cần được thực hiện với tinh thần trách nhiệm cao nhất, với những nỗ lực đó năm 2023 các Chỉ số của tỉnh đã được cải thiện về điểm số và vị trí xếp hạng trong các tỉnh, thành phố như: Chỉ số PAR Index tăng **11** bậc; Chỉ số SIPAS tăng **02** bậc; Chỉ số PAPI tăng **11** bậc so với năm 2022.

Kính thưa Hội nghị!

Trong 6 tháng đầu năm 2024, tỉnh Quảng Trị tiếp tục tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành CCHC, rà soát, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các sở, ngành, địa phương tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ **06** nội dung công tác CHHC,

quyết tâm đạt được các chỉ tiêu mà Nghị quyết số 76/ NQ-CP của Chính phủ về Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 đã đề ra.

Năm 2023, công tác cải cách chế độ công vụ, tỉnh Quảng Trị đã được Hội đồng thẩm định CCHC Trung ương đánh giá đạt loại “Tốt”; nhằm tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được, 6 tháng đầu năm 2024 tỉnh Quảng Trị đã triển khai và đạt được một số kết quả cụ thể như sau:

- **Thứ nhất**, tỉnh đã triển khai việc ký kết trách nhiệm giữa người đứng đầu các sở, ngành và Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố với Chủ tịch UBND tỉnh về cam kết triển khai, thực hiện đầy đủ các chỉ tiêu về CCHC và đánh giá xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ; gắn kết quả thực hiện với công tác thi đua, khen thưởng và đánh giá công tác cán bộ hàng năm.

- **Thứ hai**, về quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ: 6 tháng đầu năm 2024, Ban cán sự Đảng UBND tỉnh đã phê duyệt kết quả rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ giai đoạn 2021 - 2026 đối với **15** chức danh thuộc **04** sở, ban, ngành; quy hoạch giai đoạn 2026 - 2031 đối với **24** chức danh thuộc **05** sở, ban, ngành. Thực hiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thông báo nghỉ hưu, quyết định nghỉ hưu đối với **30** trường hợp diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh quản lý; cho ý kiến về tiếp nhận vào công chức để bổ nhiệm giữ chức danh lãnh đạo, quản lý đối với **05** trường hợp.

Ban cán sự Đảng UBND tỉnh đã rà soát và trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành (sửa đổi) Quy chế làm việc của Ban cán sự Đảng UBND tỉnh phù hợp và đẩy mạnh phân cấp về công tác cán bộ.

- **Thứ ba**, về sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan, đơn vị: tỉnh đã thành lập **02** Ban Chỉ đạo cấp tỉnh; thành lập **02** đơn vị cấp Phòng, Trung tâm; cắt giảm **30/143** phòng chuyên môn thuộc sở, ngành (chiếm **20,9%**); giảm **03/16** chi cục (chiếm **18%**); **16/72** phòng chuyên môn thuộc chi cục (chiếm **22,2%**).

Đối với đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) đã giảm còn **488** đơn vị đảm bảo theo tiêu chuẩn theo quy định và sắp xếp tinh gọn hệ thống đầu mối bên trong các cơ quan, đơn vị gắn với tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC.

- **Thứ tư**, về phê duyệt vị trí việc làm: Đến ngày 31/3/2024 tỉnh Quảng Trị đã phê duyệt, điều chỉnh vị trí việc làm của **46** cơ quan, tổ chức hành chính đạt tỷ lệ **100%**; **488** ĐVSNCL, đạt tỷ lệ **100%** theo yêu cầu của Chính phủ.

- **Thứ năm**, về tuyển dụng công chức, viên chức: UBND tỉnh đang triển khai việc tiếp nhận vào công chức (không qua thi tuyển, phải qua kiểm tra, sát hạch) đối với **19** trường hợp đảm bảo điều kiện, tiêu chuẩn theo yêu cầu của vị trí việc làm và đang tổng hợp đề xuất tuyển dụng công chức của các cơ quan, đơn vị để xây dựng kế hoạch tuyển dụng theo quy định. Phê duyệt kế hoạch tuyển dụng và tiếp nhận viên chức đối với **163** chỉ tiêu tại **12** cơ quan, đơn vị, địa phương.

Công tác quản lý và sử dụng công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Quảng Trị luôn được thực hiện đúng quy định; UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Nội vụ, Thanh

tra tỉnh thường xuyên kiểm tra hoặc kiểm tra đột xuất việc chấp hành giờ giấc, đạo đức công vụ, tránh gây phiền hà, sách nhiễu người dân, doanh nghiệp khi thực hiện công vụ và giải quyết TTHC. Đến nay, chưa có cán bộ, công chức vi phạm dẫn đến phải xử lý kỷ luật.

- *Thứ sáu*, về công tác đào tạo, bồi dưỡng: Thực hiện Quyết định số 163/QĐ-TTg ngày 25/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC giai đoạn 2016 - 2025; UBND tỉnh ban hành Kế hoạch và phê duyệt dự toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC tỉnh Quảng Trị năm 2024 với nguồn kinh phí **6.623.410.000 đồng**.

Ngoài ra việc nâng lương thường xuyên, nâng lương trước thời hạn, phụ cấp thâm niên vượt khung; phê duyệt Đề án tổ chức xét thăng hạng viên chức hành chính từ ngạch Nhân viên lên ngạch Cán sự, ngạch Cán sự lên ngạch Chuyên viên; viên chức kế toán từ ngạch Kế toán viên trung cấp lên ngạch Kế toán viên và viên chức Văn thư viên trung cấp lên ngạch Văn thư viên tỉnh Quảng Trị năm 2024 được thực hiện theo đúng quy định...

Kính thưa Hội nghị!

Bên cạnh những kết quả đạt được, trong quá trình triển khai thực hiện công tác CCHC tỉnh Quảng Trị vẫn còn tồn tại một số khó khăn, vướng mắc như sau:

- Hiện nay chưa có hướng dẫn về cụ thể định mức biên chế đối với từng loại hình cơ quan, đơn vị; bên cạnh đó trong giai đoạn từ năm 2015 - 2021 đã cắt giảm **10%** biên chế công chức, giai đoạn từ năm 2022 - 2026 tiếp tục yêu cầu giảm thêm **5%** biên chế công chức, trong khi hầu hết các cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh Quảng Trị đều thiếu biên chế công chức, dẫn đến việc xác định vị trí việc làm gắn với xác định biên chế càng khó khăn, còn nhiều bất cập, chưa đảm bảo tính khoa học và đồng bộ.

- Số lượng cán bộ, công chức cấp xã dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính giai đoạn 2019 - 2021 (**121** cán bộ, công chức) đến nay chưa giải quyết xong, yêu cầu phải giải quyết dứt điểm trong năm 2024, trong khi giai đoạn 2023 - 2025 tỉnh tiếp tục sắp xếp **07** đơn vị hành chính để giảm thêm **06** xã, do đó số lượng dôi dư càng lớn, trong khi tình nguồn thu ngân sách không đảm bảo chi hỗ trợ giúp số cán bộ, công chức tinh giản nói trên.

- Việc thu hút, trọng dụng nhân tài vào làm việc tại các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh còn gặp nhiều khó khăn do địa lý và kinh tế của tỉnh Quảng Trị không được thuận lợi nên chưa có chính sách đặc thù để thu hút cũng chưa đủ sức hấp dẫn đến đối tượng có mong muốn được vào làm việc tại tỉnh Quảng Trị. Bên cạnh đó, đối tượng thu hút theo Nghị định số 140/2017/NĐ-CP của Chính phủ còn hạn chế, do đó chưa thực sự tuyển dụng được nhiều người có tài năng, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ trong môi trường quốc tế nhằm thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII.

Tất cả những khó khăn trên, tỉnh Quảng Trị sẽ quyết tâm khắc phục và quyết tâm đẩy mạnh CCHC, nhất là đẩy mạnh cải cách TTHC, đơn giản hóa TTHC, áp dụng các phần mềm trong tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả hồ sơ TTHC công khai, dân chủ nhằm nâng cao mức hài lòng về sự phục vụ hành chính trên địa bàn, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người dân, doanh nghiệp.

Tại hội nghị này, tỉnh Quảng Trị kiến nghị 02 nội dung sau:

Một là, đề nghị Chính phủ chỉ đạo Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ tham mưu ban hành quy định chính sách hỗ trợ kinh phí chi trả số cán bộ, công chức cấp xã, cấp huyện dôi dư do sắp xếp lại đơn vị hành chính cấp xã, cấp huyện (hiện nay một số tỉnh có nguồn thu ngân sách gặp nhiều khó khăn nên chưa có kinh phí đảm bảo chi trả và hỗ trợ để động viên số cán bộ, công chức dôi dư, nghỉ việc).

Hai là, đề nghị Bộ Nội vụ nghiên cứu sớm có hướng dẫn về cụ thể về định mức biên chế đối với từng loại hình cơ quan, đơn vị. Trong đó xem xét giao số lượng biên chế cho tỉnh Quảng Trị bằng các tỉnh có ít hơn hoặc bằng diện tích, dân số, số đơn vị hành chính, như: Lai Châu, Phú Yên, Đắk Nông, Kom Tum... Các tỉnh trên có số lượng công chức được giao hơn tỉnh Quảng Trị từ **110** đến **180** biên chế (tỉnh Lai Châu hơn **110** biên chế; tỉnh Phú Yên được giao hơn **121** biên chế; tỉnh Kon Tum hơn **168** biên chế, tỉnh Đắk Nông hơn **160** biên chế).

Thưa toàn thể Hội nghị!

Trên đây là kết quả công tác cải cách công vụ của tỉnh Quảng Trị đã triển khai và đạt được trong 6 tháng qua cũng như kiến nghị của tỉnh, thay mặt UBND tỉnh Quảng Trị, tôi xin báo cáo với Hội nghị.

Kính chúc Thủ tướng, Phó Thủ tướng, cùng toàn thể các đồng chí thành viên Ban Chỉ đạo CCHC Chính phủ, các đồng chí lãnh đạo bộ, ngành Trung ương và địa phương sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

Xin trân trọng cảm ơn !

THAM LUẬN

Những kết quả nổi bật trong cải cách thủ tục hành chính, một số mô hình hay trong cải cách thủ tục hành chính

UBND tỉnh Hậu Giang

Kính thưa đồng chí Phạm Minh Chính, Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ, Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ!

Kính thưa đồng chí Trần Lưu Quang, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ!

Kính thưa các quý vị đại biểu tham dự Hội nghị tại các điểm cầu!

Qua nghe báo cáo trung tâm của Bộ Nội vụ, ý kiến phát biểu, tham luận của bộ, ngành và các tỉnh, thành phố; tỉnh Hậu Giang thống nhất cao.

Được sự cho phép của Chủ tọa hội nghị, Hậu Giang xin tham gia phát biểu về “Những kết quả nổi bật trong công tác cải cách thủ tục hành chính (TTHC) và một số mô hình, sáng kiến hay trong cải cách TTHC và cải cách hành chính (CCHC) trên địa bàn tỉnh”:

Đề cụ thể hóa các chủ trương của Đảng và Nhà nước về CCHC, Hậu Giang đã thực hiện đúng, đủ các nội dung do trung ương triển khai, bên cạnh đó Tỉnh đã triển khai thực hiện thêm một số nội dung mới đạt được hiệu quả thiết thực, cụ thể:

I. KẾT QUẢ NỔI BẬT TRONG CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Thứ nhất, thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ, Hậu Giang thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, trong thời gian qua tỉnh đã rà soát, cắt giảm và đơn giản hóa nhiều TTHC để phục vụ người dân và doanh nghiệp ngày càng tốt hơn: Tỷ lệ TTHC được giải quyết **đúng và trước hạn** luôn đạt trên **98%**. Chuyển đổi TTHC sang quy trình điện tử và thực hiện mô hình **“5 tại chỗ”** (Tiếp nhận; Thẩm định; Phê duyệt; Đóng dấu, phát hành; Trả kết quả) đối với **149** TTHC cấp tỉnh, góp phần bảo đảm các TTHC được giải quyết thuận tiện, nhanh chóng có ứng dụng công nghệ thông tin, giúp cắt giảm chi phí, thời gian, nâng cao tính công khai, minh bạch trong quá trình giải quyết thủ tục.

Bên cạnh đó, để giải quyết TTHC cấp huyện ngày càng tốt hơn, Hậu Giang thực hiện thí điểm thành lập Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo mô hình Trung tâm Phục vụ hành chính công đối với **08/08** đơn vị cấp huyện, các đơn vị này đều có bộ máy độc lập, phát huy tốt vai trò giám sát, tham mưu UBND huyện thực hiện tiếp nhận, giải quyết TTHC chuyên nghiệp, hiệu quả, nâng cao tính công khai, minh bạch. Qua đó, tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC của Tỉnh luôn đạt trên **85%** hàng năm.

Thứ hai, danh mục công bố TTHC của Tỉnh có thêm cột “**Thời gian giải quyết tại tỉnh Hậu Giang**”, đây là kết quả rà soát, cam kết của Tỉnh về việc giải quyết hồ sơ TTHC trước thời hạn theo quy định của các Quyết định công bố TTHC của bộ, ngành Trung ương. Trong năm 2024, Tỉnh đã thực hiện giảm thời gian giải quyết trên **100** TTHC ngay từ khâu đầu tiên công bố Danh mục TTHC (thay vì phải mất một khoảng thời gian dài sau quá trình giải quyết TTHC, thực hiện các quy trình nghiệp vụ để rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC). Với cách làm này, Tỉnh đã giải quyết hồ sơ cho tổ chức, cá nhân được nhanh chóng, thuận tiện hơn, với mục tiêu luôn luôn lấy người dân và doanh nghiệp là chủ thể để phục vụ.

Thứ ba, thực hiện ký kết Kế hoạch phối hợp trong tiếp nhận và trả kết quả TTHC qua dịch vụ Bưu chính công với Tổng công ty Bưu điện Việt Nam, đã thí điểm chuyển giao qua Bưu điện **09** đơn vị gồm: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, **02** Bộ phận Một cửa cấp huyện và **06** Bộ phận Một cửa cấp xã; qua đó đã giảm được **07** công chức của sở, ngành, từ **02 ÷ 03** công chức cấp huyện, **01 ÷ 02** công chức cấp xã cho việc thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận TTHC; giảm thời gian đi lại cho người dân và tổ chức khi thực hiện TTHC và nhận kết quả TTHC, minh bạch hơn trong công tác thu phí, lệ phí...

Thứ tư, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, triển khai các dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) đã giúp tiết kiệm thời gian và chi phí cho người dân, tổng số TTHC đang thực hiện tiếp nhận tại địa phương **1.837** thủ tục (chia ra cấp tỉnh: **1.392** TTHC; cấp huyện: **283** TTHC; cấp xã: **162** TTHC); Tỉnh thực hiện công bố Danh mục **237** DVCTT toàn trình (trong đó: **174** dịch vụ công áp dụng tại cấp tỉnh; **52** dịch vụ công áp dụng tại cấp huyện và **11** dịch vụ công áp dụng tại cấp xã), hướng tới sẽ triển khai đảm bảo đạt chỉ tiêu tối thiểu **80%** TTHC đủ điều kiện đều được cung cấp toàn trình trong năm 2024, qua đó tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp trong việc tra cứu thông tin, giải quyết TTHC (tỷ lệ nộp hồ sơ DVCTT đạt **trên 70%**; tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản định danh điện tử đạt **82,75%**).

Bên cạnh đó, Tỉnh đã tập trung cải thiện môi trường kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp (kết quả Chỉ số PCI của tỉnh được cải thiện thứ hạng liên tục từ năm 2017 (hạng **50**) đến nay (năm 2023 hạng **09**, tăng **41** bậc). Các thủ tục liên quan đến đăng ký kinh doanh, cấp phép đầu tư, và các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp luôn được đơn giản hóa và xử lý nhanh chóng. Điều này đã thu hút nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước đến với tỉnh, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế.

II. CÁC MÔ HÌNH, SÁNG KIẾN TRONG CẢI CÁCH TTHC

Từ những cách làm và kết quả thực hiện nêu trên, Tỉnh đã triển khai thêm các sáng kiến, mô hình trong CCHC nói chung và cải cách TTHC nói riêng mang lại hiệu quả tại địa phương trong thời gian qua như sau:

Thứ nhất là: Triển khai giải pháp “Đổi mới tinh giản biên chế gắn với tuyển dụng cán bộ trẻ ngang tầm nhiệm vụ”:

Mục tiêu là tinh gọn tổ chức bộ máy, với giải pháp:

(1) Tinh giản **5%** công chức, **10%** viên chức theo lộ trình 2020 - 2026 mà Trung ương giao.

(2) Tinh đổi **5%** công chức, **5%** viên chức để tuyển dụng cán bộ trẻ có trình độ, năng lực đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ mới.

Để triển khai thực hiện đạt mục tiêu trên, Tỉnh ủy đã ban hành Đề án số 06-ĐA/TU ngày 01/5/2023 về thí điểm đổi mới tinh giản biên chế gắn với tuyển dụng cán bộ trẻ ngang tầm nhiệm vụ; nội dung Đề án có ý nghĩa rất quan trọng, cấp thiết nhằm tạo đột phá hiện thực hoá mục tiêu nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, nhất là tăng cường đội ngũ cán bộ trẻ có phẩm chất đạo đức trình độ, năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phát triển trong giai đoạn mới.

Ngoài ra, Tỉnh còn ban hành thêm chính sách đặc thù khuyến khích cán bộ không đáp ứng yêu cầu tự nguyện tinh giản biên chế, để tinh đổi, tuyển dụng cán bộ trẻ đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ, phù hợp với vị trí việc làm đảm bảo nguồn nhân lực phục vụ cho sự phát triển của tỉnh thời gian tới.

Để có cơ sở thực hiện tinh giản biên chế và tinh đổi cán bộ, Tỉnh ủy triển khai thêm Đề án 09-ĐA/TU năm 2024 quy định về vị trí việc làm các cơ quan, đơn vị sự nghiệp của Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh Hậu Giang; theo đó, cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC) sẽ thực hiện nhiệm vụ theo vị trí việc làm được phê duyệt, viết nhật ký làm việc hàng ngày theo mẫu điện tử để định lượng, đo lường và đánh giá hiệu quả công việc gắn với chức trách nhiệm vụ được giao (Đề án được triển khai từ tháng 01/2024). Bước đầu đã cho thấy khá nhiều cán bộ không kê hết mốc thời gian làm việc **8giờ/ngày, 40giờ/tuần**; chứng tỏ biên chế của chúng ta hiện nay không thiếu, thiếu là thiếu người biết làm và có một số đồng chí đã dự định xin thôi việc; nhờ vậy chúng tôi sẽ tuyển vào được cán bộ trẻ có chuyên môn, năng lực tốt, đáp ứng nhiệm vụ mới.

Thứ 2 là: “Triển khai mô hình sử dụng máy tiếp nhận và trả kết quả tự động trong giải quyết TTHC” tại **02** đơn vị cấp huyện là thành phố Vị Thanh và huyện Châu Thành, cụ thể:

Máy được kết nối với Hệ thống Một cửa điện tử, lấy thông tin các hồ sơ dịch vụ công được trả qua máy và gửi lại thông tin khi hồ sơ đã được trả đến Hệ thống thông tin giải quyết TTHC; thực hiện tiếp nhận đối với các TTHC thuộc các lĩnh vực như: Tài nguyên và môi trường; Tư pháp; Giáo dục và Đào tạo; Lao động - Thương binh và Xã hội; Đăng ký kinh doanh; trả kết quả đối với các thủ tục thuộc lĩnh vực: Đăng ký kinh doanh; lĩnh vực Kinh tế; lĩnh vực Xây dựng; lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo; lĩnh vực Đất đai...

Việc triển khai các Hệ thống tự động này, giúp người dân, doanh nghiệp thực hiện TTHC một cách nhanh chóng, thuận tiện (ngay cả ngoài giờ hành chính và ngày nghỉ), không cần phải trực tiếp đến Bộ phận Một cửa, minh bạch hóa quy trình giải quyết thủ tục, tiết kiệm được thời gian; ngoài ra, đây còn là mô hình góp phần thúc đẩy, tuyên truyền về chuyển đổi số, tại các Kios này có trang bị thêm các máy quét căn cước công dân, máy Scan hồ sơ và các trang thiết bị công nghệ hiện đại khác, giúp người dân có thể tự thao tác nộp hồ sơ trực tuyến thuận lợi, dễ

dàng, mang lại hiệu quả thiết thực. Dự kiến trong năm 2024, Tỉnh sẽ triển khai Kios thông minh cho tất cả các cả huyện để phục vụ khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, DVCTT... đặc biệt là các tiện ích mang lại của Luật Căn cước sau ngày 01/7/2024.

Kính thưa Hội nghị!

Với quyết tâm thực hiện tốt công tác CCHC trong thời gian tới, tỉnh Hậu Giang xác định công tác CCHC là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, quan trọng hàng đầu và tập trung thực hiện tốt các nhiệm vụ theo Nghị quyết, Chỉ thị của Chính phủ, các văn bản của bộ, ngành Trung ương và các Chương trình, kế hoạch của tỉnh về CCHC. Triển khai các nhiệm vụ CCHC, đẩy mạnh các hoạt động thông tin, tuyên truyền về CCHC; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; tổ chức kiểm tra định kỳ và đột xuất.

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Đề thống nhất chung toàn quốc cách làm, nhằm nâng cao hiệu quả, tính hợp lý, tổ chức tinh gọn, phù hợp với thực tiễn của Bộ phận Một cửa các địa phương, Tỉnh xin đề xuất, kiến nghị 01 nội dung như sau:

Đề xuất Văn phòng Chính phủ, Bộ Nội vụ có văn bản thống nhất cách làm chung về mô hình hoạt động và tổ chức, biên chế của Trung tâm phục vụ hành chính công và Phòng Kiểm soát TTHC các tỉnh, thành trong cả nước, vì mỗi tỉnh có cách làm riêng, có tỉnh sáp nhập lại thành 01 đơn vị, có tỉnh không; trên cơ sở văn bản hướng dẫn địa phương sẽ triển khai thực hiện thống nhất, đồng bộ toàn quốc với mục tiêu cải cách đạt hiệu quả, đúng quy định, phục vụ tổ chức, cá nhân ngày càng tốt hơn.

Kính thưa quý lãnh đạo, quý đại biểu!

Công tác CCHC luôn được tỉnh xác định là một nhiệm vụ quan trọng hàng đầu. Trong thời gian tới, tỉnh tiếp tục triển khai nhiều chương trình, đề án hơn nữa để hiện thực hóa các mục tiêu đã nêu trong Chương trình tổng thể CCHC giai đoạn 2021 - 2030 của Chính phủ đã được cụ thể hóa tại tỉnh Hậu Giang.

Trên đây là báo cáo tham luận của UBND tỉnh Hậu Giang.

Xin kính chúc Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ, cùng toàn thể các đồng chí sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Xin trân trọng cảm ơn!

THAM LUẬN

Những kết quả trong Chuyển đổi số, mô hình hay trong cung cấp dịch vụ công trực tuyến, tồn tại, hạn chế, giải pháp trong thời gian tới

UBND tỉnh Bình Phước

Kính thưa đồng chí Phạm Minh Chính, Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ, Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ!

Kính thưa đồng chí Trần Lưu Quang, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ!

Kính thưa các quý vị đại biểu tham dự Hội nghị tại các điểm cầu!

Trong những năm qua, Bình Phước luôn xác định: “Chuyển đổi số giải quyết các vấn đề của xã hội, vì một cuộc sống tốt đẹp hơn cho người dân”; công tác chuyển đổi số được Tỉnh ủy, UBND tỉnh quan tâm chỉ đạo thực hiện. Từ năm 2021, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Nghị quyết số 04/NQ-TU ngày 18/5/2021 về chuyển đổi số đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh để định hướng và triển khai công tác chuyển đổi số.

1. Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện

Trong 6 tháng đầu năm 2024, UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số của tỉnh đã ban hành nhiều văn bản triển khai thực hiện các nhiệm vụ,... Đặc biệt, tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 128/KH-UBND ngày 04/4/2024 thực hiện đợt cao điểm “90 ngày, đêm” triển khai mục tiêu “4 phủ” với mục tiêu đến ngày 03/7/2024 phấn đấu **100%** người dân đủ điều kiện được cấp căn cước công dân, được kích hoạt danh điện tử, sử dụng sim chính chủ kèm chữ ký số, người dân sử dụng điện thoại thông minh 4G thay thế các điện thoại 2G tắt sóng sau ngày 01/9/2024.

2. Về kết quả nổi bật trong triển khai Chuyển đổi số

- Về chính quyền số: Thời gian qua, tỉnh đã đẩy mạnh chuyển đổi số để phát triển chính quyền số gắn với công tác cải cách thủ tục hành chính (TTHC). Nhất là tỉnh đã thực hiện có hiệu quả chiến dịch **90** ngày, đêm để nâng cao hiệu quả cung cấp, sử dụng dịch vụ công trực tuyến (DVCTT)” triển khai mục tiêu “4 phủ” trên địa bàn tỉnh và ban hành Nghị quyết về miễn, giảm phí, lệ phí khi sử dụng DVCTT. Trong đó: Mức miễn, giảm từ **20%** đến **100%** đối với **06** loại phí, lệ phí lĩnh vực đất đai, đăng ký kinh doanh, hộ tịch khi sử dụng DVCTT trong năm 2024.

Đến nay: Tỷ lệ cung cấp DVCTT (đạt **81,4%**), Tỷ lệ tích hợp, cung cấp dịch vụ công (xếp thứ **06/63** tỉnh, thành phố); tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính (xếp thứ **09/63** tỉnh, thành phố) và nhiều chỉ số tăng so với năm 2023 (như: Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử; số

hóa; khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa; thanh toán trực tuyến...); vị trí xếp hạng phục vụ người dân và doanh nghiệp trong thực hiện TTHC và cung cấp dịch vụ công (Chỉ số 766) xếp thứ **08/63** tỉnh, thành phố...

- Về xã hội số: Đã triển khai nâng cấp mạng 4G phủ sóng **100%** diện tích, đảm bảo cho việc khai thác dữ liệu nhanh, tiện lợi, đã thí điểm mạng 5G tại Quảng trường UBND tỉnh; **100%** xã, thôn, ấp đã hoàn thành việc thành lập các Tổ công nghệ số cộng đồng; đã triển khai phổ cập kỹ năng số đến Tổ công nghệ số cộng đồng và người dân. Tỉnh đã đẩy mạnh triển khai khóa học phổ cập công nghệ số, kỹ năng số cho các thành viên Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số, cán bộ, công chức và thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng, người dân trên Nền tảng học trực tuyến mở đại trà.

- Về kinh tế số: Đã tổ chức các Hội nghị, Hội thảo tập huấn, tuyên truyền về các nền tảng số, tiện ích số, những kiến thức chuyển đổi số, thương mại điện tử phục vụ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất kinh doanh. Hiện nay, tỉnh có khoảng **300** doanh nghiệp cung cấp dịch vụ về công nghệ số đang hoạt động. Có gần **500** tổ chức, cá nhân tham gia sàn thương mại điện tử với hơn **500** sản phẩm. **100%** các siêu thị, trung tâm thương mại và cửa hàng tiện lợi có thiết bị chấp nhận thẻ thanh toán và cho phép người tiêu dùng thanh toán không dùng tiền mặt khi mua hàng.

Với sự vào cuộc đồng bộ, quyết liệt của cả hệ thống chính trị, bằng các hình thức, cách làm phù hợp, gắn với trách nhiệm của người đứng đầu, công tác chuyển đổi số đã đạt được kết quả nổi bật sau:

(1) Đã hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu về chính quyền số, kinh tế số, xã hội số theo Nghị quyết số 17/NQ-CP về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025.

(2) “90 ngày, đêm” triển khai mục tiêu “4 phủ” cấp căn cước công dân, kích hoạt định danh điện tử, sử dụng sim chính chủ kèm chữ ký số, người dân sử dụng điện thoại thông minh 4G thay thế các điện thoại 2G. Kết quả: Từ ngày 04/4/2024 đến ngày 14/6/2024, đã cấp Căn cước công dân cho hơn **8.578/17.464** cần cấp, đạt hơn **49%**; đã kích hoạt định danh điện tử cho **85.486/334.507** cần kích hoạt, đạt hơn **25%**; người dân sử dụng điện thoại thông minh **13.946/22.095** cần cấp, đạt hơn **63%**; cấp chữ ký số: đã hỗ trợ công dân đăng ký sim chính chủ tích hợp chữ ký số được trên **200.000** trường hợp, **23,45%** công dân trưởng thành của tỉnh đã có chữ ký số.

(3) Triển khai tốt các nền tảng số phục vụ cho công tác truyền thông chính sách, giải pháp công nghệ số "Hệ thống thông tin nguồn tỉnh Bình Phước" đạt Giải thưởng chuyển đổi số Việt Nam (VietNam Digital Awards) năm 2023 ở hạng mục "Cơ quan nhà nước chuyển đổi số xuất sắc".

3. Một số khó khăn, vướng mắc

Qua quá trình thực hiện, tỉnh gặp một số khó khăn, vướng mắc, như:

Thứ nhất, nhân lực về CNTT của tỉnh còn hạn chế về số lượng và chất lượng; kỹ năng số của người dân chưa cao, chưa có đủ thiết bị thông minh nên việc ứng dụng các nền tảng số còn hạn chế.

Thứ hai, về hạ tầng số: Hiện dịch vụ mạng di động 5G đã thử nghiệm thành công chưa được triển khai mở rộng; hạ tầng mạng kết nối các thiết bị IoT (Nb-IoT, LoRa, ...) chưa sẵn sàng. Việc triển khai phủ sóng vùng lõm, vùng biên giới chưa thực hiện do không có điện, chưa đảm bảo việc phủ sóng **100%** địa bàn tỉnh.

Thứ ba, về kinh tế số: Đa số doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn thuộc loại hình nhỏ và siêu nhỏ, chưa quan tâm nhiều đến việc chuyển đổi số. Hoạt động quản lý thương mại điện tử, công tác tuyên truyền và thu thuế của các cơ quan chức năng còn gặp nhiều khó khăn do các cá nhân kinh doanh trên các trang mạng Facebook, Zalo, ... không khai báo hoặc đăng ký thông tin địa điểm kinh doanh.

Thứ tư, việc triển khai tích hợp, liên thông dữ liệu giữa tỉnh với các cơ sở dữ liệu (CSDL) cấp bộ còn chậm triển khai do một số bộ, ngành chưa có hướng dẫn, cung cấp các phương thức kết nối, chia sẻ, như: Bộ Kế hoạch và Đầu tư (chỉ kết nối, khai thác được Hộ Kinh doanh, Hợp tác xã, chưa khai thác được Doanh nghiệp); Bộ Tài Nguyên và Môi trường chưa xác nhận Phần mềm tài nguyên môi trường tỉnh đã kết nối với Bộ Tài Nguyên và Môi trường ...

Thứ năm, việc triển khai đánh giá mức độ chuyển đổi số của doanh nghiệp còn gặp khó khăn. Nguyên nhân: Nhiều doanh nghiệp còn e ngại chuyển đổi số; tài chính, nguồn nhân lực và mức độ am hiểu về chuyển đổi còn hạn chế.

4. Giải pháp triển khai trong thời gian tới

Để triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ trong thời gian tới, tỉnh Bình Phước sẽ triển khai đồng bộ các giải pháp như sau:

Thứ nhất, tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức trong công tác chuyển đổi số tại tỉnh.

Thứ hai, tiếp tục đôn đốc các doanh nghiệp viên thông phối hợp với các địa phương trên địa bàn tăng cường rà soát, phát triển, duy trì hạ tầng mạng cáp quang tới **100%** hộ dân, mở rộng vùng phủ sóng đảm bảo xóa các vùng lõm sóng.

Thứ ba, triển khai chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia chuyển đổi số; đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh. Chỉ đạo các ngành thúc đẩy phát triển kinh tế số, trong đó xác định một số hình mẫu phát triển kinh tế số trong một số lĩnh vực như nông nghiệp, công nghiệp chế biến, du lịch, thương mại và logistics để nâng cao tỷ lệ Kinh tế số trong GRDP.

5. Kiến nghị, đề xuất

- Đề nghị các bộ, ngành quan tâm hỗ trợ tỉnh triển khai hoàn thành việc kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu chuyên ngành đảm bảo tính nhất quán dữ liệu.

- Bộ Công Thương có cơ chế, chính sách triển khai điện lưới quốc gia cho các vùng biên giới trên địa bàn tỉnh.

- Bộ Thông tin và Truyền thông và các Tập đoàn viễn thông ưu tiên sớm triển khai 5G trên địa bàn tỉnh.

Trên đây là tham luận của UBND tỉnh Bình Phước.

Xin kính chúc các đồng chí lãnh đạo, các quý vị đại biểu lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và đạt được nhiều thành công trong công tác.

Xin trân trọng cảm ơn./.

THAM LUẬN

Đánh giá những tác động đến phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh và những bài học kinh nghiệm

UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Kính thưa đồng chí Phạm Minh Chính, Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ, Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ!

Kính thưa đồng chí Trần Lưu Quang, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ!

Kính thưa các quý vị đại biểu tham dự Hội nghị tại các điểm cầu!

Kính thưa Hội nghị!

Trong thời gian qua, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xác định cải cách hành chính (CCHC) là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong chỉ đạo điều hành của tỉnh; lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm để phục vụ; lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp làm thước đo chất lượng, hiệu quả của các cấp chính quyền. Do đó, để thực hiện hiệu quả Nghị quyết 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ và Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 02/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2030, tỉnh đã luôn bám sát chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương để đề ra các Chương trình, Kế hoạch triển khai với các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, phân công cụ thể đến từng cơ quan, đơn vị để tổ chức thực hiện đảm bảo hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao. Bên cạnh đó, tỉnh luôn cầu thị, thường xuyên tìm hiểu, trao đổi, học tập kinh nghiệm từ các tỉnh, thành phố có những mô hình sáng kiến hay để nghiên cứu, vận dụng, áp dụng vào điều kiện thực tế tại tỉnh.

Qua kết quả công bố của Bộ Nội vụ và các bộ, ngành Trung ương, năm 2023, các chỉ số PAR INDEX, SIPAS, PCI, PGI của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đều đạt kết quả tích cực, nằm trong nhóm **10** tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước. Đây là minh chứng rõ nét cho sự nỗ lực của tỉnh trong thực hiện công tác CCHC đã được các bộ, ngành Trung ương và người dân, doanh nghiệp ghi nhận, đánh giá tốt, là động lực để tỉnh tiếp tục đổi mới trong công tác CCHC, nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Trong 5 tháng đầu năm 2024, kết quả phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh có những chuyển biến theo hướng tích cực hơn so với cùng kỳ năm 2023, hầu hết các chỉ tiêu kinh tế, tài chính (**11/13** chỉ tiêu) tăng trưởng so với cùng kỳ và cao hơn mức kế hoạch cả năm 2024; Tổng thu ngân sách trên địa bàn lũy kế 5 tháng khoảng **39.792 tỷ đồng**, đạt **44,91%** dự toán,

tăng **6,04%** so với cùng kỳ (Nghị quyết HĐND tỉnh giao **88.600 tỷ đồng**); thu hút vốn FDI hơn **1,52 tỉ USD**, dẫn đầu và chiếm **13,8%** tổng vốn đầu tư cả nước, gấp hơn **12** lần cùng kỳ. Các dự án đầu tư này đến từ **30** quốc gia, vùng lãnh thổ, và các tập đoàn, định chế tài chính hàng đầu của Việt Nam với công nghệ tiên tiến, hiện đại, ít thâm dụng lao động, năng suất cao, thân thiện với môi trường. Song song với phát triển kinh tế, tỉnh đã ưu tiên dành nguồn lực để đầu tư phát triển con người và nâng cao chỉ số hạnh phúc của người dân, trên địa bàn tỉnh không còn hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn quốc gia; trật tự an toàn xã hội, quốc phòng - an ninh được bảo đảm, cuộc sống của người dân không ngừng được nâng cao.

Để đạt được kết quả nêu trên, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo sát sao, kịp thời của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương; sự chia sẻ, hợp tác có hiệu quả của các địa phương trong cả nước; sự đoàn kết, thống nhất và sự ủng hộ, đồng lòng của các tầng lớp Nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp. Đặc biệt, việc thực hiện tốt công tác CCHC thời gian qua trên địa bàn tỉnh đã góp phần rất lớn đến việc thực hiện hoàn thành các mục tiêu thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Qua thực tiễn triển khai thực hiện đẩy mạnh CCHC, xây dựng chính quyền điện tử, nâng cao chất lượng phục vụ người dân, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp trong thời gian qua, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã tập trung một số giải pháp trọng tâm trong lãnh đạo, chỉ đạo điều hành, như sau:

Thứ nhất, đổi mới, quyết tâm, linh hoạt trong công tác chỉ đạo, điều hành.

Bám sát và thực hiện nghiêm các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo CCHC của Chính phủ về công tác CCHC; tỉnh đã chỉ đạo quyết liệt, đồng bộ từ tỉnh tới cơ sở, ban hành Chỉ thị⁸⁶ về nâng cao hiệu quả công tác CCHC trên địa bàn tỉnh. Trong đó, yêu cầu nâng cao vai trò trách nhiệm của người đứng đầu trong thực hiện nhiệm vụ, đổi mới phương thức làm việc; thực hiện tốt công tác phối hợp trong việc giải quyết các TTHC cho người dân, doanh nghiệp, không để xảy ra tình trạng né tránh, đùn đẩy trách nhiệm.

Chỉ đạo các cơ quan đăng ký, xây dựng khâu đột phá trong công tác CCHC, chuyển đổi số và thực hiện Đề án 06/CP năm 2024 đảm bảo hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

Thứ hai, thường xuyên lãnh đạo tăng cường cải cách TTHC và xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm, đột phá trong CCHC. Qua đó đã tạo sự chuyển biến rõ nét, tạo môi trường thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC.

Trong đó tập trung rà soát, đơn giản hóa thành phần hồ sơ, rút ngắn

⁸⁶ Chỉ thị số 10/CT-UBND ngày 16/8/2021 của UBND tỉnh về nâng cao hiệu quả công tác CCHC trên địa bàn tỉnh.

thời gian giải quyết TTHC, đẩy mạnh thực hiện dịch vụ công trực tuyến (DVCTT). UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch⁸⁷ và rút ngắn **35 ÷ 40%** thời gian giải quyết so với thời gian quy định của khoảng **40% TTHC (800/1.921 TTHC)**; cung ứng **100%** TTHC đủ điều kiện để thực hiện dịch vụ công trực tuyến với **1.634 TTHC** (Trong đó **521 DVCTT** toàn trình, **1.113 DVCTT** một phần, kết quả tỷ lệ hồ sơ trực tuyến đạt trên **93%**).

Thứ ba, đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của các cơ quan, đơn vị.

Đảm bảo hoạt động hiệu lực, hiệu quả giúp giảm bớt khâu trung gian, tiết kiệm chi phí cho người dân, doanh nghiệp trong thực hiện các TTHC để phục vụ các hoạt động sản xuất, kinh doanh,...Đến nay, tỉnh đã thực hiện phân cấp **23** nội dung, ủy quyền **23** nội dung cho các cơ quan hành chính cấp tỉnh, chủ yếu tập trung trong các lĩnh vực Tài nguyên và môi trường, Lao động, Xây dựng, Nội vụ, Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Tài chính, ...

Thứ tư, thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC).

Đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, thực hiện thi tuyển chức danh lãnh đạo quản lý tại tất cả các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh; chuyển đổi vị trí công tác, thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

Thứ năm, đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong chỉ đạo, điều hành và giải quyết công việc nhằm đạt hiệu quả hơn nữa.

Quản trị đội ngũ CBCCVC phải tiên phong trong chuyển đổi số; tuyên truyền, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp biết và sử dụng các tiện ích, các ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác CCHC mà tỉnh đang triển khai thực hiện. Đưa vào vận hành thí điểm Trung tâm giám sát, điều hành, cùng với Trợ lý ảo phục vụ hỗ trợ tra cứu, tìm kiếm thông tin một cách chính xác và nhanh chóng; Ứng dụng Phản ánh hiện trường, tra cứu thông tin quy hoạch; Triển khai ứng dụng “Điều hành công việc” nhằm kịp thời chỉ đạo, xử lý và cảnh báo hồ sơ chậm trễ để chỉ đạo khắc phục.

Thứ sáu, thường xuyên tổ chức gặp gỡ, đối thoại và duy trì hiệu quả kênh thông tin đường dây nóng của Lãnh đạo tỉnh để giải quyết kịp thời những phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp, tỉnh.

Lãnh đạo tỉnh và các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh dành **30** phút đầu giờ mỗi ngày làm việc để tiếp người dân, doanh nghiệp và định kỳ hàng quý tổ chức đối thoại với doanh nghiệp, nhà đầu tư tại cơ quan, đơn vị. Duy

⁸⁷ Kế hoạch số 178/KH-UBND ngày 21/8/2022 của UBND tỉnh.

trì đường dây nóng của Lãnh đạo tỉnh **24/24h** để tiếp nhận phản ánh kiến nghị của người dân, doanh nghiệp. Tổ công tác đặc biệt của tỉnh thường xuyên, định kỳ làm việc với các cơ quan, đơn vị nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, hỗ trợ hiệu quả các doanh nghiệp, nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh. Tổ chức các Hội nghị gặp gỡ, đối thoại giữa Lãnh đạo tỉnh với doanh nghiệp để lắng nghe và tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc của các doanh nghiệp.

Thứ bảy, triển khai áp dụng các mô hình sáng kiến, cách làm hay mang lại hiệu quả trong thực hiện nhiệm vụ và giải quyết hồ sơ TTHC cho người dân.

Điển hình là mô hình “Ngày thứ Bảy lắng nghe dân nói” triển khai tại tất cả các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh. Thí điểm tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả không phụ thuộc địa giới hành chính lĩnh vực Giao thông vận tải và lĩnh vực Y tế. Đưa vào vận hành Mini app Zalo “App BRVT Smart” để thúc đẩy chuyển đổi số gắn với CCHC.

Thứ tám, để kịp thời nhận diện chấn chỉnh, tồn tại, hạn chế trong công tác CCHC, UBND tỉnh đã chỉ đạo và tổ chức kiểm tra công vụ, kiểm tra CCHC đảm bảo ít nhất mỗi đơn vị 01 lần/năm.

Kính thưa Hội nghị!

Sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tỉnh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với nhiều khâu đột phá. Địa phương xem đây là cơ sở, tiền đề để thu hút đầu tư vào các lĩnh vực, ngành nghề, đặc biệt là các ngành mà tỉnh đã có quy hoạch trọng tâm như: Công nghiệp, cảng biển, Logistics, đô thị, dịch vụ du lịch,... Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu sẽ tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng CCHC, đổi mới phương thức chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết TTHC góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống người dân, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tại tỉnh.

Trong thời gian tới, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu luôn mong muốn tiếp tục nhận được sự quan tâm, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các đồng chí Phó Thủ tướng Chính phủ; sự hướng dẫn, hỗ trợ của các bộ, ngành Trung ương và sự chia sẻ, hợp tác của các tỉnh, thành phố trên cả nước để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Cuối cùng xin kính chúc đồng chí Thủ tướng, đồng chí Phó Thủ tướng, lãnh đạo các bộ, ngành Trung ương, UBND các tỉnh, thành phố luôn mạnh khỏe, hạnh phúc và thành công.

Xin trân trọng cảm ơn./.

THAM LUẬN

Những kết quả trong Chuyển đổi số, thực hiện Đề án 06, dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn thành phố, tồn tại, hạn chế, giải pháp trong thời gian tới

UBND thành phố Đà Nẵng

Kính thưa đồng chí Phạm Minh Chính, Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ, Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ!

Kính thưa đồng chí Trần Lưu Quang, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ!

Kính thưa các quý vị đại biểu tham dự Hội nghị tại các điểm cầu!

Xác định rõ mục tiêu “Cải cách hành chính theo hướng lấy người dân, doanh nghiệp là TRUNG TÂM”, do đó trong những năm qua, Công tác cải cách hành chính (CCHC) luôn được Thành ủy, HĐND và UBND Thành phố quan tâm chỉ đạo với mục tiêu gắn công tác CCHC trong việc phát triển kinh tế - xã hội, đổi mới, đề xuất các sáng kiến trong từng nhiệm vụ chuyên môn, gắn công tác CCHC trong thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn thành phố, triển khai Đề án 06 của Chính phủ về phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Qua đó, đã đạt được một số kết quả nổi bật như sau:

Thứ nhất, Thành phố đã tích cực, trách nhiệm, chủ động tham mưu, lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai quyết liệt, hiệu quả các chỉ đạo của Đảng, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về thực hiện công tác chuyển đổi số và Đề án 06/CP, trong đó đã tham mưu Thành ủy ban hành Chỉ thị, Hội đồng nhân dân thành phố thông qua Nghị quyết chuyên đề, đồng thời UBND thành phố ban hành nhiều Kế hoạch, Công văn chỉ đạo triển khai thực hiện công tác chuyển đổi số và Đề án 06/CP...

Thứ hai, theo kết quả 6 tháng đầu năm 2024, Thành phố triển khai được **1.844/1.886** dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) (**1.817** toàn trình và **27** một phần), đạt tỷ lệ **98%** và đảm bảo **100%** DVC đủ điều kiện đã được triển khai toàn trình. Tích hợp **1.499** DVCTT lên Cổng dịch vụ công quốc gia, đạt tỷ lệ **79,5%**. Tỷ lệ DVCTT phát sinh hồ sơ trực tuyến là **453/463** đạt tỷ lệ **98%** (mục tiêu năm 2024 là **98%**). Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến đạt **90%** (**66.607/74.006** hồ sơ, không tính **69.184** hồ sơ lĩnh vực chứng thực; mục tiêu năm 2024 là **95%**).

Thứ ba, tỷ lệ số hóa, cấp kết quả thủ tục hành chính (TTHC) số đạt **64%** tính đến thời điểm hiện tại, trong đó **100%** kết quả mới (năm 2023 và 6 tháng đầu năm 2024) đã được số hóa đưa vào Kho kết quả TTHC (mục tiêu năm 2024, đạt **100%** kết quả mới và **90%** kết quả các năm 2020 - 2022). Về Kết quả giải quyết TTHC (số) được sử dụng lại: Qua thống kê sơ bộ các sở ngành thành phố; trung

bình có khoảng **21%** TTHC đã công bố, sử dụng lại kết quả TTHC số đề người dân không phải nộp thành phần hồ sơ này (Sở Giao thông vận tải: **52%** TTHC áp dụng, Sở Du lịch: **42%**, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: **32%**, Sở Thông tin và Truyền thông: **25%**).

Thứ tư, Thành phố thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Đề án 06/CP và **43** mô hình về Đề án 06/CP của các sở, ngành, địa phương; tổ chức làm việc trực tiếp với các sở, ngành, địa phương để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Đề án 06/CP. Theo đó, Thành phố đã triển khai, hoàn thành **11/43** mô hình điểm về Đề án 06/CP (gồm các Mô hình: 4, 6, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 41, 43), đang triển khai **29/43** mô hình.

Thứ năm, đã triển khai cung cấp **24/25** dịch vụ công thiết yếu theo Đề án 06/CP, tiếp nhận, giải quyết **1.169.448** hồ sơ TTHC trực tuyến trên Cổng dịch vụ công, một số dịch vụ công có tỷ lệ tiếp nhận trực tuyến đạt **100%**. Ngoài ra, **100%** cơ sở khám chữa bệnh triển khai thực hiện khám chữa bệnh bằng CCCD gắn chip, **98,7%** người đang tham gia BHYT, BHXH đã được xác thực thông tin với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Thứ sáu, hoàn thành chỉ tiêu thu nhận hồ sơ cấp căn cước công dân và tài khoản định danh điện tử đối với **100%** nhân khẩu đủ điều kiện; cấp hơn **10.000** chữ ký số công cộng để người dân sử dụng ký thành phần hồ sơ khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến...

Thứ bảy, các giải pháp không dùng tiền mặt được quan tâm, triển khai thực hiện hiệu quả (chi trợ cấp thất nghiệp qua ATM đạt tỷ lệ **100%**; chi trả BHXH một lần qua ATM đạt **98,83%**; chi ốm đau thai sản, dưỡng sức phục hồi sức khỏe qua ATM đạt **99,97%**...).

Thứ tám, Thành phố đã đưa vào vận hành Trung tâm giám sát, điều hành thông minh thành phố Đà Nẵng (IOC), hiện Trung tâm IOC cung cấp **15** dịch vụ đô thị thông minh, **53** bài toán cảnh báo và **153** bài toán dịch vụ đô thị thông minh.

Ngoài ra, Thành phố đã thành lập Ban Chỉ đạo, Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo triển khai công tác chuyển đổi số và Đề án 06/CP thành phố, đồng thời, thường xuyên rà soát, kiện toàn Ban Chỉ đạo, Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo; chỉ đạo hợp nhất Tổ công nghệ số cộng đồng và Tổ công tác Đề án 06/CP tại tổ dân phố/thôn trên địa bàn thành phố. Công tác đảm bảo an ninh, an toàn các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân được quan tâm, chú trọng

Để đạt được kết quả như trên, Thành phố Đà Nẵng đã sớm triển khai và liên tục rà soát, cập nhật các giải pháp để người dân, doanh nghiệp thuận lợi sử dụng các tiện ích thông qua công tác chuyển đổi số và Đề án 06/CP, cụ thể như sau:

Thứ nhất, triển khai các chính sách hỗ trợ phí/lệ phí và thời gian xử lý: Thành phố bắt đầu triển khai nội dung này từ năm 2019 theo hướng giảm thời gian xử lý đến **50%** đối với DVCTT so với xử lý hồ sơ trực tiếp, chịu chi phí chuyển phát nộp hồ sơ, kết quả cho công dân qua bưu điện. Hiện nay, Tại Kỳ họp

Thứ 15 Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng nhiệm kỳ 2021 - 2026, Khóa X đã thông qua Nghị quyết giảm lệ phí một số TTHC khi nộp hồ sơ trực tuyến.

Thứ hai, sử dụng cơ sở dữ liệu và kết quả TTHC số để huỷ/bỏ những TTHC không cần thiết. Thành phố đã hoàn thành kết nối với Cơ sở dữ liệu (CSDL) quốc gia về dân cư và từ tháng 03/2023 đã đưa vào khai thác, sử dụng 03 dịch vụ từ CSDL quốc gia về dân cư. Tuy nhiên các dịch vụ này mới cho phép tra cứu, chưa hình thành tệp tài liệu để phục vụ cho cán bộ xử lý hồ sơ TTHC. Do đó, Thành phố Đà Nẵng đã triển khai trích xuất dữ liệu từ CSQL quốc gia về dân cư và cung cấp File điện tử (ký số) để thay thế thành phần hồ sơ phải nộp/xuất trình (Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú, Giấy xác nhận,...). Tính từ khi bắt đầu đưa vào sử dụng đến cuối tháng 06/2023, đã có **80.000** lượt giao dịch giữa Hệ thống giải quyết TTHC của Thành phố và CSDL quốc gia về dân cư để phục vụ cung cấp DVC. Với công cụ này, các cơ quan, địa phương rất thuận lợi trong quá trình tái cấu trúc quy trình xử lý TTHC, cho phép cắt giảm thành phần phải khai báo (iform tự động trích rút dữ liệu từ CSDL dùng chung mà người dân không phải nhập). Thành phố Đà Nẵng đã làm việc, thống nhất với Bộ Công an triển khai trong năm 2023: Mô hình điểm ứng dụng từ CSDL quốc gia về dân cư, Căn cước công dân và định danh, xác thực điện tử; trong đó phối hợp với Cục C06 tích hợp ứng dụng VneID tích hợp với Cổng dịch vụ công, cho phép người dân, doanh nghiệp, cơ quan tổ chức thực hiện DVCTT qua sử dụng tài khoản VNeID.

Thứ ba, triển khai chữ ký số công cộng cho người dân. Một trong những rào cản khi triển khai DVCTT toàn trình chính là bảo đảm tính pháp lý của hồ sơ khi công dân nộp. Do vậy cần sự đối chiếu trực tiếp để xác thực dẫn đến khó triển khai toàn trình. Ngoài việc, phối hợp với Trung tâm Chứng thực quốc gia bổ sung chức năng ký số, thành phố đã phối hợp với Câu lạc bộ chữ ký số và giao dịch điện tử Việt Nam kết nối với các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng và tiến hành ký kết Biên bản ghi nhớ vào ngày 07/7/2023. Đến nay đã cấp hơn **12.000** chữ ký để người dân sử dụng ký thành phần hồ sơ khi nộp dịch vụ công trực tuyến một cách thuận lợi và nhanh chóng.

Thứ tư, sử dụng kết quả TTHC số, kết hợp với gắn mã QR cho phép cung cấp "DVCTT nâng cao". Theo đó, Đà Nẵng là địa phương duy nhất toàn quốc đến nay triển khai cấp kết quả TTHC số gắn với mã QR. Việc sử dụng kết quả TTHC số gắn với mã QR giúp người dân thuận lợi trong lưu trữ, xuất trình kết quả TTHC số, đặc biệt là loại cấp phép; cũng như giúp cơ quan nhà nước thuận lợi trong quản lý nhà nước sau cấp phép.

Thứ năm, tổ chức Đường dây nóng và bố trí nhân lực trực để hỗ trợ cung cấp, sử dụng DVCTT và trong triển khai Đề án 06/CP. Thành phố đã lập Tổng đài, bộ máy tiếp nhận, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp thực hiện TTHC, DVCTT và các vấn đề liên quan đến triển khai Đề án 06/CP (số tắt *1022) và tiếp nhận công khai các nội dung tại địa chỉ "<https://gopy.danang.gov.vn>".

Bên cạnh các kết quả đạt được, vẫn còn một số tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc, “điểm nghẽn” làm chậm, muộn tiến độ triển khai. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, việc đồng bộ dữ liệu kết quả giải quyết TTHC lên Cổng dịch vụ công quốc gia gặp khó khăn do thay đổi các trường dữ liệu đầu vào, dẫn đến số liệu đo lường của địa phương chưa được ghi nhận chính xác (chủ yếu do số lượng hồ sơ chứng thực chưa đồng bộ lên đủ); hệ thống thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia hay gặp trở ngại.

Thứ hai, đối với Đề án 06/CP, hiện có **03** mô hình chưa triển khai thực hiện do chưa có tài liệu kỹ thuật, hướng dẫn của các bộ, ngành có liên quan, gồm: (1) Mô hình 12: Triển khai nền tảng quản lý lưu trú trên xe khách đường dài; (2) Mô hình 19: Triển khai sử dụng CCCD gắn chip quét thanh toán vé tàu, xe... không dùng tiền mặt; (3) Mô hình 39: Phân tích tình hình du lịch thông qua lưu trú.

Thứ ba, hiện nay, việc rà soát các TTHC để tái cấu trúc, triển khai DVCTT theo quy định mới còn phụ thuộc vào Danh mục dịch vụ công đủ điều kiện thực hiện toàn trình do các bộ, ngành ban hành. Điều này cũng dẫn đến việc khó khăn trong áp dụng đơn giản TTHC (giảm khâu thực hiện, kế thừa lại dữ liệu, kết quả TTHC số) vì phải chờ căn cứ pháp lý từ bộ, ngành.

Thứ tư, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của thành phố đã có chức năng đáp ứng yêu cầu điện tử hóa để xử lý hồ sơ công việc hoàn toàn trên môi trường điện tử. Việc tuân thủ xử lý trên môi trường mạng của các cơ quan, đơn vị được thành phố đánh giá qua bộ chỉ số ứng dụng CNTT hàng năm. Tuy nhiên còn vướng mắc đối với các TTHC có thành phần hồ sơ lớn như ngành xây dựng, tài nguyên và môi trường thì quá trình luân chuyển xử lý hạn chế về đáp ứng dung lượng.

Ngoài ra, vẫn còn một bộ phận người dân chưa thành thạo các thao tác thực hiện TTHC trên cổng dịch vụ công dẫn đến tiến độ giải quyết TTHC chậm, kết quả hạn chế, nhất là với đối tượng người cao tuổi, đối tượng ít sử dụng công nghệ thông tin. Quy trình thực hiện các TTHC trên Cổng dịch vụ công chưa tối ưu, phải thực hiện nhiều bước dẫn đến tâm lý người dân ngại thao tác trên môi trường điện tử.

Trước những tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc nêu trên, để tiếp tục phát huy kết quả đạt được, đảm bảo triển khai đồng bộ, xuyên suốt và hiệu quả các nhiệm vụ thời gian tới, Thành phố Đà Nẵng tập trung thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm sau:

Thứ nhất, tổ chức quán triệt đến toàn bộ cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC), lực lượng vũ trang nhận thức đúng và đầy đủ ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác chuyển đổi số và Đề án 06/CP, thống nhất nhận thức thực hiện Đề án 06/CP xuyên suốt theo nguyên tắc “5 - 4 - 3 - 2 - 1, gồm: (1) 05 nhóm: Pháp lý - hạ tầng - an ninh an toàn - dữ liệu - nguồn nhân lực; (2) 04 cấp: Trung ương - thành phố - quận, huyện - phường, xã; (3) 03 tiện ích đem lại: Văn minh xã hội - phát triển kinh tế - phòng chống tội phạm; (4) 02 việc: Nhận thức đúng - giải pháp, sáng tạo, đột phá phù hợp thực tế địa phương; (5) 01 trách nhiệm Người đứng đầu”.

Thứ hai, triển khai nâng cấp Hệ thống thông tin giải quyết TTHC đáp ứng yêu cầu xử lý toàn trình đối với TTHC có thành phần hồ sơ lớn. Đồng thời, nghiên cứu áp dụng công nghệ AI, sinh trắc học để triển khai DVCTT đối với các TTHC

còn phải làm trực tiếp như TTHC lĩnh vực chứng thực, hộ tịch (sử dụng camera, quét hình ảnh ...).

Thứ ba, tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả thực hiện dịch vụ công trực tuyến, trong đó lưu ý việc rà soát, chuẩn bị các điều kiện triển khai thực hiện giải pháp chuyên đổi VNeID là tài khoản duy nhất trong thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.

Thứ tư, tập trung đẩy mạnh công tác số hoá tài liệu, làm sạch cơ sở dữ liệu chuyên ngành để kết nối, chia sẻ với CSDL quốc gia về dân cư đảm bảo tiến độ đề ra, nhất là các CSDL: hộ tịch điện tử; quốc tịch; lý lịch tư pháp; lao động việc làm; giáo dục nghề nghiệp; Hệ thống thông tin nhà ở và thị trường bất động sản gắn với CSDL đất đai; chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn; đất đai gắn với Hệ thống thông tin nhà ở....

Thứ năm, đẩy mạnh triển khai thực hiện các mô hình điểm về Đề án 06/CP đảm bảo hoàn thành theo đúng lộ trình đề ra. Tiếp tục đề xuất các giải pháp nâng cao việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt, trong đó chú trọng nâng cao tỷ lệ chi trả an sinh xã hội không dùng tiền mặt cho đối tượng bảo trợ xã hội và người có công với cách mạng trên địa bàn thành phố.

Đồng thời cũng đề xuất kiến nghị một số nội dung, cụ thể như sau:

Thứ nhất, đối với Văn phòng Chính phủ, đề nghị hoàn thiện các chức năng trên Cổng dịch vụ công quốc gia, đang còn xảy ra khá nhiều lỗi, nhất là về thanh toán trực tuyến..., đồng bộ dữ liệu từ địa phương lên.

Thứ hai, đối với Bộ Thông tin và Truyền thông:

- Có chính sách hỗ trợ chi phí cho các Đại lý DVCTT đối với hoạt động này nhằm thúc đẩy mô hình hoạt động trên cả nước.

- Sớm ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật để địa phương có cơ sở xây dựng giá dịch vụ chuyên giao doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích đảm bảo một số công việc trong quá trình hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC.

- Có chỉ đạo các doanh nghiệp công nghệ số, phối hợp với địa phương triển khai nhiều dịch vụ ký số để góp phần phổ cập chữ ký số cho người dân, từ đó cung cấp DVCTT thuận lợi hơn (hiện nay, sử dụng chữ ký số cho quá ít dịch vụ, do đó chưa khuyến khích được người dân nhận chữ ký số, dù cấp miễn phí).

Thứ ba, đối với các bộ ngành, đẩy mạnh tái cấu trúc quy trình để đơn giản TTHC (giảm khâu thực hiện, kê thừa lại dữ liệu, kết quả TTHC số) khi triển khai xuống địa phương nhằm tạo thuận lợi cho người dân để sử dụng hơn

Chuyên đổi số là công cuộc chưa có tiền lệ, là vấn đề nhận thức chứ không phải chỉ là vấn đề công nghệ. Phía trước vẫn còn rất nhiều nhiệm vụ phải hoàn

thành, do đó với quyết tâm chính trị cao nhất, toàn hệ thống chính trị Thành phố Đà Nẵng nhất định nỗ lực hơn nữa, quyết liệt, kiên trì hơn nữa, nêu cao vai trò trách nhiệm và sự vào cuộc của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương, chung tay nỗ lực trong việc triển khai công tác chuyển đổi số, Đề án 06/CP trong hành trình đưa Đà Nẵng trở thành một thành phố thông minh, hiện đại, một thành phố mang tên “Thành phố đáng sống”

Trên đây là tham luận của thành phố Đà Nẵng về nội dung “Những kết quả trong Chuyển đổi số, thực hiện Đề án 06, dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn thành phố, tồn tại, hạn chế, giải pháp trong thời gian tới”.

Kính chúc quý vị đại biểu sức khỏe, kính chúc Hội nghị thành công tốt đẹp.

Xin trân trọng cảm ơn!

THAM LUẬN

Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ, những kết quả, tồn tại, hạn chế và giải pháp trong thời gian tới

UBND thành phố Hà Nội

Kính thưa đồng chí Phạm Minh Chính, Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ, Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ!

Kính thưa đồng chí Trần Lưu Quang, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ!

Kính thưa các quý vị đại biểu tham dự Hội nghị tại các điểm cầu!

Bám sát tinh thần chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về cải cách thủ tục hành chính (TTHC) mục tiêu **“lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp là thước đo đánh giá hiệu quả của các cấp chính quyền”**, Thành phố Hà Nội xác định cải cách TTHC, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ là nhiệm vụ trọng tâm, đột phá của Thủ đô. Thành phố đã triển khai nhiều giải pháp trong lĩnh vực cải cách TTHC để nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp và đã đạt được nhiều kết quả tích cực:

1. Về công tác cải cách TTHC

(1) 6 tháng đầu năm 2024, Thành phố ban hành gần **30** văn bản liên quan đến kiểm soát TTHC, cải cách TTHC; chủ động ban hành quy chế phối hợp thực hiện liên thông các TTHC lĩnh vực Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Tư pháp và Thuế - đây là cơ sở quan trọng để các cơ quan, đơn vị phối hợp liên thông, giải quyết công việc, giải quyết TTHC thông suốt, hiệu quả, rút ngắn thời gian, giảm thời gian đi lại của người dân, tổ chức; chuẩn hóa quy trình giải quyết công việc, giải quyết TTHC.

(2) Thực hiện đơn giản hóa TTHC, Thành phố đã thông qua phương án đơn giản hóa **65** TTHC; ban hành **40** Quyết định công bố danh mục TTHC mới ban hành, TTHC được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ; ban hành **27** Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC. Các Quyết định công bố danh mục TTHC sau khi ban hành, đã được công khai trên Cổng dịch vụ công Quốc gia, Cổng Giao tiếp điện tử của Hà Nội và các địa điểm để người dân dễ tiếp cận.

(3) **100%** TTHC được tiếp nhận, giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Thực hiện tái cấu trúc quy trình TTHC, phục vụ việc xây dựng dịch vụ công trực tuyến (DVCTT), tích hợp với Cổng dịch vụ công quốc gia để kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu (CSDL) quốc gia về dân cư. Hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn và trước hạn của Thành phố đạt tỷ lệ cao, đạt **99.80%**.

(4) Rà soát, thống kê, xây dựng quy trình giải quyết công việc nội bộ (ngoài TTHC) của các cơ quan hành chính thuộc Thành phố. Tính đến nay, các sở, ban, ngành Thành phố đã ban hành **305** quy trình; cấp huyện ban hành **1.688** quy trình và **111** quy trình liên thông; cấp xã ban hành **3.755** quy trình giải quyết các công việc nội bộ (ngoài TTHC).

(5) Thực hiện số hóa kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực thuộc thẩm quyền của các cơ quan nhà nước; thực hiện tái cấu trúc tích hợp **70%** TTHC đủ điều kiện tích hợp trên Cổng dịch vụ công quốc gia; Thành phố đã thực hiện ủy quyền TTHC đối với **708/1892** TTHC (**37,4 %**) trong đó: Số TTHC đã ủy quyền là **91** TTHC, số đề xuất ủy quyền là **617** TTHC, vượt chỉ tiêu tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ **17.4%**.

(6) Triển khai sáng kiến, mô hình mới trong cải cách TTHC, ngay từ đầu năm 2024 Thành phố đã triển khai phương thức thanh toán phí, lệ phí không dùng tiền mặt khi thực hiện TTHC tại các Bộ phận Một cửa (từ 01/6/2024); thí điểm gửi xe không tiền mặt tại **07** vị trí nằm trên các tuyến phố của quận Hoàn Kiếm; Triển khai người dân thuộc diện được hưởng chính sách an sinh xã hội đăng ký tài khoản để thực hiện chi trả không dùng tiền mặt; thí điểm học bạ số các trường phổ thông; tiếp tục thí điểm Trung tâm Phục vụ hành chính công tại quận Hoàn Kiếm; Triển khai Cuộc thi Tìm kiếm ý tưởng, giải pháp CCHC trên địa bàn thành phố...

2. Về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính

Để tiếp tục nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp, ngoài thực hiện cải cách TTHC, Thành phố tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ, nâng cao ý thức trách nhiệm của cán bộ, công chức trong thực thi công vụ. Ngày 07/8/2023, Ban Thường vụ Thành ủy đã ban hành Chỉ thị số 24-CT/TU và Kế hoạch số 171-KH/TU về việc tăng cường kỷ luật, kỷ cương và trách nhiệm giải quyết công việc trong hệ thống chính trị của Thành phố; tổ chức Hội nghị quán triệt nội dung thực hiện Chỉ thị đối với **23.000** cán bộ trong hệ thống chính trị của toàn Thành phố; thực hiện thanh tra, kiểm tra công vụ, kiểm tra CCHC.

Năm 2024, Thành phố đã hợp nhất các Ban Chỉ đạo thành Ban Chỉ đạo CCHC, Chuyển đổi số và Đề án 06 của Thành phố, thành lập Đoàn kiểm tra của Ban Chỉ đạo tiến hành kiểm tra đồng thời **03** nội dung (CCHC, Chuyển đổi số và Đề án 06), giúp cho đơn vị nhận ra các vấn đề tổng thể.

Đổi mới công tác kiểm tra, thanh tra toàn diện và tập trung kiểm tra sâu các lĩnh vực: Việc thực hiện quy định về tiếp nhận và giải quyết TTHC, tiếp công dân, xử lý và giải quyết đơn thư của cơ quan, đơn vị; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn trong thực thi công vụ của cán bộ, công chức; thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính; tổ chức kiểm tra việc triển khai thực hiện các chỉ đạo, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị khi được lãnh đạo Thành ủy, UBND Thành phố giao hoặc khi có thông tin phản ánh của các phương tiện thông tin đại chúng, cá nhân, tổ chức... trong 5 tháng đầu năm 2024, Đoàn kiểm tra công vụ đã kiểm tra tại Sở Kế hoạch

và Đầu tư và các đơn vị có liên quan (Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, UBND quận Tây Hồ, UBND quận Bắc Từ Liêm).

Một số cơ quan đã thực hiện kiểm tra công vụ theo chuyên đề như: Kiểm tra công vụ việc thực hiện quy trình tiếp nhận và giải quyết TTHC Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp II, cấp IV và nhà ở riêng lẻ; công tác kiểm tra việc xây dựng công trình theo giấy phép được cấp trên địa bàn quận Tây Hồ theo quy định của pháp luật của UBND quận Tây Hồ; kiểm tra công vụ đối với việc bỏ sổ hộ khẩu giấy, sổ tạm trú trong giải quyết thủ tục hành chính (UBND các quận, huyện Cầu Giấy, Thanh Trì, Hoàn Kiếm, Phú Xuyên).

Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra năm 2023 và 5 tháng đầu năm 2024, Thành phố đã thực hiện **2.187** cuộc kiểm tra công vụ, kiểm tra CCHC, TTHC trên toàn địa bàn Thành phố (trong đó, Đoàn Kiểm tra công vụ Thành phố thực hiện **42** cuộc kiểm tra; các cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố thực hiện **2.145** cuộc). Qua kiểm tra cho thấy các cơ quan đã thực hiện nghiêm túc quy định về giờ làm việc, kỷ luật, kỷ cương hành chính, quy tắc ứng xử, tiếp công dân, kiểm tra công vụ nội bộ, quan tâm bố trí cơ sở vật chất khang trang phục vụ việc tiếp nhận và giải quyết hồ sơ hành chính của công dân, tổ chức; không có phản ánh kiến nghị về thái độ ứng xử không phù hợp của CBCCVC, người lao động; gắn kết quả tự kiểm tra công vụ nội bộ với công tác đánh giá, xếp loại hàng tháng, năm và thi đua, khen thưởng cuối năm. Công tác kiểm tra công vụ được tăng cường thể hiện trách nhiệm của người đứng đầu trước yêu cầu CCHC và tăng cường kỷ luật, kỷ cương, hiệu lực, hiệu quả hành chính nhà nước các cấp, các ngành.

Công tác đánh giá, phân loại CBCCVC có nhiều đổi mới: Đánh giá hàng tháng trực tuyến và công khai mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với **100%** CBCCVC và lao động trong các cơ quan, đơn vị; Giám đốc các Sở chuyên ngành chấm điểm Trưởng các phòng chuyên môn thuộc các Sở và UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp huyện chấm điểm Chủ tịch UBND cấp xã. Đối với người đứng đầu sở, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Thành phố, kết quả đánh giá, xếp loại của người đứng đầu và tập thể lãnh đạo được xem xét gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.

Bên cạnh những kết quả đạt được trong thực hiện cải cách TTHC và công tác thanh tra, kiểm tra, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ của Thành phố còn gặp nhiều khó khăn trong quá trình triển khai: **(1)** Việc công bố TTHC của một số bộ, ngành còn chưa kịp thời, cập nhật chưa đầy đủ lên Cổng dịch vụ công quốc gia. Ngoài ra, giao diện các TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia, các chức năng của Công dịch vụ công quốc gia chưa thuận tiện cho người dân, chưa thông suốt kịp thời. **(2)** Việc thực hiện số hóa tại Bộ phận Một cửa các sở, ngành và Bộ phận Một cửa của UBND cấp huyện đang bị chậm so với lộ trình đề ra do thiếu hướng dẫn chi tiết về quy định lưu trữ hồ sơ điện tử của Trung ương; **(3)** Khối lượng, yêu cầu công việc lớn, trong khi đời sống của CBCCVC, người lao động trong các cơ quan nhà nước còn khó khăn, đặc biệt công chức xã, phường dẫn đến một bộ phận chưa yên tâm công tác; một số công

chức thôi việc do áp lực công việc; (4) Việc xử lý các vấn đề phát hiện khi kiểm tra chưa quyết liệt, nghiêm túc, dẫn đến nhiều nội dung không quá phức tạp nhưng chậm được khắc phục, tái diễn, hoặc tồn tại kéo dài.

Đề đẩy mạnh cải cách TTHC, nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ của đội ngũ CBCCVC, Thành phố tập trung triển khai các giải pháp sau:

Thứ nhất, tiếp tục đổi mới công tác chỉ đạo, điều hành theo phương châm 3 rõ “*Rõ quy trình giải quyết, tiến độ, chất lượng, hiệu quả công việc; Rõ thẩm quyền, trách nhiệm; Rõ kết quả kiểm tra, đôn đốc, xử lý người đứng đầu trong thực thi công vụ*” và thường xuyên kiểm điểm tiến độ, chất lượng triển khai thực hiện; chỉ rõ trách nhiệm từng tập thể, cá nhân và kịp thời có giải pháp khắc phục tồn tại, chậm trễ. Đẩy mạnh việc cá thể hóa trách nhiệm, đề cao trách nhiệm người đứng đầu trong thực thi nhiệm vụ; Phát huy tinh thần chủ động, đổi mới sáng tạo, dám nghĩ, dám làm vì lợi ích chung.

Thứ hai, tiếp tục rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa quy định, TTHC liên quan đến hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh và đời sống người dân bảo đảm cắt giảm, đơn giản hóa ít nhất **20%** số quy định và cắt giảm ít nhất **20%** chi phí tuân thủ theo chỉ đạo của Chính phủ; bám sát chỉ đạo, hướng dẫn của bộ, ngành chủ quản trong việc thực hiện các nhiệm vụ về số hóa, làm giàu dữ liệu đặc biệt tập trung các dữ liệu về hộ tịch, tài nguyên và môi trường, xây dựng, y tế, giáo dục, an sinh xã hội; số hóa, xây dựng các cơ sở dữ liệu phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Thành phố. Xác định, chỉ ra các "điểm nghẽn" ở từng lĩnh vực, từng đơn vị, từng địa phương, nhất là các điểm nghẽn về hạ tầng, công nghệ, nhân lực, dữ liệu, bảo mật an ninh an toàn. Kịp thời đề ra biện pháp, giải pháp khắc phục, tháo gỡ, giải quyết.

Thứ ba, tăng cường việc ủy quyền giải quyết TTHC theo hướng “cấp nào sát cơ sở, sát Nhân dân nhất thì giao cấp đó giải quyết, không để tình trạng nhiều tầng nấc, kéo dài thời gian giải quyết và gây những nhiễu, tiêu cực”; Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hướng dẫn cho doanh nghiệp, người dân biết được những tiện ích trong giải quyết TTHC trên môi trường điện tử; hoàn thành việc tích hợp, kết nối và chia sẻ dữ liệu dân cư theo yêu cầu, nhiệm vụ tại Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 16/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

Thứ tư, tiếp tục đẩy mạnh triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong CCHC nhất là lĩnh vực cải cách TTHC gắn với chuyển đổi số, tháo gỡ, khó khăn, vướng mắc cho người dân, doanh nghiệp. Đẩy mạnh ứng dụng CSDL quốc gia về dân cư kết hợp với các CSDL quốc gia, CSDL chuyên ngành; thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt, thương mại điện tử (thanh toán hóa đơn, chi trả lương hưu, tích hợp mã định danh với mã số thuế để nâng cao hiệu quả thu thuế...). Đẩy mạnh xây dựng Hệ thống CSDL dùng chung Thành phố, kết nối, chia sẻ dữ liệu

với các bộ, ngành, địa phương nhằm tạo ra những giá trị mới; bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu với cơ sở dữ liệu về dân cư theo đúng lộ trình Đề án 06.

Thứ năm, rà soát, sắp xếp, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, biên chế, quy chế làm việc, quy trình công tác của các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND Thành phố. Đôn đốc, rà soát, kiểm tra việc xây dựng, hoàn thiện quy chế làm việc, quy trình công tác, quy trình nội bộ giải quyết công việc ngoài TTHC và kết quả bước đầu của việc thực hiện nhiệm vụ được phân cấp, ủy quyền... của các cơ quan đơn vị.

Thứ sáu, tăng cường thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra công vụ, kiểm tra đột xuất, trong đó chú trọng thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các văn bản chỉ đạo của UBND Thành phố. Việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; xử lý nghiêm và công bố, công khai các cán bộ, công chức, viên chức, cơ quan, đơn vị để xảy ra chậm trễ, gây phiền hà; kịp thời xử lý, ngăn chặn tình trạng công chức, viên chức đùn đẩy, né tránh, sợ trách nhiệm trong thực thi công vụ, nhiệm vụ. Thông qua kiểm tra, phát hiện các sáng kiến, cách làm hay của cơ sở để động viên kịp thời và nhân rộng.

Trên đây là tham luận của UBND thành phố Hà Nội.

Xin kính chúc các đồng chí lãnh đạo, các quý vị đại biểu sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

Xin trân trọng cảm ơn!